

## XII

# PHẨM NHƯ LAI TÁNH

### Thứ mười hai

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Hai mươi lăm cõi có ngã cùng chăng ?".

Phật dạy : "Này Thiện nam tử ! Ngã tức là nghĩa Như Lai tạng. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh tức là nghĩa của ngã. Nghĩa của ngã như vậy từ nào tới giờ thường bị vô lượng phiền não che đậy, vì thế nên chúng sanh chẳng nhận thấy được.

Như cô gái nghèo, trong nhà có nhiều kho tàng vàng ròng, tất cả người nhà không ai biết. Một hôm có người khách lạ khéo biết phương tiện bảo cô gái nghèo : "Nay tôi thuê cô dọn cỏ rác cho tôi".

Cô gái liền đáp : "Nếu ông có thể chỉ kho vàng cho tôi, rồi tôi sẽ dọn cỏ rác cho ông".

Người khách nói : "Tôi biết cách thức, có thể chỉ kho vàng cho cô".

Cô gái nói : "Tất cả người nhà của tôi còn chẳng biết được, huống là ông mà có thể biết !".

Khách lại nói : "Nay tôi có thể biết chắc chắn".

Cô gái nói : "Tôi gấp muốn thấy, ông nên chỉ cho tôi".

Người khách liền ở trong nhà cô, đào được kho vàng rỗng. Cô gái thấy kho vàng lòng rất vui mừng ngạc nhiên lạ lùng, kính trọng người khách.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, tất cả chúng sanh chẳng nhận thấy được. Khác nào cô gái nghèo có kho vàng mà chẳng biết. Hôm nay ta chỉ bày Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh hiện bị các phiền não che đậy. Như cô gái nghèo kia trong nhà sẵn có kho vàng nhưng không thấy được. Hôm nay đức Như Lai chỉ bày kho báu giác tánh cho chúng sanh, đây chính là Phật tánh. Chúng sanh thấy được tánh này lòng rất vui mừng quy ngưỡng đức Như Lai.

Người khách khéo biết phương tiện dụ cho Như Lai. Cô gái nghèo dụ cho vô lượng chúng sanh. Kho vàng rỗng dụ cho Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Ví như cô gái sanh một trai. Trẻ này mắc bệnh, cô gái buồn rầu tìm y sĩ. Y sĩ đến xem bệnh, dùng ba thứ bơ, sữa, đường phèn hiệp lại bảo cho đứa trẻ uống. Y sĩ dặn cô gái, đứa trẻ sau khi uống thuốc chớ cho nó bú, phải chờ thuốc tiêu hóa, rồi mới được cho bú.

Cô gái liền lấy chất đắng thoa trên vú rồi bảo đứa bé : "Vú của mẹ đã thoa thuốc độc, con chớ chạm đến".

Đứa bé đói khát muốn bú, nhưng nghe mùi đắng trên vú bèn chẳng dám gần. Thời gian sau thuốc uống đã tiêu hóa, người mẹ lấy nước rửa sạch vú mình, gọi con đến bú.

Lúc đó đứa trẻ mặc dầu đói khát nhưng nhớ mùi đắng nên chẳng dám đến bú.

Người mẹ bảo : "Vì con uống thuốc nên mẹ lấy chất đắng thoa trên vú. Thuốc con uống đã tiêu hóa, vú của mẹ cũng đã rửa sạch, giờ đây con có thể đến bú không hại gì".

Đứa trẻ nghe mẹ bảo lần lần đến bú.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai cũng vậy. Vì độ tất cả chúng sanh nên dạy tu pháp vô ngã. Nhờ tu pháp đó dứt hẳn tâm chấp ngã, được nhập Niết Bàn. Vì trừ những vọng kiến trong đời nên thị hiện pháp xuất thế gian. Lại chỉ rõ quan niệm chấp ngã của người đời là hư vọng chẳng phải chơn thật, nên dạy tu pháp vô ngã để được thân thanh tịnh.

Như cô gái kia chữa bệnh cho con, nên lấy chất đắng thoa trên vú. Cũng vậy, Đức Như Lai vì dạy tu pháp không nên nói các pháp đều không có ngã.

Như cô gái kia rửa sạch vú rồi kêu con đến bú. Cũng vậy, đức Phật hôm nay nói Như Lai tạng.

Vì thế nên các Tỳ Kheo chớ có sanh lòng kinh sợ.

Như đứa trẻ kia nghe mẹ kêu lần lần đến bú. Cũng vậy, các Tỳ Kheo nên tự phân biệt Như Lai tạng, chẳng được, chẳng có.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Thiệt không có ngã. Vì lúc đứa trẻ mới sanh không hiểu biết. Nếu là có ngã thời ngày mới sanh lẽ ra liền có hiểu biết. Do nghĩa này nên định biết là không ngã.

Nếu quyết định có ngã, sau khi đã thọ sanh, lẽ ra không chết mất. Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh là thường trụ, lẽ ra không hư hoại. Nếu là không hư hoại, sao lại có Sát đế lợi, Bà la môn, Tỳ xá, Thủ đà, Chiên đà la, súc sanh, v.v... sai biệt nhau. Hiện nay thấy các thứ nghiệp duyên chẳng đồng, các loài đều riêng khác. Nếu quyết định có ngã, thời tất cả chúng sanh lẽ ra không hơn kém.

Do những nghĩa trên đây nên quyết định biết Phật tánh chẳng phải là Pháp thường trụ.

Nếu cho rằng Phật tánh quyết định là thường trụ, thời do duyên gì lại nói có sát sanh, trộm cướp, tà dâm, lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ, tham lam, sân khuê, tà kiến.

Nếu ngã tánh là thường trụ, có gì sau khi uống rượu lại say mê.

Nếu ngã tánh là thường trụ, thời kẻ mù lẽ ra thấy sắc, kẻ điếc lẽ ra nghe tiếng, kẻ câm lẽ ra nói được, người què lẽ ra có thể đi.

Nếu ngã tánh là thường trụ, lẽ ra chẳng còn tránh hầm, lửa, nước lụt, thuốc độc, dao gươm, kẻ ác, thú dữ.

Nếu ngã là thường trụ, thời những việc đã từng nghe thấy lẽ ra chẳng quên. Nếu chẳng quên có gì lại nói, tôi đã từng thấy người này ở chỗ đó.

Nếu ngã là thường, thời lẽ ra chẳng nên có niên thiếu, tráng niên, lão thành v.v... Lẽ ra chẳng nên có thịnh, suy, mạnh, yếu cùng nhớ đến việc đã qua.

Nếu ngã là thường, thời nó ở chỗ nào ? Nó ở trong nước mũi, nước miếng, hay ở trong các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng ư !

Nếu ngã là thường, lẽ ra nó phải khắp trong thân, như dầu mè không chỗ hở trống. Nếu như vậy lúc chặt đứt thân thể, thời ngã đó lẽ ra cũng bị đứt !".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Thiện nam tử ! Ví như nhà vua có đại lực sĩ. Trên trán lực sĩ gắn hột châu kim cương. Lực sĩ này cùng người đánh vật. Hột châu kim cương bị đầu kẻ địch đụng lún khuất trong da. Nơi đó thành vết thương. Liên nhờ y sĩ cứu chữa. Y sĩ tài giỏi xem vết thương biết là do hột châu lún vào ở khuất dưới da. Y sĩ hỏi lực sĩ : "Châu kim cương trên trán của ông đâu rồi ?".

Lục sĩ kinh hãi đáp : "Hột châu trên trán của tôi đã mất rồi ư ? Nó rơi rớt ở đâu ?". Nói xong lo rầu khóc lóc.

Y sĩ an ủi : "Nay ông chẳng nên buồn khổ. Vì lúc ông đánh vật, hột châu lún vào ở ẩn dưới da, bóng nó hiện ra nơi ngoài. Lúc các ông vật đánh nhau, lòng quá giận tức, nên hột châu lún vào trán mà chẳng hay biết".

Lục sĩ chẳng tin lời của y sĩ. Nghĩ rằng : Nếu hột châu ở dưới da, máu mủ chảy tuôn có sao hột châu chẳng trôi lên. Còn nếu hột châu ở trong gân, lẽ ra không thể thấy. Hoặc giả y sĩ gạt gẫm ta chăng ?

Bấy giờ y sĩ cầm gương soi trên mặt lục sĩ. Hột châu kim cương hiện ánh sáng trong gương. Lục sĩ nhìn thấy, ngạc nhiên mừng rỡ.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh cũng vậy. Vì không được gần gũi bực Thiện tri thức, dầu có Phật tánh mà đều không nhận thấy. Bị tham, sân, si che đậy. Vì thế nên đọa Địa ngục, Súc sanh Ngạ quỷ, A tu la, Chiên đà la, Sát đế lợi, Bà la môn, Tỳ xá, Thủ đà. Sanh vào trong các dòng đó, như tâm tưởng mà gây ra các thứ nghiệp duyên. Dầu được thân người, nhưng phải điếc, đui, câm, ngọng, què, thọt. Thọ các quả báo trong hai mươi lăm cõi. Vì tham, sân, si, che lấp bốn tâm, nên chẳng biết Phật tánh. Như lục sĩ kia hột châu vẫn ở trong thân mà hô đã mất.

Cũng vậy, chúng sanh chẳng biết gần gũi Thiện tri thức, chẳng biết bảo tạng Như Lai, nên tu học vô ngã. Như hạng chẳng phải bực Thánh, dầu nói là có ngã, nhưng lại chẳng biết chơn tánh của ngã.

Hàng đệ tử của ta cũng giống như vậy, vì chẳng biết gần gũi bực Thiện tri thức, nên tu học vô ngã mà chẳng biết chỗ thật của vô ngã. Còn chẳng tự biết chơn tánh của vô ngã, huống lại có thể biết chơn tánh của ngã.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai nói các chúng sanh đều có Phật tánh, ví như y sĩ chỉ hột châu kim cương cho lực sĩ, các chúng sanh này bị vô lượng phiền não che đậy chẳng biết Phật tánh. Nếu dứt hết phiền não, bây giờ mới đặng chúng biết rõ ràng. Như lực sĩ thấy hột châu trong gương sáng.

Tạng Như Lai vô lượng chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như núi Tuyết có một vị thuốc tên là "Được vị". Thuốc đó rất ngọt, ở dưới lùm bụi rậm, người không thấy được. Có người nghe mùi thuốc liền biết chỗ đó chắc có thuốc ấy. Thuở trước có vua Chuyển Luân ở nơi núi Tuyết này đặt những bông cây để tiếp lấy thuốc. Lúc thuốc đó chín thì từ đất chảy ra chứa vào trong bông cây, mùi vị thuốc ngọt ngon. Sau khi Vua đã băng, thì thuốc đó hoặc chua, hoặc mặn, hoặc ngọt, hoặc đắng, hoặc

cay, hoặc lạt, tùy địa phương của thuốc sanh ra mùi vị đều khác nhau. Nhưng vị thật của thuốc đọng ở nơi núi như mặt trăng tròn. Người phàm ít phước dầu có đào xới chỉ luống khốn khổ mà không thể được. Lúc có Thánh Vương ra đời, vì phước lớn của Vua, liềnặng vị thật của thuốc.

Này Thiện nam tử ! Mùi vị tạng Như Lai cũng như vậy, bị các rừng bụi phiền não che đậy, chúng sanh mê mờ chẳng thấy được.

"Dược vị" trên kia dụ cho Phật tánh. Bởi các phiền não nên sanh ra các thứ mùi vị sai khác như là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, Trời, người, nam, nữ, Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà v.v...

Phật tánh hùng mãnh không thể hư hoại, vì thế nên không ai có thể sát hại được. Nếu sát hại được thời Phật tánh dứt, nhưng Phật tánh trọn không thể dứt, vì không bao giờ tánh có thể dứt được.

Như tánh của ngã tức là tạng Như Lai không có gì phá hoại, đốt cháy được tánh ấy. Dầu không có thể phá hoại, nhưng chẳng thấy được. Nếu chúng đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mới thấy được tánh. Do cố đó nên không ai có thể sát hại được".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Nếu không ai sát hại được, thời lẽ ra không có nghiệp bất thiện ?".



Phật nói : "Này Ca Diếp ! Thiệt có sát sanh. Vì Phật tánh của chúng sanh ở trong thân ngũ ấm, nếu sát hại ngũ ấm, gọi là sát sanh, đã có sát sanh, thời đọa ác thú.

Do nhơn duyên của nghiệp mà có Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, Chiên Đà La, nam, nữ, v.v... hai mươi lăm cõi sai khác lưu chuyển trong dòng sanh tử.

Người chẳng phải bực Thánh vọng chấp tướng của ngã là lớn hay nhỏ, bằng hột cỏ, hoặc bằng hột gạo, hột đậu, nhấn đến bằng ngón tay cái. Họ vọng sanh các thứ tướng tượng như vậy. Tướng của vọng tướng không có chơn thật.

Tướng ngã xuất thế gian, gọi là Phật tánh. Nhận lấy ngã này, gọi là rất lành.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người giỏi biết kho báu dưới đất, liền lấy cuốc bèn đào đất, thẳng đến đá bàn, cát, sỏi, có thể đào qua không khó, chỉ đến lớp kim cương thời không thể xoi thấu.

Luận về chất kim cương, tất cả dao búa không thể làm hư bể. Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, tất cả nhà biện luận, Thiên ma Ba tuần, cho đến các hàng Trời, người, không thể phá hoại.

Tướng ngũ ấm là hữu vi, tướng hữu vi dụ như đá, cát, sỏi, có thể đào, có thể xoi. Phật tánh dụ như kim cương, không thể phá hoại được.

Do nghĩa này, nên phá hoại thân ngũ ấm thời gọi đó là sát sanh.

Này Thiện nam tử ! Nên biết quyết định rằng Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

(\*) Này Thiện nam tử ! Kinh Đại thừa Phương Đẳng như chất cam lồ, cũng có lúc như thuốc độc.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Do nhơn duyên gì mà Đức Như Lai nói kinh Đại thừa Phương Đẳng như chất cam lồ, cũng có lúc như thuốc độc."

- Này Thiện nam tử ! Nay ông muốn biết nghĩa chơn thật của tạng Như Lai chăng ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Tôi nay thiết muốn biết nghĩa của tạng Như Lai".

Bấy giờ đức Thế Tôn nói kệ rằng :

Hoặc có người uống cam lồ  
 Hại thân mạng mà chết sớm.  
 Hoặc có người uống cam lồ.  
 Thêm tuổi thọ sống được lâu.  
 Hoặc uống thuốc độc được sống.  
 Có người uống độc mà chết.  
 Trí vô ngại như cam lồ,  
 Đó chính là kinh Đại thừa.  
 Kinh điển Đại thừa như vậy

(\*) Hán bộ quyển thứ 8

Cũng gọi là chất thuốc độc  
Như bọ, đề hồ, vân vân,  
Nhấn đến các thứ đường phèn  
Uống vào tiêu hóa là thuốc  
Chẳng tiêu hóa thời thành độc.  
Kinh Đại thừa cũng như vậy,  
Nơi người trí, là cam lồ,  
Kẻ ngu chẳng biết Phật tánh  
Nghe Đại thừa thành thuốc độc.  
Vói bực Thanh Văn, Duyên Giác  
Pháp Đại thừa là cam lồ.  
Cũng như trong các mùi vị  
Chất sữa là hơn tất cả.  
Những người siêng năng tinh tấn  
Nhờ nương nơi pháp Đại thừa  
Đặng đến nơi Đại Niết Bàn  
Thành bực vua trong loài người.  
Chúng sanh chúng biết Phật tánh  
Được chất cam lồ vô thượng  
Thời không sanh, cũng không tử  
Như Ca Diếp Bồ Tát thảy.  
Này Ca Diếp ông nên phải  
Khéo phân biệt pháp tam quy,  
Thật tánh của pháp tam quy

Thời là chơn tánh của ngã.  
 Nếu có thể găm xét kỹ  
 Tánh của ngã có tánh Phật.  
 Nên biết những người như vậy  
 Đặng chứng nhập tạng Như Lai.  
 Biết ngã cùng biết ngã sở  
 Người này đã được xuất thế.  
 Tánh, Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo  
 Là bực đệ nhất vô thượng.  
 Kệ trên đây của ta nói  
 Phật tánh đó nghĩa như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát nói kệ bạch Phật :

Tôi nay đều chẳng biết  
 Quy y nơi Tam Bảo  
 Thế nào sẽ về đến  
 Vô thượng vô sở úy ?  
 Chẳng biết chỗ Tam Bảo  
 Thế nào là vô ngã ?  
 Quy y Phật thế nào  
 Mà đặng nơi an ổn ?  
 Quy y Pháp thế nào  
 Xin Phật vì tôi nói.  
 Thế nào đặng tự tại ?  
 Thế nào chẳng tự tại ?

Quy y Tăng thế nào  
Lại đặng lợi vô thượng ?  
Thế nào thuyết chơn thật  
Đời sau thành Phật đạo ?  
Đời sau nếu chẳng thành  
Thế nào quy Tam Bảo ?  
Nay tôi không dự biết  
Nên tuân tự quy y.  
Thế nào chưa thai nghén  
Mà tưởng sẽ sanh con ?  
Nếu biết ở trong thai  
Thời gọi là có con,  
Con nếu ở trong thai  
Chắc sẽ sanh chẳng lâu  
Đây gọi là nghĩa con,  
Nghiệp chúng sanh cũng vậy.  
Như lời Phật đã nói  
Người ngu chẳng biết được.  
Do vì họ chẳng biết  
Luân hồi ngục sanh tử  
Giả danh Ưu Bà Tắc  
Chẳng biết nghĩa chơn thật.  
Xin Phật rộng phân biệt  
Dứt trừ lưới nghi cho.

Đức Phật trí huệ lớn  
 Xin thương vì phân biệt  
 Xin nói nơi Như Lai  
 Tặng báu rất bí mật.

- Ca Diếp ông nên biết :  
 Ta nay sẽ vì ông  
 Khéo mở tặng bí mật  
 Cho ông đừng dứt nghi,  
 Nay phải hết lòng nghe :  
 Ông trong hàng Bồ Tát  
 Thời đồng một danh hiệu  
 Với đức Phật thứ bảy.  
 Người quy y nơi Phật  
 Thiệt là Ưu Bà Tắc  
 Trọn chẳng lại quy y  
 Những thiên thần nào khác.  
 Người quy y nơi Pháp  
 Thời lia sự sát hại.  
 Người quy y Thánh Tăng  
 Chẳng cầu các ngoại đạo,  
 Quy Tam Bảo như vậy  
 Thời đừng vô sở úy.

- Ca Diếp bạch Phật rằng :

Tôi cũng quy Tam Bảo  
 Đây gọi là đường chánh  
 Cảnh giới của chư Phật.  
 Tướng Tam Bảo bình đẳng  
 Thường có tánh trí huệ  
 Tánh ngã và tánh Phật  
 Không hai không sai khác.  
 Đạo này Phật khen ngợi  
 Thẳng đến chỗ ở an  
 Cũng gọi chánh biến tri  
 Nên được Phật tán thán.  
 Tôi cũng đến Phật đạo  
 Của đức Phật ngợi khen  
 Là cam lồ tối thượng  
 Các cõi chỗ không có.

Đức Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Nay ông chẳng nên như hàng Thanh Văn, cùng hàng phàm phu phân biệt ngôi Tam Bảo. Nơi Đại thừa đây không có tướng Tam quy sai khác, vì trong Phật tánh bèn có Pháp và Tăng. Nhơn muốn hóa độ hàng Thanh Văn và phàm phu, nên phân biệt nói tướng tam quy sai khác.

Này Thiện nam tử ! Nếu muốn tùy thuận pháp thế gian, thời nên phân biệt có ba pháp quy y.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát nên suy nghĩ như thế này, nay thân của ta đây quy y nơi Phật, nếu chính nơi thân này đặng thành Phật đạo, đã thành Phật rồi, chẳng nên cung kính lễ bái cúng dường các đức Thế Tôn. Vì chư Phật đều bình đẳng. Khấp vì chúng sanh mà làm chỗ quy y. Nếu muốn tôn trọng pháp thân Xá lợi, thời nên lễ kính tháp miếu của chư Phật, vì muốn hóa độ chúng sanh, cũng làm cho chúng sanh đôi với thân của ta tưởng là tháp miếu mà lễ bái cúng dường. Những chúng sanh đó, lấy pháp thân của ta làm chỗ quy y.

Tất cả chúng sanh đều nương theo pháp tà ngụy chẳng chơn thật, ta sẽ tuần tự vì chúng sanh nói pháp chơn thật.

Nếu lại có chúng sanh nương theo phái chẳng phải chơn Tăng, ta sẽ vì chúng sanh làm chỗ chơn Tăng để chúng quy y.

Nếu có người phân biệt ba pháp quy y, ta sẽ vì họ mà làm chỗ quy y duy nhất, không ba pháp sai khác.

Đôi với hạng sanh manh<sup>(49)</sup> ta vì họ làm nhãn mục.

Ta lại sẽ vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác mà làm chỗ chơn quy.

Này Thiện nam tử ! Như vậy, Bồ Tát vì vô lượng chúng sanh ác và những người trí mà làm Phật sự.

Này Thiện nam tử ! Ví như người lúc ra trận chiến đấu, tự nghĩ rằng trong đội ngũ đây, ta là



người thứ nhất, tất cả binh sĩ đều nương cậy nơi ta.

Cũng như vương tử suy nghĩ thế này, ta sẽ điều phục các vương tử khác, nối ngôi đại vương giữ gìn nghiệp bá chủ, để đặng tự tại, khiến các vương tử đều phải quy y. Vì thế nên chẳng được sanh tâm hạ liệt. Như vương tử, vua và các quan cũng như vậy. Nay Thiện nam tử ! Bồ Tát cũng suy nghĩ như vậy : Thế nào ba sự cùng ta đồng một thể ?

Này Thiện nam tử ! Đức Phật nói ba sự tức là Niết Bàn. Như Lai đó gọi là Vô Thượng Sĩ. Ví như thân người, đầu là trên tất cả, chẳng đồng với tay chơn lông đốt. Phật cũng như vậy, là bậc tôn thượng, chẳng phải Pháp cùng Tăng. Vì muốn hóa độ các thế gian, nên thị hiện những tướng sai khác, ví như bậc thang kia.

Vì thế, nay ông chẳng nên như hàng phàm ngu, nhận biết tướng ba pháp quy y sai khác. Đối với Đại thừa, ông phải như dao bén mạnh mẽ quyết đoán.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Tôi vẫn biết, nhưng cố ý hỏi, chẳng phải là không biết, tôi vì các vị Bồ Tát đại đồng mãnh, mà bạch hỏi chỗ thật hành thanh tịnh không nhớ, muốn đức Như Lai vì các Bồ Tát tuyên nói những việc kỳ đặc, tuyên dương kinh điển Đại thừa Phương đẳng. Đức

Đại Bi Thế Tôn hôm nay đã khéo giải thuyết. Tôi cũng đã an trụ trong pháp đó. Chỗ thật hành thanh tịnh của Bồ Tát mà Phật đã nói đó, tức là tuyên thuyết kinh Đại Niết Bàn.

Thế Tôn ! Nay tôi cũng sẽ rộng vì chúng sanh diễn dương tạng Như Lai bí mật như vậy, cũng sẽ chứng biết chỗ tam quy chơn thật.

Nếu có chúng sanh nào có thể tin kính Đại Niết Bàn này, người đó thời có thể tự nhiên rõ thấu chỗ ba pháp quy y. Vì tạng Như Lai có Phật tánh vậy.

Có người tuyên nói kinh điển này, thời đều nói rằng trong thân vẫn có Phật tánh. Người này bèn chẳng cầu ba pháp quy y nơi đâu xa. Vì đời vị lai đây, thân ta bèn sẽ thành tựu ngôi Tam Bảo. Vì thế nên hàng Thanh Văn, Duyên Giác và những chúng sanh khác đều nương nơi ta mà cung kính lễ bái. Do nghĩa đó nên phải khéo học kinh điển Đại thừa.

Phật tánh như vậy chẳng thể nghĩ bàn, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt cũng chẳng thể nghĩ bàn".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Ông đã thành tựu trí huệ rất sâu .

Nay ta sẽ lại vì ông nói pháp chứng nhập tạng Như Lai.

Nếu ngã là có, thời là pháp thường chẳng rời nơi khổ. Nếu không có ngã, thời tu hạnh thanh tịnh không được lợi ích.

Nếu cho rằng các pháp đều không có ngã, đó là đoạn kiến, nếu cho rằng có ngã thời là thường kiến.

Nếu cho rằng tất cả hành pháp là vô thường, thời là đoạn kiến, cho rằng các hành pháp là thường, thời lại là thường kiến.

Nếu nói là khổ, thời là đoạn kiến, nếu nói là lạc, thời lại là thường kiến.

Tu tất cả pháp thường đó, thời sa nơi đoạn kiến, tu tất cả pháp đoạn đó, thời sa nơi thường kiến. Như bước đi, cần phải do chân trước, mới dời đặt chân sau. Người tu pháp thường, pháp đoạn, cũng lại như vậy, cần phải do nơi đoạn và thường.

Do nghĩ này, nên người tu các pháp khổ đều gọi là chẳng lành, người tu các pháp lạc, thời gọi là lành. Người tu các pháp vô ngã, thời thuộc về phiền não, người tu các pháp thường, thời gọi là tạng Như Lai.

Niết Bàn, không có nơi chốn. Tu những pháp vô thường, thời là tài vật, tu những pháp thường, gọi là Phật, Pháp, Tăng, và chánh giải thoát.

Nên biết Phật pháp trung đạo như vậy, xa lìa hai bên mà nói pháp chơn thật. Người phạm phu ngu

mê đôi trong pháp đó không nghi, như người gầy yếu, được uống thuốc bổ, thời khí lực khỏe khoắn.

Những pháp hữu, vô, thế tánh chẳng nhưt định. Ví như tứ đại tánh nó chẳng đồng, đều trái phản nhau. Lương y khéo biết tùy món đại nào phát bệnh mà điều chỉnh đó.

Này Thiện nam tử ! Cũng vậy, đức Như Lai đôi với các chúng sanh, cũng như vị lương y, rõ biết thể tướng sai khác của các phiền não mà dứt trừ, khai thị tạng Như Lai bí mật, Phật tánh thanh tịnh thường trụ chẳng biến đổi. Nếu cho rằng có, thời lẽ ra trí chẳng nhiễm. Nếu nói là không, bèn thành vọng ngữ. Nếu nói là có, lẽ ra chẳng nên nín lặng. Lại cũng chẳng nên hý luận cãi cọ, chỉ nên cầu được rõ biết chơn tánh của các pháp.

Người phạm phu hý luận cãi cọ vì chẳng hiểu tạng Như Lai. Nếu nói pháp khổ, người ngu bèn cho thân là vô thường, chẳng có thể biết nơi thân có tánh lạc.

Nếu nói vô thường, người phạm phu chấp tất cả thân đều là vô thường, như ngôi chưa hầm chín.

Nếu là người trí nên phải quan sát, chẳng nên nói tất cả đều vô thường vì nơi thân của ta có chúng tử Phật tánh.

Nếu nói vô ngã, người phạm phu sẽ cho là tất cả Phật, Pháp đều không có ngã. Người trí nên phải

quan sát vô ngã là giả danh chẳng thật, rõ biết như vậy chẳng nên sanh nghi.

Nếu nói tạng Như Lai là không tịch, người phàm phu nghe như thế sanh kiến chấp đoạn diệt. Người trí nên phải quan sát Như Lai là thường, không có biến đổi.

Nếu nói giải thoát dụ như huyễn hóa, người phàm phu sẽ cho rằng chúng đặng giải thoát, tức là dứt mất. Người trí nên phải quan sát đức Như Lai giải thoát, dầu có đến đi, nhưng vẫn thường trụ không biến đổi.

Nếu nói vô minh làm nhơn duyên mà có các hành pháp, người phàm phu liền phân biệt tưởng rằng có hai pháp : "Minh" đến "Vô minh". Người trí rõ biết tánh đó vốn không có hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói các hành làm nhơn duyên có ra thức, người phàm phu cho rằng có hai "Hành" cùng "Thức".

Người trí rõ biết tánh đó không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói Thập thiện, Thập ác, có thể tạo tác, không thể tạo tác, đường lành, đường dữ, pháp lành, pháp dữ, người phàm phu nghe đó cho là có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói nên tu tất cả pháp khổ, phạm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh kia không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói tất cả hành pháp là vô thường, thời tạng Như Lai cũng là vô thường, phạm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói tất cả pháp vô ngã, tạng Như Lai cũng không có ngã, phạm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Ngã với vô ngã nơi tánh không có hai thứ.

Tạng Như Lai, nghĩa tánh vô lượng vô biên như vậy, là chỗ mà chư Phật đều tán thán, hôm nay ta ở nơi trong kinh thành tựu tất cả công đức này đều đã nói rồi.

Này Thiện nam tử ! Ngã cùng vô ngã tánh và tướng không có hai thứ, ông phải thận trọng thọ trì như vậy, ông cũng phải ghi nhớ giữ gìn kinh điển này. Như ta ngày trước trong kinh Đại Bát Nhã cũng nói ngã và vô ngã không có hai thứ.

Này Thiện nam tử ! Như do sữa thành lạc, do lạc thành sanh tô, do sanh tô thành thực tô, do thực tô đặng chất đề hồ. Chất lạc đó là từ sữa sanh ra, hay là nó tự sanh, hoặc do cái khác sanh ư, hẳn đến đề hồ cũng lại như vậy. Nếu từ cái khác sanh,

thời là lẽ ra chẳng phải do sữa mà thành. Nếu chẳng phải từ nơi sữa sanh, thời sữa thành vô dụng đối với lạc, bởi sữa vốn không có lạc. Nếu lạc, tự nó sanh lấy nó, lẽ ra chẳng từ sữa lần lần biến thành lạc. Nếu lần lần biến thành, thời là chẳng sanh chung. Nếu chẳng sanh chung, thời cả năm thứ không đồng một thời. Dầu chẳng đồng một thời, nhưng quyết định chẳng phải từ nơi chỗ khác mà có.

Phải biết trong chất sữa đã có tướng của chất lạc. Vì nhiều vị ngọt nên chẳng thể tự biến. Nhấn đến chất đề hồ cũng lại như vậy.

Do con bò cái ăn cỏ, uống nước, huyết mạch chuyển biến mà đặng có sữa. Nếu nó ăn cỏ ngọt, thời sữa nó nhiều vị ngọt. Nếu nó ăn cỏ đắng, thời sữa nó có lẫn vị đắng. Núi Tuyết có thứ cỏ tên là Phì Nhị. Bò cái ăn cỏ Phì Nhị, thời đặng thuần chất đề hồ, không có những màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

Do cỏ lúa làm nhơn duyên mà sữa bò có màu vị khác nhau. Cũng vậy, các chúng sanh do minh cùng vô minh, vì nghiệp làm nhơn duyên mà sanh có hai tướng. Nếu vô minh chuyển thời biến làm minh. Tất cả những pháp thiện, bất thiện, vân vân, cũng lại như vậy, không có hai thứ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói, trong sữa có tướng lạc, nghĩa đó như thế nào ? Thế Tôn ! Nếu nói rằng trong sữa quyết định

có tướng lạc, do vì vị tế chẳng thấy được, thế sao lại nói từ nơi sữa mà thành lạc. Phàm trước vốn không mà nay có thời gọi đó là sanh. Như lạc đã vốn có, sao lại nói là sanh. Nếu nói trong sữa quyết định có tướng lạc, thời trong cỏ lúa lẽ ra cũng có sữa, và trong sữa lẽ ra cũng có cỏ lúa.

Nếu nói trong sữa quyết định không có lạc, thế sao như sữa mà đặng thành lạc. Nếu trước vốn không, sau mới sanh ra có, thời có gì trong sữa chẳng sanh ra cỏ lúa ?

- Thiện nam tử ! Chẳng nên nói quyết định trong sữa có lạc hay trong sữa không có lạc, cũng chẳng nên nói từ nơi khác mà sanh.

Nếu nói trong sữa quyết định có lạc, thời chất và vị của hai thứ sao lại khác nhau. Vì thế nên chẳng nên nói trong sữa quyết định có chất lạc.

Nếu nói trong sữa quyết định không có lạc, có sao trong sữa chẳng sanh vật khác. Đem chất độc pha vào trong sữa, lúc sữa đó thành lạc, thời chất lạc đó giết chết người, vì thế nên chẳng nên nói rằng trong sữa quyết định không có chất lạc.

Nếu nói chất lạc từ nơi khác mà sanh, thời có gì trong nước lã chẳng sanh chất lạc, mà phải từ nơi sữa, vì thế nên chẳng nên nói chất lạc từ nơi khác mà sanh.

Này Thiện nam tử ! Bò cái kia ăn cỏ tiêu hóa biến thành bạch huyết, do phước lực của chúng sanh,



cỏ huyết biến thành sữa. Sữa này dầu từ nơi cỏ huyết mà ra, nhưng chẳng đặng nói là hai thứ, chỉ đặng gọi là từ nhơn duyên mà sanh. Chất lạc, nhẩn đến đề hồ cũng lại như vậy.

Do nhơn duyên nên sau khi sữa mất biến thành chất lạc, ủ đông, hâm nóng, đó là nhơn duyên. Nhẩn đến đề hồ cũng lại như vậy. Vì thế nên chẳng đặng nói quyết định rằng trong sữa không có tướng lạc.

Nếu nói từ nơi khác mà sanh, thời ngoài sữa không do đâu để có chất lạc.

Này Thiện nam tử ! "Minh" cùng "Vô minh" cũng lại như vậy. Nếu chung với phiền não thời gọi là Vô minh, nếu chung với tất cả pháp lành thời gọi là Minh. Do đó nên ta nói không có hai tướng. Vì thế nên trước kia ta nói bò cái ăn cỏ Phì Nhị ở núi Tuyết, thời sanh thuần chất đề hồ. Phật tánh cũng vậy.

Này Thiện nam tử ! Do vì phiền não che đậy nên chúng sanh chẳng thấy Phật tánh, như người phước bạc chẳng thấy được cỏ Phì Nhị.

Như trong biển lớn, dầu đồng một vị mặn, nhưng trong đó cũng có nước ngọt ngon, vị đồng như sữa. Như nơi núi Tuyết, dầu sanh nhiều cỏ thuốc, nhưng cũng có cỏ độc.

Thân của các chúng sanh cũng lại như vậy, dầu có giống rắn độc tứ đại, nhưng trong đó cũng có diệu dược, tức là Phật tánh. Phật tánh chẳng phải là

pháp tạo tác làm ra, chỉ vì phiền não khách trần che khuất, nếu chúng sanh nào dứt trừ được phiền não, thời liền thấy được Phật tánh, thành đạo Vô thượng.

Ví như giữa hư không, giăng mây nổi sấm, trên ngà của tất cả voi đều sanh bông. Nếu không có sấm nổ, thời bông không sanh.

Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, thường bị tất cả phiền não che khuất nên chẳng thấy được. Vì thế nên ta nói chúng sanh không có ngã.

Nếu được nghe kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này, thời được thấy Phật tánh như bông hiện trên ngà voi.

Dẫu nghe tất cả tam muội trong kệ kinh, mà chẳng nghe kinh Đại Niết Bàn này, thời chẳng biết được tướng Như Lai vi diệu. Như lúc không có tiếng sấm, thời chẳng thấy được bông trên ngà voi.

Nếu được nghe kinh này rồi, liền biết tạng Phật tánh của tất cả Như Lai nói. Như trời sấm thấy bông trên ngà voi. Được nghe kinh này liền biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Do nghĩa trên đây, nên nói Đại Niết Bàn là tạng Như Lai thêm lớn pháp thân, như lúc trời sấm, bông trên ngà voi nhờ đó mà được sanh thêm.

Nếu có Thiện nam, Tín nữ, có thể tập học kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn này, nên biết những người đây có thể báo được ân Phật, thật là đệ tử của Phật.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Phật tánh như đã nói rất sâu, khó thấy, khó vào, hàng Thanh Văn, Duyên Giác không thể đến được".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Đúng như lời ông vừa khen, chẳng trái lời nói của ta".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Phật tánh ấy rất sâu, khó thấy, khó vào như thế nào ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Như trăm người mù đến lương y để trị bệnh mắt. Lúc đó lương y dùng kim vàng lột màng mắt của họ, lột xong, giờ một ngón tay hỏi rằng : Thấy không ? Người mù đáp rằng : Tôi vẫn chưa thấy. Lương y lại giờ hai ngón, ba ngón; người mù mới nói rằng thấy mờ mờ.

Này Thiện nam tử ! Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này, lúc đức Như Lai chưa nói cũng lại như vậy. Vô lượng Bồ Tát dầu đầy đủ thật hành các Ba la mật, nhẫn đến bậc Thập trụ vẫn còn chưa thấy được Phật tánh. Lúc Như Lai đã nói, mới thấy được chút ít. Lúc Bồ Tát này đã được thấy, đều nói rằng : "Thế Tôn ! Lạ lùng thay, chúng tôi lưu chuyển thọ vô lượng sanh tử, thường bị vô ngã làm mê lầm.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát này lên bậc Thập địa còn chưa thấy được Phật tánh rõ ràng, huống là hàng Thanh Văn, Duyên Giác, mà có thể thấy đặng.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người ngược mặt nhìn đoàn chim nhạn trên hư không, nhìn kỹ phương

phát thấy dạng bầy nhạn. Bực Thập trụ Bồ Tát đối với Phật tánh, thấy biết được chút ít cũng lại như vậy, huống là hàng Thanh Văn, Duyên Giác mà thấy biết được !

Này Thiện nam tử ! Ví như người say, đi trên đường xa, ngó thấy mập mờ. Bực Thập trụ Bồ Tát đối với Phật tánh thấy biết được ít phần cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như người khát nước, đi trong đồng trống, khắp nơi tìm nước, thấy có lùm cây, trong lùm có chim bạch hạc, người đó bị cơn khát bức ngặt, mê muội chẳng phân biệt được là cây hay là nước. Đến lúc nhìn kỹ mới biết là chim bạch hạc cùng với lùm cây. Bực Thập trụ Bồ Tát, đối với Phật tánh, thấy biết phần ít cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người ở trong biển lớn, nhìn đến trăm ngàn do tuần, trông thấy chiếc thuyền lớn ở ngoài khơi xa, liền nghĩ rằng : Đó là chiếc thuyền hay là khoảng không. Nhìn lâu, trong tâm quyết định biết là thuyền lớn. Bực Thập trụ Bồ Tát, ở trong tự thân, thấy Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như vị Vương tử, thân rất yếu đuối, dạo chơi suốt đêm, đến sáng ngày sau, mắt mờ thấy không được rõ. Bực Thập trụ Bồ Tát dầu ở nơi thân mình thấy được Phật tánh nhưng chưa được rõ ràng cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như quan lại, vì công sự suốt đêm trở về nhà chớp nhoáng thấy bầy trâu, liền nghĩ rằng : Đó là trâu ư, hay là dẫy nhà, nhìn lâu, dần nhận là trâu mà còn chưa định chắc. Bực Thập trụ Bồ Tát, dần ở nơi thân mình thấy Phật tánh, chưa có thể định chắc cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như Tỳ Kheo trì giới, nhìn trong bát nước không có trùng, mà thấy tướng trùng, liền nghĩ rằng : Trong nước đây là trùng hay là bụi đất, nhìn lâu, dần biết là bụi nhưng chẳng rõ ràng. Bực Thập trụ Bồ Tát, ở trong thân mình thấy Phật tánh chẳng được rõ ràng lắm cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người, xa thấy đứa trẻ đứng trong bóng tối, liền nghĩ rằng : Đó là con vật, là chim, hay là người ? Nhìn lâu, dần nhận thấy là đứa trẻ, nhưng vẫn chẳng rõ ràng. Bực Thập trụ Bồ Tát ở nơi thân mình thấy Phật tánh chẳng rõ ràng lắm cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người ở trong đêm tối, thấy bức họa tượng Bồ Tát liền nghĩ rằng : Đây là tượng Bồ Tát hay là tượng Thiên thần, nhìn lâu, dần nhận là tượng Bồ Tát, nhưng chẳng rõ ràng. Bực Thập trụ Bồ Tát ở nơi thân mình thấy Phật tánh chẳng rõ ràng lắm cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh ấy rất sâu như vậy, khó biết khó thấy, chỉ Phật biết rõ, chẳng phải

hàng Thanh Văn, Duyên Giác đến được. Người trí phải quan sát như vậy để rõ biết Phật tánh.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Phật tánh vi tế khó thấy như vậy, thế sao nhục nhãn mà có thể thấy được".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Như trời Phi Tướng Phi Phi Tướng kia, cũng chẳng phải hàng Nhị thừa biết được, chỉ tin theo kệ kinh mà biết.

Này Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn, Duyên Giác tin thuận theo kinh Đại Niết Bàn này, tự biết thân mình có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên phải tinh tấn tu tập kinh Đại Niết Bàn. Phật tánh đó chỉ Phật biết rõ, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác đến được".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Hàng chúng sanh phàm phu chẳng phải Thánh đều nói có ngã".

Phật nói : "Ví như hai người làm bạn thân nhau : Một người là vương tử, một người là dân hèn, hai người đó thường qua lại nhau, lúc đó người nghèo thấy vương tử có một con dao tốt, trong lòng thích muốn, thời gian sau, vương tử mang dao trốn qua nước khác. Một hôm, người dân hèn ngủ nhờ nhà người khác, giữa giấc ngủ mơ nói con dao ! Con dao ! Người nhà nghe được bắt nộp cho vua. Vua gạn hỏi : Nhà người nói con dao, nay ở đâu ? Người dân hèn thuật rõ việc trước. Nay nhà vua dầu giết

thần, banh xẻ tay chân cũng không thể tìm được dao. Thần cùng vương tử vốn là bạn thân, trước kia, đầu mắt được thấy con dao, nhưng còn không dám chạm đến, huống lại cố ý lấy.

Vua lại hỏi : "Lúc nhà ngươi thấy dao, hình dạng giống thứ gì ?".

Người dân hèn thưa : "Tâu Đại Vương, thần thấy con dao ấy giống như sừng dê đen".

Vua nghe xong, vui mừng cả cười, bảo rằng : "Nhà ngươi chớ sợ, ta tha cho ngươi, trong kho tàng của ta, đều không có thứ dao ấy, huống là ngươi thấy con dao nơi vương tử".

Lúc đó nhà vua lại hỏi các quan : "Các khanh từng thấy con dao đó chẳng ?". Nói xong vua liền băng. Triều thần liền lập vương tử khác lên làm vua.

Tân vương lại hỏi các quan : "Các khanh từng thấy con dao đó chẳng ? Hình dáng nó như thế nào ?".

Các quan đồng tâu : "Chúng thần từng thấy hình nó như sừng dê đen".

Vua nói : "Trong kho tàng của ta, chỗ nào mà có thứ dao hình dạng như vậy ?".

Lần lượt bốn vị Tân vương tra tìm con dao ấy đều chẳngặng.

Sau đó, vị vương tử đào vong ngày trước, trở về nước, được tôn làm vua. Khi lên ngôi xong, Tân

vương này lại hỏi các quan : "Các khanh có thấy con dao đó chẳng ? Hình dạng nó thế nào ?".

Các quan tâu : "Chúng tôi đều thấy". Rồi đưa nhau trình bày hình dáng của con dao. Người thì nói sắc dao thanh tịnh như hoa sen xanh. Người lại nói hình như sừng dê. Người thì nói dao màu hồng đỏ như lửa. Người lại nói dao đen tuyền như rấn đen.

Nhà vua cả cười bảo : "Các khanh đều chẳng thấy biết hình dáng thật của con dao của ta".

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát xuất hiện nơi đời nói tướng chơn thiệt của ngã cũng như vậy. Nói xong bỏ đi. Như vương tử mang con dao tốt trốn qua nước khác.

Người phàm phu ngu mê cho rằng tất cả đều có ngã, có ngã. Như người dân hèn ngủ nhờ nhà người khác, mơ nói con dao ! Con dao !

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác hỏi các chúng sanh, tướng của ngã như thế nào ? Đáp rằng : "Tôi thấy tướng của ngã lớn bằng ngón tay cái. Có kẻ nói, như hạt gạo. Có kẻ nói như hạt cỏ. Cũng có kẻ nói tướng của ngã ở trong tâm, sáng rõ như mặt trời".

Những chúng sanh đó đều chẳng biết tướng của ngã. Như các quan chẳng biết hình dáng của con dao.

Bồ Tát nói tướng trạng của ngã, hàng phàm phu chẳng rõ biết, vọng tưởng ra các hình tướng của ngã, như những người nói hình dáng của con dao, giống như sừng dê đen v.v...



Các hạng phàm phu đó, tuân tự nối nhau mà sanh những tà kiến.

Vì dứt những tà kiến đó, nên đức Như Lai hiện ra đời, nói pháp vô ngã. Vương tử bảo các quan : Trong kho tàng của ta không có thứ dao như vậy.

Này Thiện nam tử ! Hôm nay đức Như Lai nói ngã chơn thật gọi là Phật tánh. Phật tánh như vậy ở trong Phật pháp của ta, như con dao tốt kia.

Thiện nam tử ! Nếu có kẻ phàm phu, có thể nói đúng, đó chính là do vì tùy thuận Phật pháp vô thượng. Nếu có người khéo phân biệt tùy thuận tuyên nói như đây, nên biết người đó chính là Bồ Tát.



## THÍCH NGHĨA

-----

- (47)- PHƯƠNG ĐẰNG : Rộng lớn cùng khắp
- (48)- THANH VĂN : Nghe thanh âm; hàng Tiểu thừa nghe thanh âm thuyết pháp của Phật rồi y theo đó tu tập mà đoạn hoặc nghiệp, chứng chơn quả. Không phải như Đại Thừa Bồ Tát tự ngộ bốn tâm, tự chứng bốn tánh.
- (49)- SANH MANH : Kẻ mù từ khi sanh ra. Nơi đây chỉ cho hạng phàm phu không trí huệ chơn chánh.



### XIII

## PHẨM VĂN TỰ

### Thứ mười ba

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Bao nhiêu những dị luận, chú thuật, ngôn ngữ, văn tự, đều là của Phật nói, chẳng phải của ngoại đạo nói".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đức Như Lai nói văn tự căn bốn ra thế nào ?".

Phật nói : Này Thiện nam tử ! Ban đầu nói bán tự để làm căn bốn, để ghi nhận những thật pháp, như ký luận, chú thuật, văn chương, các âm. Hạng phàm phu học bán tự căn bốn này mới biết được những pháp đó là chẳng phải pháp".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Bán tự của Phật nói nghĩa như thế nào ?".

Này Thiện nam tử ! Có mười bốn âm gọi là nghĩa của bán tự.

Tự ở đây nói gọi là Niết Bàn. Vì là thường, nên chẳng lưu chuyển. Nếu chẳng lưu chuyển, thời là vô tận. Vô tận chính là thân Kim cang của Như Lai.

Mười bốn âm là căn bốn của tự.

A (giọng ngắn), là chẳng phá hoại, chẳng phá hoại gọi là Tam Bảo, dụ như chất kim cang. Lại A là chẳng lưu dật, chẳng lưu dật tức là Như Lai. Vì cửu khiếu của Như Lai không có chảy ra, nên là chẳng lưu dật. Lại không có cửu khiếu, nên chẳng lưu dật. Chẳng lưu dật thời là thường, thường chính là Như Lai. Vì thế Như Lai không tạo tác, nên chẳng lưu dật. Lại A gọi là công đức, công đức tức là Tam Bảo, nên gọi là A.

A (giọng dài), gọi là A Xà Lê, A Xà Lê nghĩa là gì ? Chính là người được trong đời gọi là bậc Thánh. Thánh là không chấp trước, thiếu dục, tri túc, thanh tịnh, có thể cứu độ chúng sanh thoát khỏi biển lớn sanh tử trong ba cõi.

Lại A là chế độ. Tu trì giới thanh tịnh, tùy thuận oai nghi. Lại A là nương nơi Thánh như để học oai nghi, đứng, đi, hành động, cúng dường, cung kính, lễ bái Tam Bảo, thảo nuôi cha mẹ. Và hàng thiện nam, cùng thiện nữ học tập Đại thừa, thọ trì đủ cấm giới, và các vị đại Bồ Tát, đây gọi là Thánh như.

Lại A là giáo hối. Như nói các người phải làm như thế này, chẳng nên làm như thế này. Nếu có

thể ngăn dứt những điều chẳng phải oai nghi, thời, gọi là Thánh hơn. Vì thế nên gọi là A.

Y (giọng ngắn), là Phật pháp. Hạnh thanh tịnh rộng lớn, trong sạch không như như mặt trăng tròn. Các người nên làm như vậy, chẳng được làm như vậy, nghĩa này phải, nghĩa này chẳng phải, đây là lời Phật nói, đây là lời ma nói. Vì thế nên gọi là Y.

Y (giọng dài), là Phật pháp vi diệu rất sâu khó đặng. Như Đại Tự Tại Thiên, Đại Phạm Thiên Vương gọi rằng Tự tại. Nếu có thể thọ trì Phật pháp, thời gọi là hộ pháp.

Lại Tự tại chỉ cho bốn bậc hộ thế, bốn bậc Tự tại này thời có thể nhiếp hộ kinh Đại Niết Bàn, cũng có thể tự tại tuyên dương giảng thuyết.

Lại Y là có thể vì chúng sanh thuyết pháp tự tại.

Lại Y là vì được tự tại, nên tuyên thuyết pháp, tức là tu tập kinh điển Đại thừa Phương Đẳng.

Lại Y là dứt tận đồ, như dọn sạch cỏ rác, đều có thể làm cho trở thành tốt lành. Vì thế nên gọi là Y.

UU (giọng ngắn), là tối thượng, tối thắng, tăng trưởng thượng thượng trong các kinh, tức là Đại Niết Bàn.

Lại UU là Như Lai tánh, hàng Thanh Văn, Duyên Giác chưa từng nghe biết. Như Bắc Câu Lô Châu hơn hết các châu. Bồ Tát nếu nghe thọ được kinh

này, thời là tối thắng, tối thượng đôi với tất cả đại chúng. Vì thế nên gọi là UU.

UU UU (giọng dài), ví như sữa bò hơn hết trong các thức ăn. Như Lai tánh cũng như vậy, là tối tôn, tối thượng ở trong các kinh. Nếu có kẻ chê bai hủy báng Như Lai tánh phải biết người này không khác với bò.

Lại UU UU là nói người trên đây là kẻ không có trí huệ chánh niệm, chê bai tạt Như Lai tạng Như Lai bí mật. Người này rất đáng thương xót, ngoài tạng Như Lai bí mật mà nói không ngã, không pháp. Vì thế nên gọi là UU UU.

YÊN, là Phật tánh Niết bàn.

DÃ là nghĩa Như Lai. Lại Dã là Như Lai đứng, đi, cử động không gì chẳng lợi ích tất cả chúng sanh, vì thế nên gọi là DÃ.

Ô là nghĩa phiền não. Phiền não gọi là những hữu lậu. Đức Như Lai dứt hẳn tất cả phiền não, vì thế nên gọi là Ô.

PHÁO, là nghĩa Đại thừa, nghĩa rốt ráo trong mười bốn âm. Kinh điển Đại thừa cũng vậy, là rốt ráo trong các kinh luận. Vì thế nên gọi là PHÁO.

AM, có thể ngăn tất cả những vật bất tịnh, nơi trong Phật pháp có thể bỏ tất cả vàng bạc, châu báu, vì thế nên gọi là AM.

Ă, là nghĩa thẳng thừa. Kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn đây hơn hết trong các kinh vì thế nên gọi là Ă.

CA, đối với các chúng sanh khởi lòng từ bi tưởng như con ruột như La Hầu La, làm những việc nghĩa, lành tốt đẹp, vì thế nên gọi là CA.

KHU, gọi là bạn chẳng lành. Bạn chẳng lành gọi là đơ dáy, chẳng tin tạng Như Lai bí mật. Vì thế nên gọi là KHU.

DÀ, gọi là tạng. Tức là tạng Như Lai bí mật. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì thế nên gọi là DÀ.

RÀNG, là âm vận thường hằng của Như Lai, tức là Như Lai thường trụ chẳng biến đổi. Vì thế nên gọi là RÀNG.

NGA, là tướng phá hoại của tất cả các hành pháp.

GIÁ, là nghĩa tu. Điều phục tất cả chúng sanh gọi đó là tu. Vì thế nên gọi là GIÁ.

XA, Như Lai che chở tất cả chúng sanh, dụ như cây lọng lớn. Vì thế nên gọi là XA.

XÀ, là chánh giải thoát, không có tướng già, vì thế nên gọi là XÀ.

THÀ, là phiền não rậm rạp như lùm rừng vì thế nên gọi là THÀ.

NHÃ, là nghĩa trí huệ, biết pháp tánh chơn thật. Vì thế nên gọi là NHÃ.

**TRA**, là ở nơi cõi Diêm Phù Đề thị hiện bán thân mà thuyết pháp, ví như bán nguyệt, vì thế nên gọi là TRA.

**TRẠCH**, là Pháp thân đầy đủ, ví như mãn nguyệt, vì thế nên gọi là TRẠCH.

**TRÀ**, là ngu si Tăng, chẳng biết thường, cùng với vô thường, ví như trẻ nít, vì thế nên gọi là TRÀ.

**TỔ**, là chẳng biết ơn thầy, ví như con dê đực, vì thế nên gọi là TỔ.

**NOA**, là nghĩa chẳng phải Thánh, dụ như ngoại đạo, vì thế nên gọi là NOA.

**ĐA**, đức Như Lai một lúc kia bảo các Tỳ Kheo, các ông nên lia sự kinh sợ, sẽ vì các ông nói pháp vi diệu, vì thế nên gọi là ĐA.

**THA**, là nghĩa ngu si, chúng sanh lưu chuyển trong dòng sanh tử, như tầm làm kén, như bọ ngựa làm ổ. Vì thế nên gọi là THA.

**ĐÀ**, là bố thí lớn, tức là Đại thừa, vì thế nên gọi là ĐÀ.

**ĐẠN**, là khen ngợi công đức, tức là Tam Bảo, như núi Tu Di cao rộng lớn, không có nghiêng ngã cho nên gọi là ĐẠN.

**NA**, là Tam Bảo an trụ không có nghiêng động, ví như ngạch cửa, nên gọi là NA.



**BA**, là nghĩa điên đảo, như nói Tam Bảo thủy đều dứt mất, nên biết người này là tự nghi hoặc điên đảo, vì thế nên gọi là BA.

**PHẢ**, là tai họa thế gian, nếu nói rằng lúc tai họa thế gian khởi lên thời Tam Bảo cũng dứt mất, nên biết người này là kẻ ngu si vô trí, trái với ý nghĩa của Thánh nhơn. Vì thế nên gọi là PHẢ.

**BÀ**, là mười trí lực của Phật.

**PHẠM**, là gánh nặng, có thể kham nhiệm gánh mang chánh pháp vô thượng, nên biết người này là Đại Bồ Tát. Vì thế nên gọi là PHẠM.

**MA**, là chế độ nghiêm tuấn của Bồ Tát, tức là Đại thừa, Đại Niết Bàn. Vì thế nên gọi là MA.

**GIA**, là các vị Bồ Tát ở mọi nơi chốn, vì các chúng sanh nói pháp Đại thừa. Vì thế nên gọi là GIA.

**RA**, là có thể phá hoại tham dục, sân khuể, ngu si, mà nói pháp chơn thật. Vì thế nên gọi là RA.

**LÀ**, là Thanh Văn thừa động chuyển chẳng dừng, Đại thừa bền vững không có lay động. Bồ Thanh Văn thừa, siêng năng tu tập vô thượng Đại thừa. Vì thế nên gọi là LÀ.

**HÒA**, đức Như Lai Thế Tôn vì các chúng sanh rưới mưa pháp lớn, như những chú thuật, kinh sách thế gian. Vì thế nên gọi là HÒA.

**SA**, xa lìa ba mũi tên độc, vì thế nên gọi là SA.

SÁ, là nghĩa đầy đủ, nếu nghe được kinh Đại Niết Bàn này, thời là đã đặng nghe và thọ trì tất cả kinh điển Đại thừa, vì thế nên gọi là SÁ.

TA, vì các chúng sanh diễn nói chánh pháp làm cho lòng họ vui mừng, nên gọi là TA.

HA, là tâm hoan hỷ, lạ lòng thay đức Thế Tôn rời tất cả hành vi. Lạ thay đức Như Lai nhập Niết Bàn. Vì thế nên gọi là HA.

LA, là nghĩa ma, vô lượng loài ma không thể hủy hoại tạng bí mật của Như Lai, cho nên gọi là LA. Lại LA nhân đến thị hiện tùy thuận thế gian, mà có cha mẹ, vợ con. Vì thế nên gọi là LA.

LÔ, LUU, LU, LÂU, bốn chữ như vậy nói có bốn nghĩa, tức là Phật, Pháp, Tăng và đối pháp. Đối pháp là tùy thuận thế gian, như Đề Bà Đạt Đa thị hiện phá Tăng, hóa làm các thứ hình dáng, sắc tượng để làm duyên cho Phật chế giới. Người trí rõ thấu chẳng nên đối với việc này mà sanh lòng sợ sệt. Đây gọi là những hành vi tùy thuận thế gian vì thế nên gọi là LÔ, LUU, LU, LÂU.

Hít khí trời, cống lưỡi theo tiếng lỗ mũi, tiếng dài, ngắn, cao, thấp, theo giọng nói để giải bày ý nghĩa, đều do lưỡi, răng mà có sai khác. Những chữ nghĩa như vậy có thể làm cho chúng sanh khẩu nghiệp thanh tịnh.

Phật tánh của chúng sanh thời không phải nhờ nơi văn tự rồi sau mới được thanh tịnh, vì Phật tánh vẫn thanh tịnh, nên dầu ở trong ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới, nhưng chẳng đồng với ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới. Vì thế nên chúng sanh đều phải quy y.

Các vị Bồ Tát do nơi Phật tánh mà đều coi chúng sanh bình đẳng như nhau không có sai khác.

Vì thế nên bán tự làm căn bản của những kinh sách, ký luận, văn chương.

Lại nghĩa của bán tự đều là căn bản của phiền não ngôn thuyết.

Nghĩa của mãn tự thời là căn bản của tất cả thiện pháp ngôn thuyết.

Ví như trong đời, người làm ác gọi là bán nhơn, người tu hành gọi là mãn nhơn. Cũng vậy, tất cả kinh sách ký luận đều do bán tự làm căn bản.

Nếu nói Như Lai là chánh giải thoát, vào trong phạm vi bán tự, lời nói này không đúng. Vì Như Lai và chánh giải thoát rời danh tự. Do đó nên đức Như Lai đối với tất cả pháp, không chướng ngại, không đả trước mà đặng chơn thật giải thoát.

Thế nào gọi là hiểu rõ chữ nghĩa? Có người biết đức Như Lai hiện ra nơi đời có thể dứt được bán tự, nên gọi là hiểu rõ chữ nghĩa.

Nếu có kẻ chạy theo nghĩa bán tự, thời người này chẳng biết được tánh Như Lai.

Thế nào gọi là nghĩa vô tự ? Người gần gũi tu tập pháp bất thiện, đây gọi là vô tự. Lại người vô tự dầu có thể gần gũi tu tập pháp lành, nhưng chẳng biết Như Lai là thường cùng vô thường, hằng cùng chẳng phải hằng, chẳng biết Pháp và Tăng, luật cùng phi luật, kinh cùng chẳng phải kinh, chẳng biết lời ma, lời Phật. Nếu người không thể phân biệt rõ biết như vậy, thời gọi là chạy theo nghĩa vô tự.

Nay ta đã nói, chạy theo nghĩa vô tự như vậy, cùng nghĩa bán tự và mãn tự, nên các ông phải rời bán tự khéo hiểu mãn tự.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Chúng tôi phải nên khéo học tự số. Nay tôi được gặp ngay đức Thầy vô thượng, đã lãnh thọ những lời dạy bảo ân cần của Như Lai".

Đức Phật khen ngợi Ca Diếp Bồ Tát :

"Lành thay ! Lành thay ! Người ưa thích chánh pháp phải học như vậy".



## XIV

### PHẨM ĐIỀU DỤ

#### Thứ mười bốn

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Có hai giống chim ! Một tên là Ca lân đề, hai tên là Oan ương. Hai giống chim đó lúc bay, lúc ở đều cùng chung chẳng xa rời nhau. Các pháp khổ, vô thường, vô ngã, chẳng rời nhau cũng như vậy".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Thế nào là các pháp khổ, vô thường, vô ngã, như chim Oan ương và Ca lân đề kia".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Pháp khổ khác, pháp lạc khác, pháp thường khác, pháp vô thường khác, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác. Ví như lúa gạo khác với mè bắp. Mè bắp lại khác với đậu mía. Các thứ ấy từ mầm mống của nó, nhĩn đến trở lá, đơm bông đều là vô thường. Đến lúc thành trái thành hạt khô chín, mọi người thọ dụng mới gọi là thường, vì tánh chất chơn thật".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Những vật như vậy nếu là thường thời có đồng với Như Lai chăng ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Nay ông chẳng nên nói như vậy, vì nói cho rằng Như Lai như núi Tu Di, lúc kiếp hoại núi Tu Di lở sụp, thời đức Như Lai há lại cũng đồng hư hoại ư !

Này Thiện nam tử ! Ông chẳng nên giữ lấy những nghĩa ấy.

Tất cả các pháp chỉ trừ Phật tánh và Niết Bàn, không có một pháp nào là thường cả. Nói trái và hột là thường, đó là nói theo thế gian thôi".

Ca Diếp bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời Phật nói".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Đúng như vậy. Này Thiện nam tử ! Dầu tu tất cả khế kinh, các môn thiền định, nhẫn đến chưa nghe pháp Đại Niết Bàn thời đều nói tất cả là vô thường. Nghe kinh này rồi dầu có phiền não mà như không phiền não, bèn có thể lợi ích tất cả cõi trời, cõi người, vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi là thường.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây Am la bông nó mới trở gọi là vô thường, đến lúc thành trái có thể ăn dùng mới gọi là thường.

Cũng thế, này Thiện nam tử ! Dầu tu tất cả khế kinh, các môn thiền định lúc chưa nghe kinh Đại

Niết Bàn này, đều cho rằng tất cả pháp đều là vô thường. Lúc nghe kinh này rồi, dầu có phiền não mà như không phiền não, bèn có thể lợi ích cõi trời, cõi người. Vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi là thường.

Này Thiện nam tử ! Ví như lúc nấu, lọc, quặng vàng, là tướng vô thường, lọc xong thành vàng ròng, có nhiều lợi ích bèn gọi rằng thường.

Cũng vậy, này Thiện nam tử ! Dầu tu tất cả khế kinh các môn thiền định, lúc chưa nghe kinh Đại Niết Bàn này, đều cho rằng tất cả pháp đều là vô thường. Lúc nghe kinh này rồi, dầu có phiền não như không phiền não, bèn có thể lợi ích tất cả cõi trời, cõi người, vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi là thường.

Này Thiện nam tử ! Ví như hột mè lúc chưa bị ép, gọi là vô thường. Lúc ép thành dầu có nhiều lợi ích bèn gọi rằng thường.

Này Thiện nam tử ! Dầu tu tất cả khế kinh, các môn thiền định mà chưa nghe kinh Đại Niết Bàn này, đều cho rằng tất cả là vô thường. Lúc nghe kinh này rồi dầu có phiền não, như không phiền não, đều có thể lợi ích cõi người, cõi trời, vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi rằng thường.

Này Thiện nam tử ! Ví như các dòng nước đều chảy về biển. Cũng vậy, tất cả khế kinh, các môn

thiền định tam muội đều quy về kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, vì khéo nói có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên ta nói, pháp thường khác, pháp vô thường khác, hẳn đến vô ngã cũng lại như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : Thế Tôn ! Đức Như Lai đã lìa tên độc Ưu bi, luận về có ưu bi gọi là Trời. Đức Như Lai chẳng phải trời. Có ưu bi gọi là người, Như Lai chẳng phải người. Có ưu bi gọi là hai mươi lăm cõi hữu lậu, đức Như Lai chẳng phải hai lăm cõi hữu lậu. Vì thế nên đức Như Lai không có ưu bi, cứ sao nói rằng đức Như Lai ưu bi ?".

Này Thiện nam tử ! Vô tướng thiên gọi là không tướng. Nếu không tướng thời không thọ mạng, nếu không thọ mạng, sao lại có ấm, nhập, các giới. Do vì nghĩa đó, nên thân thọ mạng của Vô tướng thiên, không thể nói là có chỗ ở.

Này Thiện nam tử ! Ví như Thọ thần nương theo cây mà ở, chẳng thể quyết định nói nương nhánh, nương lóng, nương thân, nương lá.

Cũng vậy, dầu không chỗ quyết định, nhưng không thể nói là không có thân thọ mạng của Vô tướng thiên.

Này Thiện nam tử ! Phật pháp cũng vậy, rất sâu khó hiểu. Đức Như Lai thiết không ưu bi khổ não, mà ở nơi hàng chúng sanh khởi lòng đại từ bi, thị hiện có ưu bi, coi hàng chúng sanh như La Hầu La.



Này Thiện nam tử ! Trong Vô tướng thiên có bao nhiêu thọ mạng, chỉ Phật biết được, chẳng phải người khác có thể biết. Nhân đến trời Phi tướng, Phi Phi tướng cũng như vậy.

Này Ca Diếp, Như Lai tánh thanh tịnh không ô nhiễm, dường như hóa thân, chỗ nào mà có ưu bi khổ não.

Nếu nói đức Như Lai không ưu bi đó, thế nào có thể lợi ích chúng sanh, rộng hoằng Phật pháp. Và nếu nói là không ưu bi, sao lại nói bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, nếu chẳng bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, thời lời nói trên là hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Do vì nghĩa đó, Phật chẳng thể nghĩ bàn, Pháp chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn, thọ mạng Vô tướng thiên chẳng thể nghĩ bàn. Đức Như Lai có ưu bi cùng không ưu bi, là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Này Thiện nam tử ! Thí như nhà, cửa, bụi, đất, không thể trụ giữa hư không, nhưng nếu nói nhà cửa chẳng cần hư không mà có thể trụ, thời không đúng. Do vì nghĩa đó nên chẳng thể nói nhà trụ nơi hư không, hay chẳng trụ nơi hư không. Kẻ phàm phu dầu nói rằng nhà trụ ở hư không, mà hư không thiệt không chỗ trụ, vì tánh hư không vốn là vô trụ.

Này Thiện nam tử ! Cũng vậy, không thể nói rằng tâm trụ nơi ấm, giới, nhập cùng chẳng trụ. Thọ mạng Vô tướng thiên cũng như vậy. Đức Như Lai ưu bi cũng như vậy. Nếu không ưu bi, thế nào nói rằng bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La. Nếu cho là có ưu bi, thời sao lại nói Như Lai tánh đồng với hư không.

Này Thiện nam tử ! Ví như nhà ảo thuật, dầu hóa làm các thứ cung điện sát sanh, nuôi dưỡng, bắt trói, mở thả, nhân đến hóa làm các vật báu vàng, bạc, lưu ly, lùm rùng, cây cối v.v... đều không có tánh chất chơn thật.

Cũng vậy, đức Như Lai tùy thuận theo thế gian, thị hiện ưu bi, mà không có chơn thật. Đức Như Lai đã chứng nhập nơi Đại Niết Bàn thế nào lại có ưu bi khổ não.

Nếu có kẻ cho rằng đức Như Lai chứng nhập Niết Bàn là vô thường, nên biết người này thời có ưu bi. Nếu nói đức Như Lai chẳng nhập Niết Bàn thường trụ chẳng biến đổi, nên biết người này không có ưu bi.

Đức Như Lai có ưu bi, cùng không ưu bi không ai có thể biết được.

Này Thiện nam tử ! Ví như người bực hạ biết được pháp bực hạ, mà chẳng biết bực trung và bực thượng. Người bực trung, thời biết pháp bực trung

mà chẳng biết nơi bực thượng. Người bực thượng, thời biết bực thượng và biết cả bực trung, bực hạ.

Cũng thế, hàng Thanh Văn, Duyên Giác chỉ biết ngang chùng bực của mình. Đức Như Lai thời không phải như vậy, đều biết rõ bực của mình và cả những bực khác. Vì thế nên đức Như Lai gọi là đấng Vô ngại trí, tùy thuận theo thế gian mà hóa hiện. Kẻ phàm phu nhục nhãn cho là chơn thật, mà muốn biết hết trí vô thượng vô ngại của Như Lai, quan niệm này không đúng.

Đức Như Lai có ưu bi cùng không ưu bi chỉ Phật biết được. Do nhơn duyên này, pháp có ngã khác, pháp vô ngã khác. Đây gọi là điều dụ chim Oan ương, chim Ca lân đề.

Này Thiện nam tử ! Phật pháp dường như chim Oan ương đồng nhau bay đi. Chim Ca lân đề và chim Oan ương này, mùa thịnh hạ nước đứng lên, lựa chọn gò cao làm ổ cho con chúng ở, rồi sau chúng nó mới trở về chốn cũ ưu du an ổn.

Cũng vậy, đức Như Lai xuất thế giáo hóa vô lượng chúng sanh, làm cho đều được trụ nơi chánh pháp. Như chim kia lựa gò cao lót ổ cho con chúng nó ở.

Đức Như Lai làm cho các chúng sanh đều được giải thoát, chỗ làm đã xong, bèn nhập Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là pháp khổ khác, pháp vui khác. Những hành pháp là khổ. Niết Bàn là vui vi diệu thứ nhất, vì đã phá hoại các hành pháp".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Thế nào chúng sanh chứng đặng Niết Bàn gọi là An lạc đệ nhất ?".

- Này Thiện nam tử ! Như lời ta đã nói các hành pháp hòa hiệp gọi đó là lão tử.

Cẩn thận chẳng phóng dật,

Đây gọi là cam lộ.

Phóng dật chẳng cẩn thận,

Đây gọi là tử cú.

Nếu người chẳng phóng dật

Thời đặng chỗ bất tử,

Như kẻ phóng dật kia

Thường đến nơi tử lộ.

Nếu phóng dật gọi là Pháp hữu vi. Pháp hữu vi này là khổ đệ nhất. Nếu chẳng phóng dật thời gọi là Niết Bàn. Niết Bàn đó gọi là cam lộ an vui đệ nhất. Nếu xu hướng các hành pháp, thời gọi là chỗ chết thọ khổ đệ nhất. Nếu đến Niết Bàn thời gọi là bất tử thọ vui vi diệu. Nếu chẳng phóng dật, dầu nhóm họp các hành pháp, cũng gọi là thường lạc bất tử, thân chẳng phá hoại.

Thế nào là phóng dật, thế nào là chẳng phóng dật ? Hàng phàm phu chẳng phải Thánh thời gọi là phóng dật, là Pháp thường tử. Bực Thánh xuất thế là chẳng phóng dật không có lão tử, vì chúng nhập nơi Niết Bàn thường lạc đệ nhất.

Do nghĩa này nên pháp khổ khác, pháp lạc khác, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác.

Như người đứng dưới đất, ngược mặt nhìn lên hư không chẳng thấy dấu chim bay.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh không có thiên nhãn, ở trong phiền não mà chẳng tự thấy có Như Lai tánh. Cho nên ta nói giáo pháp vô ngã bí mật, vì người không có thiên nhãn chẳng biết được chơn ngã, mà vọng chấp nơi ngã.

Do các phiền não tạo nghiệp hữu vi, chính đó là vô thường. Cho nên ta nói pháp thường khác, pháp vô thường khác.

Người tinh tấn dũng mãnh  
 Hoặc ở nơi đỉnh núi  
 Đất bằng cùng đồng trống  
 Thường thấy những phàm phu,  
 Lên điện đại trí huệ  
 Đòi Vô thượng vi diệu  
 Đã tự trừ ưu khổ  
 Cũng thấy khổ chúng sanh

Đức Như Lai dứt hết vô lượng phiền não ở núi trí huệ, thấy hàng chúng sanh thường ở trong vô lượng phiền não."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Ý nghĩa như bài kệ vừa nói không đúng.

Vì người nhập Niết Bàn không ưu không hỷ, thế nào đặng lên điện đài trí huệ, và thế nào ở nơi đánh núi mà thấy chúng sanh ?".

- Nay Thiện nam tử ! Điện trí huệ đó chính là nói Niết Bàn, người không ưu khổ là nói đức Như Lai vậy. Người có ưu sâu gọi là phàm phu. Bởi phàm phu ưu khổ, nên Như Lai không ưu khổ.

Đánh núi Tu Di là nói chánh giải thoát. Người tinh tấn dũng mãnh như núi Tu Di không động chuyển. Đất là nói công hạnh hữu vi. Hàng phàm phu này, đứng trên đất đây tạo tác những hành nghiệp. Người trí huệ kia thời gọi là chánh giác, là hữu lậu, thường trụ, nên gọi là Như Lai.

Đức Như Lai thương xót vô lượng chúng sanh thường bị trúng tên độc các cõi, nên nói rằng đức Như Lai có ưu bi".

- Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Giả sử nếu Như Lai có ưu bi, thời chẳng đặng gọi là bậc Đẳng chánh giác".

- Nay Thiện nam tử ! Điều có nhân duyên cả. Tùy chỗ nào có chúng sanh đáng được hóa độ, thời đức

Như Lai thị hiện thọ sanh ở trong đó. Dầu thị hiện thọ sanh, nhưng thiệt không có sanh, nên đức Như Lai gọi là Pháp thường trụ. Như chim Oan Ương, chim Ca Lô Đề vậy.







## PHẨM NGUYỆT DỤ

## Thứ mười lăm

(\*) Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Ví như có người thấy mặt trăng lặn, cho rằng mặt trăng đã mất, nhưng thiệt ra mặt trăng không mất, đang hiện ra ở phương khác. Chúng sanh xứ kia lại nói là mặt trăng mọc, nhưng thật ra mặt trăng không có mọc, vì bị che chướng không thấy, nên cho rằng mặt trăng có mọc, có lặn, nhưng thật ra mặt trăng không mọc không lặn.

Cũng vậy, đức Như Lai Chánh Biến Tri hiện ra nơi Đại Thiên thế giới, hoặc sanh tại Diêm Phù Đề, có cha có mẹ, chúng sanh đều cho rằng đức Như Lai giáng sanh trong Diêm Phù Đề. Hoặc thị hiện Niết Bàn, chúng sanh cho rằng đức Như Lai nhập Niết Bàn. Nhưng thật ra, Như Lai tánh không sanh không diệt. Vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện sanh diệt.

---

(\*) Hán bộ quyển thứ 9.

Này Thiện nam tử ! Như xứ này thấy mặt trăng tròn, phương khác thấy mặt trăng khuyết, phương này thấy mặt trăng khuyết, phương khác thấy mặt trăng tròn. Người Diêm Phù Đề nếu thấy bắt đầu có mặt trăng nói là ngày mừng một, tưởng là đầu tháng. Lúc thấy trăng tròn, nói là ngày rằm. Nhưng mặt trăng thiệt không có khuyết với tròn, vì bị che chướng mà có thêm bớt.

Cũng vậy, ở trong Diêm Phù Đề, đức Như Lai hoặc hiện giáng sanh, hoặc hiện Niết Bàn. Lúc mới giáng sanh như mặt trăng đầu tháng. Đi bảy bước, như mặt trăng ngày mừng hai. Vào học đường, như mặt trăng ngày mừng ba. Lúc xuất gia như mặt trăng ngày mừng tám. Phóng ánh sáng trí huệ vi diệu, phá vô lượng chướng ma như trăng tròn ngày rằm. Thị hiện ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt để tự trang nghiêm. Rồi thị hiện nhập Niết Bàn, như cuối tháng mặt trăng ẩn.

Chỗ thấy của chúng sanh chẳng đồng : hoặc thấy trăng nửa, hoặc thấy trăng tròn, hoặc thấy trăng ẩn, nhưng thật ra mặt trăng không có thêm bớt, vẫn luôn là mặt trăng đầy đủ.

Cũng vậy, thân của đức Như Lai vẫn luôn là thường trụ chẳng biến đổi.

Này Thiện nam tử ! Như mặt trăng tròn chiếu sáng, tất cả thành ấp, xóm làng, trong nước suối,

nước đầm, trong giếng, trong ao, trong nước bồn nước chậu, tất cả đều có mặt trăng hiện. Có người đi trăm do tuần, ngàn do tuần vẫn thấy mặt trăng luôn đi theo mình. Phàm phu ngu mê tưởng rằng ta trước kia ở trong thành ấp nhà cửa thấy mặt trăng như vậy, giờ đây ở nơi đầm trống này thấy mặt trăng. Đây là mặt trăng trước kia hay là mặt trăng khác. Mỗi người tự nghĩ tưởng hình dáng mặt trăng lớn nhỏ, hoặc nói như miệng chậu, hoặc cho rằng lớn như bánh xe v.v... Mặt trăng này vốn có một, mà chúng sanh nhận thấy hình dáng khác nhau.

Cũng vậy, đức Như Lai xuất hiện ra đời, có người hay trời nghĩ rằng nay đây đức Như Lai ở trước mặt chúng tôi. Cũng có những chúng sanh khác cho rằng hiện nay đức Như Lai ở trước mặt họ. Hoặc có kẻ điếc câm cũng thấy đức Như Lai có tướng điếc câm. Muôn loài chúng sanh nói tiếng khác nhau, đều cho rằng đức Như Lai đồng tiếng với mình. Cũng đều nghĩ rằng đức Như Lai đang thọ cúng dường tại nhà tôi.

Có chúng sanh thấy thân Như Lai rộng lớn vô lượng, có loài thấy thân Phật nhỏ bé. Có kẻ thấy Phật là hình dáng Thanh Văn, hoặc là hình dáng Duyên Giác.

Cũng có hàng ngoại đạo lại cho rằng hiện nay Đức Như Lai xuất gia học đạo ở trong giáo phái chúng ta.

Hoặc có chúng sanh nghĩ rằng, nay đức Như Lai riêng vì chúng ta mà xuất hiện nơi đời.

Thiệt tánh của Như Lai tức là Pháp thân, là thân vô sanh, là thân phương tiện, tùy thuận nơi thế gian thị hiện vô lượng nghiệp dụng, thị hiện sanh ra nơi này nơi khác. Như mặt trăng kia hiện ra trong tất cả chỗ có nước.

Do nghĩa này nên Như Lai là thường trụ không có biến đổi.

Này Thiện nam tử ! Như La Hầu A Tu La Vương lấy tay che mặt trăng, người đời cho rằng mặt trăng bị nuốt. Nhưng mặt trăng vẫn luôn đầy đủ không có sút mẻ, vì tay A Tu La che nên ánh sáng chẳng hiện. Lúc A Tu La tháo tay, người đời cho rằng mặt trăng sanh trở lại, và cho rằng mặt trăng chịu nhiều sự khổ não. Nhưng mặt trăng vẫn không có những sự ấy, giả sử trăm ngàn A Tu La Vương cũng chẳng làm khổ não được mặt trăng.

Cũng vậy, đức Như Lai thị hiện có chúng sanh đối với đức Như Lai sanh tâm hung ác, hại thân Phật chảy máu thành tội ngũ nghịch, hoặc hủy báng chánh pháp thành hạng nứt xiển đề. Vì các chúng sanh mà thị hiện những sự phá hoại Tăng đoàn dứt diệt chánh pháp, làm những điều chướng nạn. Nhưng thật ra, giả sử trăm ngàn vô lượng loài ma cũng không thể làm thân Như Lai chảy máu. Vì thân Như

Lai không có huyết, nhục, gân mạch, xương tủy, Như Lai chơn thật, thiệt không có sự nã hoại. Chúng sanh đều cho rằng Pháp và Tăng bị hủy hoại Như Lai dứt diệt. Nhưng Như Lai tánh chơn thật không biến đổi, không có phá hoại. Vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như hai người đấu võ, hoặc dùng dao gậy chém đập tuôn máu, dẫu đánh nhau đến chết mà chẳng nghĩ tương là giết nhau, thời nghiệp tương ấy nhẹ mà chẳng nặng. Đối với đức Như Lai vốn không có tâm giết hại, dẫu làm cho thân Phật ra máu, thời nghiệp này cũng nhẹ mà chẳng nặng. Vì giáo hóa chúng sanh đời vị lai, nên đức Phật thị hiện nghiệp báo.

Này Thiện nam tử ! Như lương y đem những phương thuốc căn bản ân cần truyền dạy cho người con, người con kính vâng lời của cha, chuyên cần học tập, hiểu rành các phương thuốc. Thời gian sau, lương y chết. Người con kêu khóc mà nói thế này : Cha tôi dạy cho tôi những phương thuốc như vậy như vậy.

Cũng vậy, đức Như Lai vì giáo hóa chúng sanh mà thị hiện chế giới luật : Phải thọ trì như vậy, chớ phạm tội ngũ nghịch chề bai chánh pháp và nhứt xiển đề. Vì đời vị lai chúng sanh khởi các tội ấy nên thị hiện như vậy, để cho các Tỳ Kheo sau khi Phật diệt độ, rõ biết những điều như vậy : Đây là

nghĩa rất sâu của khế kinh, đây là tướng nhẹ nặng của giới luật, đây là luận phân biệt những pháp cú. Như người con của lương y.

Loài người hoặc sáu tháng một lần thấy mặt trăng bị nuốt, mà chư Thiên trong khoảng giây lát đã nhiều lần thấy mặt trăng bị nuốt. Vì thời gian của Nhơn loại ngắn, còn ngày giờ của chư Thiên dài.

Này Thiện nam tử ! Trời và người đều cho rằng đức Như Lai thọ mạng ngắn ngủi. Như chư Thiên trên trời trong khoảng giây lát thấy mặt trăng bị nuốt nhiều lần. Trong khoảng giây lát, đức Như Lai thị hiện trăm ngàn muôn ức lần nhập Niết Bàn, dứt ma phiền não, ma ngũ ấm, ma chết. Vì vậy nên trăm ngàn muôn ức thiên ma đều biết đức Như Lai nhập Niết Bàn. Đức Như Lai lại thị hiện vô lượng trăm ngàn nhơn duyên nghiệp báo tiền thân.

Vì tùy thuận theo chủng tánh của thế gian mà thị hiện vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn như vậy, nên Như Lai là thường trụ không biến đổi.

Này Thiện nam tử ! Như mặt trăng tròn sáng chúng sanh ưa thấy, nên gọi mặt trăng là lạc kiến.

Chúng sanh nếu có tham, sân, si thời chẳng đặng gọi là lạc kiến.

Tánh Như Lai thuần thiện thanh tịnh không cấu nhiễm, thời rất đáng gọi là lạc kiến. Những chúng sanh ưa thích chánh pháp nhìn ngó đức Như Lai không

nhàm. Những người tâm ác chẳng ưa nhìn ngó. Vì thế nên đức Như Lai dụ như mặt trăng tròn sáng.

Này Thiện nam tử ! Ví như mặt trời mọc có ba thời kỳ khác nhau, tức là xuân, hạ, và đông. Ngày mùa đông thời ngắn, ngày mùa xuân thời vừa, ngày mùa hạ thời rất dài.

Cũng vậy, ở nơi đại thiên thế giới này, đối với người thọ mạng ngắn ngủi và hàng Thanh Văn, đức Như Lai thị hiện tuổi thọ ngắn. Những hạng người trên đây thấy như vậy đều cho rằng đức Như Lai thọ mạng ngắn ngủi, dụ như ngày mùa đông.

Đối với hàng Bồ Tát, đức Như Lai thị hiện tuổi thọ bậc trung, hoặc một kiếp, hoặc dưới một kiếp, dụ như ngày mùa xuân.

Chỉ Phật thấy Phật thọ mạng vô lượng, dụ như ngày mùa hạ.

Này Thiện nam tử ! Giáo pháp Phương Đẳng Đại thừa vi mật của Như Lai nói là đức Như Lai thị hiện rưới mưa đại pháp nơi thế gian.

Đời vị lai nếu có người nào có thể thọ trì kinh điển này, giảng nói khai thị lợi ích cho chúng sanh, nên biết những người này thiệt là Bồ Tát. Dụ như ngày thanh hạ rưới mưa cam lồ.

Nếu có hàng Thanh Văn, Duyên Giác nghe giáo pháp vi mật của Như Lai thời dụ như ngày mùa đông gặp gặp nhiều lạnh lẽo.

Hàng Bồ Tát nếu nghe giáo pháp vi mật : Như Lai tánh thường trụ không biến đổi như vậy, thời dụ như ngày mùa xuân nẩy mầm, nở hoa.

Thiệt ra Như Lai tánh không có dài ngắn, vì thuận theo thế gian mà thị hiện như vậy. Đó chính là Pháp tánh chơn thật của chư Phật.

Này Thiện nam tử ! Ví như ban ngày các ngôi sao chẳng hiện ra, mà mọi người cho rằng ban ngày các ngôi sao lặn mất, kỳ thiệt chẳng phải lặn mất, vì ánh sáng mặt trời chói sáng nên sao chẳng hiện.

Cũng vậy, hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thấy được Như Lai, như người đời ban ngày chẳng thấy sao.

Này Thiện nam tử ! Ví như lúc tối tăm, mặt trời mặt trăng chẳng hiện ra, kẻ ngu cho rằng mặt trời mặt trăng lặn mất, nhưng thiệt ra mặt trời mặt trăng chẳng phải lặn mất.

Lúc chánh pháp của Như Lai diệt hết. Tam Bảo chẳng còn, cũng chẳng phải là dứt hẳn, lệ như mặt trời mặt trăng lúc lặn mất kia. Vì thế nên biết Như Lai là thường trụ không có biến đổi. Vì chơn tánh của Tam Bảo chẳng bị những cấu nhơ làm ô nhiễm.

Này Thiện nam tử ! Ví như đêm không trăng, sao chổi hiện ra, chiếu sáng giây lát rồi lặn mất, chúng sanh ngộ thấy cho đó là điềm chẳng lành.

Cũng vậy, hàng Bích Chi Phật hiện ra đời trong thời kỳ không Phật, chúng sanh ngộ thấy đều cho



rằng đức Như Lai thiết diệt độ, nên sanh lòng buồn khổ. Nhưng thân Như Lai thiết chẳng diệt mất như mặt trời mặt trăng kia không có diệt mất.

Này Thiện nam tử ! Như lúc mặt trời mọc lên, sương mù đều tan. Kinh Đại Niết Bàn vi diệu này cũng như vậy. Lúc kinh này xuất hiện ra đời, nếu có chúng sanh nào một lần được nghe, đều có thể dứt trừ tất cả tội nghiệp vô gián, tất cả những điều ác. Kinh Đại Niết Bàn này cảnh giới rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, khéo nói lên được tánh Như Lai vi mật.

Do nghĩa này nên Thiện nam tử, Thiện nữ nơn đôi với Như Lai phải có tâm tin nhận là thường trụ không biến đổi, chánh pháp chẳng dứt, Tăng bảo chẳng diệt. Nên phải dùng nhiều phương tiện siêng năng học tập kinh điển này. Người này chẳng bao lâu sẽ đặng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên kinh này gọi là do vô lượng công đức kết thành, cũng gọi là Chánh giác chẳng cùng tận, do vì chẳng cùng tận, nên đặng gọi là Đại Niết Bàn.





## XVI

# PHẨM BỒ TÁT

### Thứ mười sáu

Này Thiện nam tử ! Như ánh sáng mặt trời mặt trăng hơn hết trong các ánh sáng. Ánh sáng Đại Niết Bàn rất là thù thắng đối với ánh sáng của các kế kinh. Ánh sáng của các kế kinh không thể kịp được. Vì ánh sáng Đại Niết Bàn có thể chiếu vào các lỗ chơn lông của chúng sanh. Chúng sanh dầu không có tâm Bồ Đề, nhưng có thể làm nhơn duyên cho Bồ Đề, vì thế nên gọi là Đại Niết Bàn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật vừa nói "Ánh sáng Đại Niết Bàn chiếu vào các lỗ chơn lông của chúng sanh, chúng sanh dầu không tâm Bồ Đề, nhưng có thể làm nhơn cho Bồ Đề". Xét ra, nghĩa trên đây chẳng đúng.

Bạch Thế Tôn ! Người phạm bốn giới trọng, người tạo tội ngũ nghịch và hạng nhưt xiển đề, ánh sáng

chiếu vào thân họ làm như Bồ Đề, thời những hạng này có khác gì người trì giới thanh tịnh, tu tập các hạnh lành, nếu không khác, có sao đức Như Lai nói nghĩa tứ y.

Bạch Thế Tôn ! Lại như lời Phật nói, nếu có chúng sanh một lần được nghe kinh Đại Niết Bàn, thời dứt trừ đặng các phiền não. Trước kia đức Như Lai lại nói có người ở nơi hàng hà sa chư Phật mà phát tâm, nghe kinh Đại Niết Bàn chẳng hiểu được nghĩa, sao lại có thể dứt tất cả phiền não ?

Này Thiện nam tử ! Trừ hạng nhứt xiển đề, những chúng sanh khác được nghe kinh này, thảy đều có thể làm như duyên cho Bồ Đề. Ánh sáng của tiếng pháp chiếu vào lỗ chơn lông quyết định sẽ đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì người đã có thể cúng dường cung kính vô lượng chư Phật mới đặng nghe kinh Đại Niết Bàn. Người phước bạc thời chẳng được nghe. Việc lớn như đây người đại phước mới có thể được nghe, kẻ tiểu như thời chẳng được nghe. Những gì là việc lớn ? Chính là chỉ cho tạng bí mật rất sâu của chư Phật, tức là Phật tánh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Những gì làm như Bồ Đề cho người chưa pháp tâm Bồ Đề ?".

Này Thiện nam tử ! Nếu có người nghe kinh Đại Niết Bàn này, không tin nói rằng tôi chẳng cần phát

Bồ Đề tâm. Người đó liền ở trong chiêm bao thấy hình La sát, lòng rất kính sợ. La sát bảo rằng : Nếu người chẳng phát Bồ Đề tâm, ta sẽ giết người. Vì sợ sệt nên khi thức giấc người này liền phát tâm Bồ Đề. Sau khi chết, nếu người này hoặc đọa trong ba đường ác, cùng sanh trong loài trời, loài người tiếp tục nhớ lại tâm Bồ Đề đã phát. Nên biết người này là bực Bồ Tát.

Do nghĩa trên đây, nên oai thần của kinh Đại Niết Bàn này có thể làm hơn Bồ Đề cho người chưa phát tâm.

Đây gọi là Bồ Tát có hơn duyên mà phát tâm, chẳng phải không hơn duyên. Do vì nghĩa này nên kinh điển Đại thừa vi diệu thiết là của Phật nói.

Này Thiện nam tử ! Như trên hư không kéo mây mưa xuống, nơi cây khô, núi đá, gò nong, cao nguyên nước không đọng lại. Ruộng thấp hồ cao đều đầy, chúng sanh nơi đó được lợi ích. Cũng vậy, kinh Đại Niết Bàn vi diệu này khắp nhuần chúng sanh, làm cho nảy nở tâm Bồ Đề. Còn hàng nhưt xiển đề chẳng phát tâm Bồ Đề không được lợi ích.

Này Thiện nam tử ! Ví như hột giống đã cháy, dầu có gặp mưa, trọn chẳng mọc mầm. Cũng vậy, hàng nhưt xiển đề dầu nghe kinh Đại Niết Bàn vi diệu này, trọn không phát tâm Bồ Đề. Vì hạng này đoạn diệt tất cả căn lành như hột giống đã cháy.

Này Thiện nam tử ! Ví như ngọc minh châu để trong nước đục, thế lực của minh châu làm cho nước liền trong. Nhưng để minh châu trong bùn lầy không thể làm cho trong. Kinh Đại Niết Bàn vì diệu này cũng như vậy, có thể làm cho chúng sanh phạm tội vô gián, tứ trọng, tiêu tội được thanh tịnh phát tâm Bồ Đề. Không thể làm cho nhứt xiển đề phát Bồ Đề tâm, vì nhứt xiển đề dứt hết căn lành, không phải pháp khí.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây thuốc Dược Vương là vua trong những thứ thuốc. Nếu đem Dược Vương hòa với lạc, hoặc tô, hoặc mật, hoặc nước, sữa, hoặc thuốc bột, thuốc hườn, hoặc dùng thoa ghẻ, thoa mắt, hoặc uống, hoặc xông, hoặc nhìn, hoặc ngửi, đều có thể làm cho chúng sanh được lành tất cả bệnh. Dược Vương ấy chẳng nghĩ rằng chúng sanh nếu lấy rễ của ta, thời chẳng nên lấy hết, cũng chẳng nghĩ rằng, nếu lấy lá chẳng nên lấy rễ, nếu lấy thân chẳng nên lấy vỏ, nếu lấy vỏ chẳng nên lấy thân. Dược Vương ấy' dầu chẳng tưởng niệm mà có thể trừ tất cả bệnh khổ.

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn vì diệu này có thể diệt trừ tất cả các ác nghiệp, bốn tội trọng, năm tội vô gián của chúng sanh. Người chưa phát Bồ Đề tâm như kinh này thời đặng phát Bồ Đề tâm. Vì kinh này là vua trong các thứ kinh, như cây thuốc Dược Vương là vua trong các thứ thuốc. Nếu có người tu tập cùng chẳng tu tập kinh Đại Niết Bàn này, nếu nghe được danh tự của kinh này,

nghe rồi sanh lòng kính tin, thời đều trừ diệt được tất cả phiền não. Nhưng chỉ chẳng thể làm cho hạng nhứt xiển đề an trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Dược Vương kia, dầu có thể chữa lành tất cả bệnh nặng, nhưng không thể cứu chữa người quyết định chết.

Này Thiện nam tử ! Như người tay có ghè lở, bóc nắm thuốc độc, thời chất độc thấm vào thịt. Người tay không ghè lở, dầu có cầm nắm chất độc cũng chẳng thấm vào được. Hạng nhứt xiển đề không có như Bồ Đề, như người tay không ghè không thể thấm chất độc. Chất độc dụ cho diệu nghĩa đệ nhứt.

Này Thiện nam tử ! Ví như kim cương không gì phá vỡ được, mà kim cương có thể phá vỡ tất cả vật khác, chỉ trừ mu rùa và sừng bạch dương. Kinh Đại Niết Bàn vì diệu này có thể làm cho vô lượng chúng sanh trụ nơi đạo Bồ Đề, chỉ không thể khiến hạng nhứt xiển đề thành lập như Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Như cỏ Mã xỉ, cây Ta la xỉ, cây Ni ca la, dầu chặt nhánh, đốn cây, nhưng rồi đâm chồi mọc lên như cũ, chẳng phải như cây Đa la đốn rồi không thể mọc lại.

Cũng vậy, những chúng sanh đặng nghe kinh Đại Niết Bàn này, dầu phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián, vẫn có thể sanh như Bồ Đề. Hạng nhứt xiển

đề thời chẳng như vậy, dầu đặng nghe kinh điển vi diệu, nhưng không thể sanh như Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Như cây Khư đà la, cây Trán đầu ca bị đốn thời chẳng mọc lại, và những hột giống bị cháy thời chẳng mọc mầm, cũng vậy, hàng nhứt xiển đề, dầu đặng nghe kinh Đại Niết Bàn này, nhưng không thể phát tâm Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như mưa to, nước mưa chẳng dừng ở hư không. Kinh Đại Niết Bàn này cũng chẳng dừng ở nơi hạng nhứt xiển đề.

Hạng nhứt xiển đề này khắp mình kín dày như chất kim cương, vật ngoài không thể lọt vào được.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như đức Phật từng nói kệ rằng :

Chẳng thấy, lành, chẳng làm,  
Chỉ thấy, ác, nên làm.  
Điều đó đáng kinh sợ  
Dường như đường nguy hiểm.

Bạch Thế Tôn ! Bài kệ đó có những nghĩa gì ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Chẳng thấy là chẳng thấy Phật tánh. Lành là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chẳng làm là chẳng gần gũi thiện tri thức. Chỉ thấy là thấy không như quả. Ác là hủy báng kinh điển Đại thừa Phương Đẳng. Nên làm là hạng nhứt xiển đề nói không có Đại thừa. Hạng nhứt



xiển đề không có tâm xu hướng pháp lành thanh tịnh. Pháp lành là Đại Niết Bàn. Xu hướng Đại Niết Bàn là nói có thứ tu tập hạnh Hiền thiện. Hạng nhứt xiển đề không hạnh Hiền thiện, nên không thể xu hướng Đại Niết Bàn. Điều đó đáng kinh sợ là nói hủy báng chánh pháp; người trí phải kinh sợ, vì người hủy báng chánh pháp không có tâm lành, không có phương tiện tu tập, con đường nguy hiểm là nói các hành pháp.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch : "N hư Phật từng nói :

Thấy chỗ làm thế nào ?

Đặng pháp lành thế nào ?

Chỗ nào chẳng kinh sợ ?

N hư đường bằng vua đi.

Thế Tôn ! Bài kệ này nghĩa như thế nào ?".

Này Thiện nam tử ! Thấy chỗ làm là phát lồ các tội ác : Từ vô lượng đời gây tạo các nghiệp ác thảy đều phát lồ, đến nơi rốt ráo thanh tịnh. Đó là chỗ không kinh sợ. Như đường bằng thẳng của vua đi, trộm cướp đều chạy trốn. Cũng vậy, phát lồ như trên thời tất cả tội ác đều dứt trừ.

Lại chẳng thấy chỗ làm là nói hàng nhứt xiển đề làm những việc ác mà chẳng tự thấy. Hàng nhứt xiển đề do lòng kiêu mạn nên dầu làm ác nhưng không kinh sợ. Vì thế nên hạng này chẳng đặng Niết Bàn. Dụ như khi vượn mò nắm mặt trăng trong nước.

Này Thiện nam tử ! Giả sử vô lượng chúng sanh đồng thời chứng đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các đức Như Lai này cũng chẳng thấy hạng nhứt xiển đề kia đặng thành Bồ Đề. Vì nghĩa này nên gọi là chẳng thấy chỗ làm.

Và lại chẳng thấy chỗ làm của ai ? Đây là chẳng thấy chỗ làm của Phật. Phật vì chúng sanh nói có Phật tánh. Hạng nhứt xiển đề trôi lăn trong sanh tử, không thể thấy biết Phật tánh. Vì nghĩa này nên gọi là chẳng thấy chỗ làm của Như Lai.

Lại hàng nhứt xiển đề thấy đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, họ cho rằng thật vô thường như đèn tắt, dầu mỡ đều hết. Vì hạng này nghiệp ác của họ chẳng giảm bớt.

Nếu có Bồ Tát lúc làm những nghiệp lành hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dầu hàng nhứt xiển đề chẳng tin chê bai phá hoại, nhưng các vị Bồ Tát vẫn đem công đức thí cho, muốn cùng họ đồng thành đạo vô thượng. Vì pháp của chư Phật và Bồ Tát tự nhiên như vậy.

Làm ác chẳng liền thọ,  
 Như sữa liền thành lạc,  
 Như tro che trên lửa  
 Người ngu khinh đạp đó.

Hàng nhứt xiển đề gọi là kẻ không con mắt, nên chẳng thấy đạo A La Hán, vì không con mắt,

nên chê bai Đại thừa chẳng muốn tu tập. Như A La Hán siêng tu tâm từ.

Nếu người nói rằng : Nay tôi chẳng tin kinh điển Thanh Văn, chỉ tin thọ Đại thừa đọc tụng giải thuyết. Vì thế nên nay tôi là Bồ Tát. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Do có Phật tánh nên trong thân chúng sanh bèn có mười trí lực, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt. Lời nói của tôi không khác lời nói của Phật. Nay anh cùng tôi đều phá vô lượng phiền não ác, như phá vỡ bình nước. Vì phá kiệt sử nên liền đặng thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Người đó dầu diễn nói như vậy, nhưng tâm nó thiệt chẳng tin có Phật tánh, chỉ vì lợi dưỡng nên nói theo văn kinh, đây gọi là người ác. Người ác như vậy chẳng liên thọ quả báo, như sữa thành lạt.

Ví như Vương sứ biện luận giỏi, nhiều chức khéo, phụng mạng qua nước khác, thà chết chớ trọn chẳng ản giấu lời truyền của vua. Cũng vậy, người trí ở trong hàng phàm phu, chẳng tiếc thân mạng, quyết phải tuyên nói Như Lai tạng kinh điển Đại thừa Phương đẳng, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Có kẻ nhút xiển đề làm dạng A La Hán, chê bai kinh điển Đại thừa. Người phàm phu thấy đó đều cho là thiệt A La Hán, là đại Bồ Tát. Bọn ác Tỳ Kheo nhút xiển đề này, ở nơi A Lan Nhã phá hoại pháp A Lan Nhã, thấy người khác đặng lợi

sinh lòng ganh ghét, nói rằng những kinh điển Đại thừa đều là lời của Thiên ma Ba Tuần nói. Họ cũng nói Như Lai là Pháp vô thường. Họ hủy diệt chánh pháp, phá hoại chúng Tăng. Họ lại nói lời của Thiên ma Ba Tuần chẳng phải là lời lành, lời thuận.

Bọn trên đây tuyên nói lời tà ác như vậy. Bọn này làm ác chẳng liên thọ báo. Như sữa thành lạc. Người như vậy gọi là nhứt xiển đề. Như tro trùn trên lửa, người ngu khinh đạp đó.

Vì thế nên biết kinh điển Đại thừa vi diệu quyết định thanh tịnh. Như châu Ma ni ném vào nước đục, nước liền trong.

Này Thiện nam tử ! Ví như hoa sen được mặt trời rọi đến đều nở. Tất cả chúng sanh nếu đặng thấy nghe kinh Đại Niết Bàn, thời đều phát Bồ Đề tâm. Vì thế nên ta nói ánh sáng Đại Niết Bàn chiếu vào lỗ chơn lông, quyết định làm nhơn vi diệu.

Nhứt xiển đề kia dầu có Phật tánh, nhưng bị vô lượng tội chướng ràng buộc, nên chẳng thể hiện ra, như con tằm ở trong kén, do nghiệp chướng đó chẳng thể sanh nhơn Bồ Đề, lưu chuyển mãi trong sanh tử.

Này Thiện nam tử ! Như hoa sen mọc nơi bùn lầy, mà trọn chẳng bị bùn lầy làm nhơ. Nếu có chúng sanh tu tập kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này, dầu có phiền não, mà trọn chẳng bị phiền não làm nhơ, vì nhờ năng lực rõ biết Như Lai tánh.

Này Thiện nam tử ! Ví như có nước kia nhiều gió mát mẻ, nếu gió ấy thổi vào lỗ chơn lông nơi thân của chúng sanh, thời có thể trừ tất cả sự nóng bức bực bội.

Kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy, vào khắp lỗ chơn lông của tất cả chúng sanh, mà làm nhơn Bồ Đề, trừ hạng nhứt xiển đề vì hạng này chẳng phải pháp khí.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y, hiểu rõ tám thứ thuốc trị lành tất cả bệnh, chỉ trừ người quyết định chết. Cũng vậy, tất cả Khế kinh, Thiền định, Tam muội, có thể trị tất cả phiền não tham, sân, si, mà không thể trị kẻ phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián.

Này Thiện nam tử ! Lại có lương y giỏi hơn, có thể chữa lành tất cả bệnh khổ của người, chỉ trừ bệnh quyết định chết. Cũng vậy, kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn này, có thể trừ tất cả phiền não, làm cho chúng sanh an trụ nơi nhơn Như Lai thanh tịnh, người chưa phát tâm làm cho phát tâm, chỉ trừ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y có thể dùng thuốc hay chữa trị cho các người mù, khiến mắt họ được sáng, thấy tất cả cảnh vật, chỉ chẳng thể trị lành con mắt của người sanh manh. Cũng vậy, Kinh Đại Niết Bàn này có thể làm cho hàng Thanh Văn, Duyên Giác khai phát huệ nhãn, khiến cho họ an trụ nơi vô lượng

vô biên kinh điển Đại thừa. Những người chưa phát tâm, hoặc phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián, kinh này đều có thể làm cho họ phát tâm Bồ Đề, chỉ trừ bọn nhút xiển đề, như kẻ sanh manh.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y hiểu rõ tám khoa trị bệnh vì trị tất cả bệnh khổ cho người, dùng các phương thuốc, theo bệnh mà trị, mà người bệnh ngu chẳng muốn uống đó. Lương y xót thương, dắt người này về nhà mình, ép uống thuốc, bệnh liền được lành. Phụ nữ sanh sản, lá nhau chẳng ra, nếu uống thuốc này lá nhau liền ra, cũng làm cho hài nhi được an lành.

Cũng vậy, kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn này có thể trừ vô lượng phiền não cho chúng sanh, trừ bốn tội trọng, năm tội vô gián, người chưa phát tâm đều làm cho phát tâm, trừ hạng nhút xiển đề.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Phạm bốn tội trọng và năm tội vô gián gọi là rất nặng, rất ác. Ví như cây Đa la đã bị đốn chẳng còn mọc lại được. Những người phạm tội này chưa phát tâm Bồ Đề thế nào có thể làm như Bồ Đề cho họ được ?".

Này Thiện nam tử ! Những người phạm tội này, hoặc ở trong chiêm bao thấy bị đọa địa ngục, thọ những sự khổ não, liền sanh lòng ăn năn, sau khi thức dậy, tin có quả báo lớn, bèn phát tâm Bồ Đề.

Như hài nhi kia, lần lần khôn lớn, thường nghĩ nhớ rằng : Lương y đó rất giỏi, nhờ ông cho thuốc, mẹ mìnhặng an lành, do đó nên mạng của mình cũngặng toản. Cảm thương mẹ mình chịu nhiều sự khổ nảo, mang thai cả mười tháng, sau khi sanh nở, nhường khô nằm ướt, hốt rửa phân dãi, bú mớm nuôi nấng. Vì những công ơn ấy, ta phải báo đền, sẵn sóc hầu hạ, tùy thuận cúng dường mẹ ta.

Người phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián, lúc sắp chết nhớ đến kinh Đại Niết Bàn này, dầu đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, hay sanh trên trời, trong loài người, kinh điển này cũng làm nhơn Bồ Đề cho người này, trừ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y và con trai của lương y hiểu biết sâu rộng hơn các y sĩ khác, biết rành phương trừ độc : độc rắn, độc rồng, độc rít, độc bò cạp, lại đem phương thuốc này thoa nơi giày dép, các độc trùng chạm đến chất độc liền tiêu, chỉ không thể tiêu được độc của đại long.

Cũng vậy, nếu có chúng sanh phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián, kinh Đại Niết Bàn này có thể làm cho tội tiêu diệt, an trụ nơi đạo Bồ Đề. Oai thần của kinh làm cho chúng sanh được an lạc, chỉ trừ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người lấy chất thuốc độc thoa trên mặt trống, những người nghe

tiếng trống này, dầu là vô tâm đều trúng độc mà chết, chỉ trừ một người.

Cũng vậy, những người nghe tiếng kinh Đại Niết Bàn này, bao nhiêu tham dục, sân khuể, ngu si thảy đều dứt hết. Oai lực của kinh này có thể diệt trừ phiền não, dầu là người không lòng nghĩ nhớ. Người phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián được nghe kinh này cũng thành nhưn Vô Thượng Bồ Đề, lần dứt phiền não, chỉ trừ hạng nhưt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như đêm tối, tất cả công việc làm đều ngưng nghỉ. Nếu việc chưa làm xong phải chờ đến sáng ngày sau. Cũng vậy, người học Đại thừa dầu tu tập theo khế kinh tất cả các môn thiền định, cần phải chờ nghe lời dạy vi mật của Như Lai, nơi hội Đại thừa Đại Niết Bàn rồi sau mới có thể tu tạo nghiệp nhưn Bồ Đề an trụ nơi chánh pháp.

Như trời mưa nhuần thấm làm cho tất cả hạt giống nảy mầm lên cây, đơm bông kết trái, mọi người nhờ đó được no đủ, khỏi đói khát. Cũng vậy, pháp tạng của Như Lai có thể diệt trừ tám thứ thống khổ. Kinh này ra đời, như những trái, hạt, đem sự no đủ an vui đến cho mọi người, tức là làm cho chúng sanh thấy Phật tánh. Như trong hội Pháp Hoa tám ngàn Thanh Văn đặng thọ ký thành Phật.

Hạng nhưt xiển đề không tu tập pháp lành như mùa thanh đông.



Này Thiện nam tử ! Ví như lương y nghe con người khác bị quỷ thần bắt, liền sai một người đem thuốc đến cứu, dặn rằng người đem thuốc này mau trao cho người đó, xúc thuốc sẽ làm cho quỷ thần tránh xa. Nếu người chậm trễ thời ta phải tự đi, quyết chẳng để người đó bị hại. Nếu người bệnh đó đặn thuốc, và oai đức của lương y, bệnh khổ liền hết. Cũng vậy, nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, và hàng ngoại đạo có thể thọ trì, đọc tụng, kinh điển này, lại phân biệt giảng nói cho người khác, hoặc tự biên chép, khiến người biên chép, tất cả đều là nhơn Bồ Đề.

Nếu người phạm bốn tội nặng, năm tội nghịch, hoặc bị quỷ tà ác độc làm hại, nghe kinh điển này tất cả ác độc đều tiêu diệt, nên biết người này thật là Bồ Tát. Vì tạm đặn nghe kinh Đại Niết Bàn này, cũng do vì sanh lòng tưởng niệm Như Lai thường trụ. Tạm đặn nghe còn đặn công đức như vậy, huống là biên chép thọ trì đọc tụng, tất cả đều là Bồ Tát, chỉ trừ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như người điếc chẳng nghe được tiếng. Cũng vậy, hàng nhứt xiển đề, dầu muốn nghe kinh điển vi diệu này, cũng chẳng đặn nghe.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y thông suốt tất cả phương thuốc và rộng biết vô lượng chú thuật. Lương y này thấy nhà vua bèn tâu rằng : "Nay Đại vương có bệnh nguy đến tánh mạng". Vua nói : "Khanh chẳng

thấy việc trong bụng ta, sao lại nói rằng có bệnh nguy đến tánh mạng". Lương y tâu : "Nếu chẳng tin lời của thần, xin đại vương uống thuốc xổ, sau khi xổ đại vương tự nghiệm lấy". Vua không bằng lòng uống.

Bấy giờ lương y dùng chú thuật làm cho hậu môn của vua sưng phồng lên và thông xuống, trùn máu tuôn ra. Vua nhìn thấy kinh sợ, hết lời khen ngợi lương y : Ta rất tiếc trước chẳng dùng lời của khanh, giờ đây mới biết khanh thật lương y, nhờ khanh mà thân ta đặng an lạc. Vua bèn cung kính lương y xem như cha mẹ.

Kinh Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy. Tất cả chúng sanh không luận hàng hữu dục hay vô dục, đều có thể làm phiền não của kia tiêu dứt. Những chúng sanh này nhẫn đến trong chiêm bao, cung kính cúng dường kinh này, như nhà vua cung kính lương y.

Nếu vị lương y đó biết người quyết định chết thời không chữa trị. Cũng vậy, kinh Đại Niết Bàn này chẳng thể chữa trị hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y biết rành tám khoa trị bệnh có thể trị lành tất cả các bệnh, chỉ chẳng thể chữa trị người quyết định chết. Cũng vậy, chư Phật, Bồ Tát, có thể cứu độ tất cả chúng sanh có tội, chỉ không thể độ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y biết rành tám khoa trị bệnh, lại thông hiểu nhiều khoa cao siêu

khác, đem chỗ hiểu biết của mình truyền dạy cho con. Lần lần truyền dạy cả tám khoa, lại thêm những khoa cao siêu khác. Cũng vậy, đức Như Lai trước dạy các Tỳ Kheo những phương tiện diệt trừ tất cả phiền não, dạy quán thân chẳng bền chắc, quán thân thọ khổ, quán vô ngã, khiến các đệ tử học thông thuộc chín bộ kinh, rồi sau mới dạy học tạng Như Lai bí mật, nói Như Lai thường trụ. Đức Như Lai nói kinh Đại thừa Đại Niết Bàn để làm nhơn Bồ Đề cho những chúng sanh đã phát tâm và người chưa phát tâm, chỉ trừ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn này là giáo pháp vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn chưa từng có. Nên biết kinh này là lương y vô thượng tôn quý nhứt hơn tất cả, là vua trong các kinh.

Này Thiện nam tử ! Ví như thuyền lớn từ bờ biển này đi đến bờ kia, lại từ bờ biển kia trở về bờ này. Cũng vậy, Đức Như Lai ngồi thuyền báu Đại thừa Đại Niết Bàn qua lại tế độ chúng sanh. Nơi nào chốn nào có kẻ đáng được độ thời đều làm cho đặng thấy thân Như Lai. Vì thế nên Đức Như Lai có hiệu là Vô thượng Thuyền sư.

Ví như có thuyền, thời có thuyền sư, do có thuyền sư thời có người đi qua biển lớn. Đức Như Lai thường trụ hóa độ chúng sanh cũng lại như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người ở trong biển lớn, ngồi thuyền muốn đi qua, nếuặng thuận gió, thời trong khoảnh khắc có thể điặng trăm ngàn do tuần. Nếu chặng đặng thuận gió, dầu ngồi thuyền trải qua nhiều năm chặng rời khỏi chỗ cũ, có lúc thuyền hư lũng, đắm chìm mà chết.

Cũng vậy, chúng sanh ở nơi biển lớn sanh tử ngu si, ngồi trên thuyền các công hạnh, nếu gặp được gió mạnh Đại Niết Bàn, thời có thể mau đến bờ vô thượng đạo. Nếu chặng gặp kinh này, sẽ phải lưu chuyển mãi trong sanh tử. Hoặ có lúc phá hư công hạnh, phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người chặng gặp gió thuận lớn, ở lâu trong biển nghĩ rằng : Nay chúng ta ắt chết tại đây. Lúc nghĩ như vậy bỗng gặp gió lớn, thuận theo gió qua khỏi biển, vui mừng nói rằng ngọn gió tốt này thật chưa từng có, làm cho chúng ta đặng an ổn qua khỏi nạn biển lớn. Cũng vậy, chúng sanh từ lâu ở trong biển lớn ngu si sanh tử, nghèo cùng tiều tụy khốn khổ, lúc chưa gặp kinh Đại Niết Bàn thời nên nghĩ rằng : Chúng ta quyết định phải đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Lúc chúng sanh này suy nghĩ như vậy, bỗng gặp kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, tùy thuận tu hành vào nơi Vô thượng Chánh đặng Chánh giác, khen rằng : Chúng ta từ trước đến nay chưa từng được nghe tạng Như Lai vi mật như vậy. Lúc bấy giờ

mới sanh lòng tin thanh tịnh đối với kinh Đại Niết Bàn.

- Nay Thiện nam tử ! Như rắn lột da, nó có chết đặng chăng ?.

- Bạch Thế Tôn ! Rắn không chết.

- Nay Thiện nam tử ! Cũng vậy, đức Như Lai ; trong tiền thị hiện dứt bỏ thân độc này, có thể nói rằng đức Như Lai là vô thường diệt mất u.

- Bạch Thế Tôn ! "Không phải vậy.

Đức Như Lai ở trong Diêm Phù Đề phương tiền bỏ thân, như rắn kia lột bỏ lớp da cũ, vì thế nên đức Như Lai gọi là thường trụ.

Nay Thiện nam tử ! Ví như thợ kim hoàn đặng vàng thật tốt làm thành các món đồ tùy theo ý mình. Cũng vậy đức Như Lai ở trong hai mươi lăm cõi, vì hóa độ chúng sanh khỏi dòng sanh tử, nên thị hiện các thứ sắc thân tùy ý tự tại, nên đức Như Lai có hiệu là Vô biên thân. Dầu lại thị hiện các thứ sắc thân, nhưng cũng gọi là thường trụ không biến đổi.

Nay Thiện nam tử ! Như cây Am la và cây Diêm phù. Trong một năm ba lần biến đổi; có lúc sanh bông màu sắc sáng rõ, có lúc mọc lá sum sê rậm rạp, có lúc điêu tàn như khô chết.

Nay Thiện nam tử ! Cây ấy có thiệt là khô chết chăng ?.

- Bạch Thế Tôn ! Cây ấy không phải chết.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai ở trong ba cõi, thị hiện ba thứ sắc thân cũng lại như vậy : Có lúc mới giáng sanh, có thời kỳ lớn khôn, có thời kỳ nhập Niết Bàn. Dầu vậy, nhưng thân đức Như Lai thiệt chẳng phải vô thường.

Cà Diếp Bồ Tát tán thán rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Thiệt đúng như lời Phật dạy : Đức Như Lai thường trụ không có biến đổi".

(\*)- Này Thiện nam tử ! Mật ngữ của Như Lai rất sâu khó hiểu, ví như nhà vua bảo các quan đem Tiên Đà Bà đến. Danh từ Tiên Đà Bà chỉ cho bốn thứ : một là muối, hai là chén, ba là nước, bốn là ngựa. Cả bốn thứ ấy đều đồng một danh từ Tiên Đà Bà. Quan hầu có trí biết rành danh từ này. Lúc vua muốn rửa rày đòi Tiên Đà Bà liền dâng nước. Lúc vua ăn đòi Tiên Đà Bà liền dâng muối. Lúc vua ăn xong muốn uống nước ngọt, đòi Tiên Đà Bà liền dâng chén. Lúc vua muốn du hành đòi Tiên Đà Bà liền đem ngựa dâng. Quan hầu có trí hiểu rành mật ngữ của nhà vua.

Kinh Đại thừa này có bốn nghĩa vô thường cũng như vậy. Hàng Phật tử Đại thừa phải nên biết rành. Nếu đức Phật ra đời vì chúng sanh nói Như Lai Niết Bàn, người trí nên biết đây là đức Như Lai vì

(\*) Hán bộ quyển thứ 10

người chấp thường mà nói pháp quán vô thường, muốn cho các Tỳ Kheo tu pháp quán vô thường. Hoặc đức Phật lại nói chánh pháp sẽ diệt, người trí nên biết đây là đức Như Lai vì người chấp lạc nói pháp quán về khổ, muốn cho các Tỳ Kheo tu pháp quán khổ. Hoặc đức Như Lai nói, nay ta bình khổ, chúng Tăng phá hoại. Người trí nên biết đây là đức Như Lai vì người chấp ngã nói pháp quán vô ngã, muốn cho các Tỳ Kheo tu pháp quán vô ngã. Hoặc đức Phật lại nói, pháp quán không là chánh giải thoát. Người trí nên biết đây là đức Như Lai nói chánh giải thoát, không hai mươi lăm cõi, muốn cho các Tỳ Kheo tu học pháp quán không. Vì nghĩa này nên chánh giải thoát gọi là không, cũng gọi là bất động. Bất động là vì trong giải thoát không có khổ. Cho nên bất động là chánh giải thoát, là không có tướng. Nói rằng không tướng đó là không có sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... nên gọi là không tướng. Chánh giải thoát này thường chẳng biến đổi. Trong giải thoát này không có vô thường khổ nào biến đổi. Vì thế nên giải thoát hiệu là thường trụ, mát mẻ chẳng biến đổi.

Hoặc đức Phật nói rằng tất cả chúng sanh đều có Như Lai tánh. Người trí nên biết đây là đức Như Lai nói pháp thường, muốn cho các Tỳ Kheo tu tập pháp thường. Các Tỳ Kheo này nếu có thể tùy thuận học tập như vậy, nên biết người này thật là đệ tử

của Phật, biết rành tạng Như Lai vi mật, như quan hầu có trí, biết rành ý của nhà vua.

Này Thiện nam tử ! Nhà vua kia cũng có mật ngữ như vậy, huống là đức Như Lai mà lại không có.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên giáo pháp vi mật của Như Lai khó có thể biết được. Chỉ người trí mới có thể hiểu được Phật pháp rất sâu vi diệu của Như Lai, chẳng phải hạng phàm phu trong đời mà có thể tin được.

Này Thiện nam tử ! Như cây Ba la xa, cây Ca ni ca, cây A thúc ca gặp lúc nắng hạn thời chẳng sanh hoa trái. Nhân đến các sanh vật dưới nước trên đất thấy đều khô héo, không thể tăng trưởng, tất cả các phương thuốc không còn công hiệu.

Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy. Sau khi ta diệt độ, có các chúng sanh chẳng thể cung kính thời chẳng có oai đức. Vì các chúng sanh này chẳng biết tạng Như Lai vi mật, bởi chúng sanh này phước đức mỏng kém.

Này Thiện nam tử ! Lúc chánh pháp của Như Lai sắp diệt, bây giờ có số đông ác hạnh Tỳ Kheo chẳng biết tạng Như Lai vi mật, chệnh mảng biếng nhác, chẳng thể đọc tụng tuyên dương chánh pháp của Như Lai.

Ví như kẻ cướp ngu si, vất bỏ châu báu mà mang gánh cỏ trâu. Vì chẳng hiểu tạng Như Lai vi mật nên biếng nhác đôi với kinh này.



Thương thay đời vị lai rất nguy hiểm, rất đáng sợ sệt.

Khổ thay chúng sanh chẳng siêng năng thọ trì kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này.

Chỉ các vị đại Bồ Tát có thể ở nơi kinh này chẳng chấp văn tự, tùy thuận nghĩa chơn thật mà vì chúng sanh giảng nói.

Này Thiện nam tử ! Như đứa gái chăn bò vì muốn bán sữa, tham lợi nhiều nên thêm hai phần nước rồi bán cho đứa gái chăn bò khác. Đứa gái kia lại thêm hai phần nước rồi bán lại cho đứa gái ở gần thành. Đứa gái này lại thêm hai phần nước rồi bán lại cho đứa gái ở trong thành. Đứa gái này lại thêm hai phần nước rồi đem ra chợ bán. Bây giờ có một người cần sữa tốt để đãi tân khách, nên đến chợ muốn mua sữa. Đứa gái bán sữa đòi giá mắc. Người mua nói sữa này pha nhiều nước, không đến giá đó, nay nhằm lúc tôi phải đãi đằng tân khách nên đành mua mắc. Mua xong đem về nhà, nấu thành cháo trộn không có mùi sữa. Dầu không mùi sữa, nhưng cũng ngàn lần hơn vị chất đắng, vì vị sữa hơn hết trong các vị.

Này Thiện nam tử ! Sau khi ta nhập Niết Bàn, lúc chánh pháp chưa dứt, còn tám mươi năm, kinh này sẽ lưu hành rộng nơi Diêm Phù Đề. Lúc bấy giờ sẽ có các ác Tỳ Kheo sao lược kinh này chia

làm nhiều phần, có thể làm mất mùi vị tốt đẹp của chánh pháp. Những người này dầu đọc tụng kinh điển đây, nhưng lại diệt trừ yếu nghĩa thâm mật của Như Lai, đem lời thế gian vô nghĩa văn sức lẫn lộn, sao phần trước để ở sau, sao phần sau để ở trước, phần trước phần sau để ở giữa, phần giữa để ở phía sau phía trước. Nên biết các Tỳ Kheo này là bạn bè của ma. Họ nhận chứa tất cả vật bất tịnh mà nói rằng đức Như Lai đều cho chúng tôi nhận chứa. Như đưa gỏi chần bò pha nhiều nước vào trong sữa. Cũng vậy, các ác Tỳ Kheo này đem lời thế tục xen tạp vào kinh này. Làm cho đa số chúng sanh chẳng đặng lời nói chơn chánh, biên chép chơn chánh, nhận lấy chơn chánh, để tôn trọng tán thán cúng dường cung kính. Ác Tỳ Kheo đây vì lợi dưỡng nên chẳng thể lưu truyền rộng kinh này. Dầu có lưu truyền cũng là chút ít phần chẳng đáng kể. Như các đưa gỏi xoay vần bán sữa. Nhấn đến nấu thành cháo mà không có vị sữa. Cũng vậy, Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này lần lượt lạt lẽo không có khí vị. Dầu không khí vị vẫn còn hơn những kinh khác cả ngàn lần. Như cháo không mùi sữa kia vẫn ngàn lần hơn các vị đắng. Vì kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này là thượng thủ nhất đối với kinh điển Thanh Văn. Như sữa bò hơn hết trong các vị. Vì nghĩa này nên gọi là Đại thừa Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như loài người không ai chẳng mong mỗi được thân nam tử. Vì thân người nữ đều là chỗ nhóm ở của các sự nhơ xấu.

Này Thiện nam tử ! Như nước tiểu của con muỗi không thể làm cho mặt đất được nhuận ướt. Người nữ lòng dục khó đầy cũng như vậy. Ví như cả quả địa cầu, đem vò viên như hột đình lịch. Nam tử đông như số hột ấy, cùng dâm với một người nữ, vẫn không thể đủ.

Giả sử số nam tử như Hằng sa cùng dâm với một người nữ, cũng không thể đủ.

Ví như trời mưa, trăm sông các dòng đều chảy vào biển cả, mà biển cả vẫn chưa từng đầy.

Cũng vậy, giả sử tất cả đều là nam tử, cùng dâm với một người nữ cũng không đủ.

Này Thiện nam tử ! Như cây A thúc ca, cây Ba tra la, cây Ca ni ca, mùa xuân hoa nở, có con ong hút mật lấy hương nhị của hoa chẳng chán chẳng đủ.

Cũng vậy, người nữ muốn người nam chẳng nhàm, chẳng đủ.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên mọi người khi nghe kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này, thường phải quả trách thân nữ cầu được thân nam. Vì kinh này có tướng trượng phu, tức là Phật tánh. Nếu người chẳng biết Phật tánh này, thời không có tướng nam, ta nói những người này gọi là nữ nhơn. Nếu có thể tự biết

Phật tánh, ta nói người này gọi là tướng trượng phu. Nếu có người nữ biết thân mình quyết có Phật tánh, nên biết những người này chính là nam tử.

Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này chứa nhóm vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn, vì nói tạng Như Lai vi mật. Thế nên mọi người nếu muốn mau biết tạng Như Lai, nên phải phương tiện siêng tu kinh này.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Phải lắm, phải lắm, đúng như lời Phật nói. Nay tôi như có tướng trượng phu nên đặt vào tạng Như Lai vi mật. Hôm nay đức Như Lai mới giác ngộ cho tôi, như đây tôi liền được quyết định thông đạt".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Nay ông tùy thuận thế gian mà nói."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Tôi chẳng tùy thuận pháp thế gian".

Đức Phật khen ngợi Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Nay chỗ biết của ông là pháp vị vô thượng, pháp ấy rất sâu khó biết mà ông có thể biết đặt, như con ong hút lấy mật hoa.

Nay Thiện nam tử ! Như nước tiểu của con muỗi không thể làm cho mặt đất được thấm ướt. Đời đương lai kinh này lưu truyền cũng lại như vậy. Lúc chánh pháp sắp diệt, kinh này sẽ trước ẩn mất nơi cõi đất này. Nên biết đó là tướng suy của chánh pháp.

Này Thiện nam tử ! Ví như hết mùa hạ qua đầu mùa thu, mưa thu tầm tã. Cũng vậy, kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này vì các vị Bồ Tát ở phương Nam sẽ lưu truyền rộng, rưới pháp vô đầy khắp xứ ấy. Lúc chánh pháp sắp diệt, kinh này sẽ truyền đủ nơi nước Kế Tân. Hoặ có người tin, có người chẳng tin, kinh này ẩn mất trong đất. Khi kinh này ẩn mất rồi, tất cả kinh điển Đại thừa khác, thảy đều dứt mất. Nếu ai gặp đặng kinh này đầy đủ, thời người đó là đệ nhất trong loài người. Các hàng Bồ Tát nên biết chánh pháp vô thượng của Như Lai sắp diệt chẳng còn lâu".

Lúc bấy giờ ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Nay ông Thuần Đà còn có tâm nghi, ngưỡng mong đức Như Lai vì ông giảng giải".

- Này Thiện nam tử ! Tâm nghi thế nào, ông cứ trình bày Như Lai sẽ dạy nữa cho.

Văn Thù Sư Lợi nói : "Ông Thuần Đà nghi rằng : Đức Như Lai là thường trụ, do vì đặng sức tri kiến Phật tánh. Nếu thấy Phật tánh mà là thường trụ, thời lúc trước chưa thấy lẽ ra là vô thường. Nếu lúc trước là vô thường, lúc sau cũng phải như vậy. Như những vật trong đời trước không nay có, có rồi trở thành không. Những vật như vậy đều là vô thường. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn không sai khác nhau".

Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng :

Trước có nay không  
 Trước không nay có,  
 Trọn không có nghĩa  
 Ba đời là có.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này mà chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, cũng có sai khác, cũng không sai khác".

Văn Thù Sư Lợi tán thán rằng : "Lành thay ! Thiệt như lời dạy của Như Lai, nay tôi mới biết chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn cũng có sai khác, cũng không sai khác".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói, chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, tánh không sai khác, cúi mong đức Như Lai giảng rộng nghĩa ấy, để lợi ích an lạc tất cả chúng sanh".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Lóng nghe suy xét kỹ, đức Như Lai sẽ vì ông giảng nói nghĩa ấy.

Này Thiện nam tử ! Ví như Trưởng giả nuôi nhiều bò sữa, đủ các màu lông, sai một người chăn nuôi. Một hôm người chăn vì sự cúng kiến, vắt sữa tất cả bò đựng chung trong một thùng. Người ấy thấy sữa đồng một màu trắng, lấy làm lạ nghĩ rằng : Bầy bò mỗi con đều khác màu, sao sữa của chúng nó đều đồng màu. Người ấy gẫm kỹ, xét rằng tất cả đều do

nhơn duyên nghiệp báo của chúng sanh làm cho sữa đồng một màu.

Này Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đồng một Phật tánh, như sữa của bầy bò đồng một màu. Vì đồng sạch hết phiền não. Nhưng các chúng sanh nói chur Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, sai khác nhau. Cũng có hàng Thanh Văn và người phàm phu nghi rằng : Ba thừa sao lại không sai khác. Những người này lâu lâu về sau tự hiểu rằng, tất cả ba thừa đồng một Phật tánh. Như người chăn bò hiểu rằng màu sữa đồng một, là do nhơn duyên nghiệp báo.

Này Thiện nam tử ! Ví như quặng vàng, nấu lọc cặn bã, sau khi tiêu dung thành vàng, thời giá trị vô lượng. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều đặn thành tựu đồng một Phật tánh, vì trừ hết phiền não, như quặng vàng trừ hết cặn bã thành vàng. Do nghĩa này nên tất cả chúng sanh đồng một Phật tánh không có sai khác. Vì họ trước kia nghe tụng Như Lai vi mật, thời gian sau thành Phật tự nhiên đặn biết, vì dứt vô lượng phiền não. Như ông Trưởng giả kia biết sữa đồng một màu".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thời Phật cùng chúng sanh có gì sai khác. Người nói như vậy có nhiều lỗi lầm. Nếu các chúng sanh đều có Phật tánh, do nhơn duyên gì Ngài Xá Lợi Phất v.v... lại nhập

tiểu Niết Bàn. Hàng Duyên Giác nhập trung Niết Bàn, các vị Bồ Tát nhập Đại Niết Bàn. Ba hạng người như vậy nếu đồng Phật tánh, sao lại chẳng đồng nhập Đại Niết Bàn như đức Như Lai ?".

Này Thiện nam tử ! Niết Bàn của chư Phật Thế Tôn chính là chẳng phải chỗ chứng của Thanh Văn, Duyên Giác, do nghĩa này nếu nhập Đại Niết Bàn gọi là thuần thiện. Thế gian nếu không Phật ra đời chẳng phải là không có hàng Nhị thừa chứng đặng hai thứ Niết Bàn ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : Thế Tôn ! Nghĩa ấy như thế nào ?".

Phật nói : "Vô lượng vô biên vô số kiếp mới có một đức Phật hiện ra nơi đời khai thị pháp tam thừa.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông nói, Bồ Tát, Duyên Giác và Thanh Văn không sai khác đó, trước kia trong tạng Như Lai Đại Niết Bàn này ta đã có nói nghĩa đó. Các vị A La Hán không có thuần thiện, vì các vị A La Hán đều sẽ đặng Đại Niết Bàn này, do nghĩa này nên nhập Đại Niết Bàn có lạc rốt ráo, vì có lạc rốt ráo nên gọi là nhập Đại Niết Bàn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Như lời Phật nói tôi nay mới biết nghĩa sai khác, cùng nghĩa không sai khác, vì tất cả Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác đều sẽ đồng qui nơi Đại Niết Bàn đời vị lai, như các dòng nước chảy về biển cả. Thế nên hàng Thanh



Văn, Duyên Giác đều gọi là thường chẳng phải là vô thường. Do nghĩa này nên cũng có sai khác, cũng không sai khác.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào là tánh sai khác ?

- Nay Thiện nam tử ! Thanh Văn như sữa. Duyên Giác như lạc. Bồ Tát như sanh tô thực tô, chư Phật Thế Tôn như đề hồ. Do nghĩa này nên trong Đại Niết Bàn nói bốn chủng tánh sai khác nhau.

- Bạch Thế Tôn ! Tánh tướng của tất cả chúng sanh như thế nào ?

- Nay Thiện nam tử ! Như bò mới sanh, sữa máu chưa sai khác. Tánh phàm phu các phiền não xen tạp cũng lại như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng : "Trong thành Câu Thi La có gã Chiên đà la tên là Hoan Hỷ. Phật thọ ký người này do một lần phát tâm nên sẽ mau thành đạo Vô thượng Chánh giác trong số ngàn Phật ở thế giới này. Có sao đức Như Lai chẳng thọ ký cho Tôn giả Xá Lợi Phất, Tôn giả Mục Kiền Liên v.v... mau thành Phật đạo ?".

- Nay Thiện nam tử ! Hoặc có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát phát nguyện rằng : Tôi sẽ mãi mãi hộ trì chánh pháp vậy sau mới thành Phật đạo. Vì phát nguyện mau, nên thọ ký cho mau thành Phật.

Nay Thiện nam tử ! Ví như người buôn bán, có châu báu vô giá đem ra chợ bán. Người ngu thấy

báu chẳng biết, khinh cười. Nhà buôn xướng rằng châu báu của tôi giá trị vô số. Bọn ngu càng nghe lại khinh cười thêm bảo nhau rằng : Thứ đó không phải chơn châu hay là châu pha lê. Cũng vậy, hàng Thanh Văn, Duyên Giác nếu nghe thọ ký mau thành Phật, thời bèn giải đãi khinh cười coi rẻ. Như bọn người ngu chẳng biết chơn châu.

Đời vị lai có hàng Tỳ Kheo chẳng thể siêng năng tu tập pháp lành. Do nghèo cùng khốn khổ, đói khát mà xuất gia để thân được no ấm, tâm chí họ khinh tháo, tà mạn, siểm khúc. Hạng này nếu nghe đức Như Lai thọ ký hàng Thanh Văn mau thành Phật, họ sẽ cả cười khinh mạn chê bai. Nên biết bọn này tức là kẻ phá giới, tự nói rằng đã chứng đặng hơn người. Do nghĩa này nên tùy theo người phát nguyện mau thành, thời thọ ký cho mau thành. Người hộ trì chánh pháp, thời vì thọ ký cho lâu thành.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đại Bồ Tát như thế nào sẽ đặng chẳng hư hoại quyền thuộc ?".

Phật nói : "Nếu các Bồ Tát siêng năng tinh tấn muốn hộ trì chánh pháp. Do nhơn duyên này được quyền thuộc chẳng thể hư hoại".

- Bạch Thế Tôn ! Do nhơn duyên gì chúng sanh môi miệng khô cháy ?

- Nếu có người chẳng biết Tam Bảo là thường còn, do nhơn duyên này, môi miệng khô cháy. Như

người miệng bịnh chẳng biết vị ngọt, đắng, cay, chua, mặn, lạt. Tất cả chúng sanh ngu si vô trí chẳng biết Tam Bảo là thường còn, thế nên gọi là môi miệng khô cháy.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh chẳng biết Như Lai là thường trụ, nên biết người này là kẻ sanh manh, nếu biết Như Lai là thường trụ, người này dầu là nhục nhãn nhưng Phật nói là thiên nhãn.

Này Thiện nam tử ! Nếu người có thể biết Như Lai là thường trụ, nên biết người này từ lâu đã tu tập kinh điển này. Phật nói những người này cũng gọi là thiên nhãn.

Nếu chẳng thể biết Như Lai là thường trụ, người này dầu có thiên nhãn, nhưng Phật gọi là nhục nhãn. Người này nhẫn đến chẳng biết tay chơn chi tiết của thân mình, cũng không thể làm cho người khác biết, do nghĩa này nên gọi là nhục nhãn.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai thường vì tất cả chúng sanh mà làm cha mẹ. Vì tất cả chúng sanh các thứ hình loại : hai chơn, bốn chơn, nhiều chơn, không chơn, đức Phật dùng một âm thanh mà vì thuyết pháp. Những loài chúng sanh khác nhau kia đều tự đặng nhận hiểu, đều tán thán rằng : Đức Như Lai ngày nay vì tôi mà thuyết pháp. Do nghĩa này nên đức Như Lai gọi là cha mẹ.

Này Thiện nam tử ! Như người sanh con trai mới được mười sáu tháng, đứa trẻ dẫu biết nói nhưng chưa rành rẽ. Mà cha mẹ của đứa trẻ muốn dạy con nói, nên theo đồng tiếng của nó để dạy lần lần. Lời nói của cha mẹ đứa trẻ có phải là chẳng đúng giọng ư ?

- Bạch Thế Tôn ! Không phải vậy.

- Này Thiện nam tử ! Chư Phật Như Lai tùy theo các thứ tiếng nói của mọi loài chúng sanh mà thuyết pháp. Vì làm cho chúng sanh an trụ nơi chánh pháp. Tùy theo chúng sanh đáng được thấy mà vì thị hiện các thứ hình tượng. Đức Như Lai nói năng đồng với chúng sanh, có thể cho rằng âm thanh của Như Lai là chẳng chánh ư ?

- Bạch Thế Tôn ! Không phải vậy. Vì Đức Như Lai tùy thuận theo các thứ âm thanh của thế gian, mà vì chúng sanh diễn nói diệu pháp.



## XVII

# PHẨM ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN

### Thứ mười bảy

Bấy giờ đức Thế Tôn từ trên mặt phóng các thứ ánh sáng màu : Những ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, chiếu thân Thuần Đà. Thuần Đà gặp ánh sáng này, bèn cùng quyến thuộc mang những thức ăn đến rừng Ta La để cúng dường đức Phật lần cuối cùng và cúng dường chúng Tỳ Kheo.

Lúc đó có trời Đại Oai Đức đứng án trước mặt bảo Thuần Đà rằng : Ông Thuần Đà nên dừng lại, chớ dâng cúng.

Đức Như Lai lại phóng vô lượng vô biên ánh sáng, đại chúng cõi trời gặp ánh sáng này liền để cho Thuần Đà đem những thức ăn uống dâng lên Phật.

Lúc đó chư Thiên cùng các chúng sanh đem đồ cúng dường cũng lần đến nơi trước Phật, đồng qui

bạch rằng : Ngưỡng mong đức Như Lai cho phép các Tỳ Kheo thọ vật thực này.

Các Tỳ Kheo biết đã đến giờ ăn, bèn chấp trì y bát an lành ngồi yên.

Thuần Đà vì Phật và chúng sanh mà bố thí những tòa báu sư tử, treo phan lọng lụa cùng chuỗi ngọc hương hoa. Lúc bấy giờ cả tam thiên đại thiên giới trang nghiêm tốt đẹp như cõi Cực Lạc ở phương Tây.

Thuần Đà quì trước Phật, sầu lo buồn bã bạch rằng : "Ngưỡng mong đức Như Lai xót thương trụ thọ một kiếp, hoặc dưới một kiếp".

Phật bảo Thuần Đà : "Ông muốn đức Phật ở lâu nơi đời, phải nên mau dâng cúng dường lần cuối cùng".

Lúc đó tất cả Đại Bồ Tát, chư Thiên, mọi người khác miệng đồng lời xưng rằng : "Lạ lòng thay ông Thuần Đà, trọn nên phước đức lớn có thể làm cho đức Như Lai nhận lấy lần cúng dường cuối cùng. Chúng ta vô phước uống công trần thiết !".

Đức Thế Tôn muốn làm cho tất cả đại chúng mãn nguyện, mỗi mỗi lỗ chơn lông trên thân Phật hóa thành vô lượng Phật, mỗi đức Phật đều có vô lượng Tỳ Kheo Tăng. Chư Phật và Tỳ Kheo Tăng này thị hiện thọ sự cúng dường của đại chúng. Thích Ca Như Lai tự thọ phần của Thuần Đà dâng.

Do thần lực của Phật tám hộc cơm của Thuần Đà đều cung cấp đầy đủ tất cả đại hội. Thuần Đà

thấy vậy, vui mừng hơn hở, tất cả đại chúng cũng đều hoan hỷ.

Toàn thể đại chúng lúc đó nghĩ rằng : Nay đức Như Lai đã nhận sự cúng dường rồi, không bao lâu sẽ vào Niết Bàn. Lòng đại chúng vừa buồn vừa mừng.

Lúc bấy giờ rừng cây Ta La vốn hẹp nhỏ, do thần lực của Phật, khoảng không gian như mũi kim đều có vô lượng chư Phật Thế Tôn và quyến thuộc Bồ Tát đồng ngồi thọ thực. Những thức ăn cũng đồng không sai khác.

Lúc đó chư Thiên, mọi người, A Tu La v.v... khóc lóc buồn khổ than rằng : Nay đức Như Lai đã thọ lần cúng dường cuối cùng của chúng ta, rồi đây đức Phật sẽ nhập Niết Bàn, chúng ta còn biết sẽ cúng dường ai. Nay chúng ta mất hẳn bậc Điều ngự Vô thượng, khác nào người mù không con mắt.

Đức Thế Tôn vì muốn an ủi tất cả đại chúng mà nói kệ rằng :

Đại chúng chớ buồn than  
Pháp chư Phật phải vậy.  
Phật nhập nơi Niết Bàn  
Đã trải vô lượng kiếp  
Thường hưởng vui vô thượng  
Vĩnh viễn ở an ổn.  
Mọi người lắng lòng nghe !

Phật sẽ nói Niết Bàn :  
 Phật đã lia ăn uống  
 Trọn không khổ đói khát,  
 Phật sẽ vì mọi người  
 Nói nguyện tùy thuận kia,  
 Khiến tất cả đại chúng  
 Đều được vui an ổn,  
 Nghe xong nên tu hành  
 Pháp thường trụ của Phật.  
 Giả sử quạ chim cắt  
 Chung một cây làm ổ  
 Như anh em thân yêu  
 Phật mới Niết Bàn hẳn.  
 Như Lai xem tất cả  
 Thương như La Hầu La  
 Thường làm thầy chúng sanh  
 Sao lại Niết Bàn hẳn.  
 Giả sử rắn, chuột, sói  
 Đồng ở chung một hang  
 Thương nhau như anh em  
 Phật mới Niết Bàn hẳn  
 Như Lai xem tất cả  
 Thương như La Hầu La  
 Thường làm cha chúng sanh



Thế nào Niết Bàn hử.  
Giả sử hoa thất diệp  
Thơm như hoa bàn sư,  
Trái cây Ca lưu ca  
Chuyển làm Trái trăn đầu,  
Như Lai xem tất cả  
Thương như La Hầu La  
Sao lại bỏ Từ bi  
Vĩnh viễn nhập Niết Bàn.  
Giả sử nhứt xiển đề  
Hiện thân thành Phật đạo  
Thọ hử vui đệ nhứt  
Phật mới vào Niết Bàn.  
Như Lai xem tất cả  
Đều như La Hầu La  
Sao lại bỏ Từ bi  
Vĩnh viễn nhập Niết Bàn.  
Giả sử tất cả chúng  
Đồng thời thành Phật đạo  
Xả lìa các lỗi lầm  
Phật mới nhập Niết Bàn  
Như Lai xem tất cả  
Đều như La Hầu La  
Sao lại bỏ Từ bi

Vĩnh viễn nhập Niết Bàn.  
Giả sử nước đá muối  
Ngập lụt cả đại địa  
Ngập núi và trăm sông  
Biển cả đều đầy tràn  
Nếu có việc như vậy  
Phật mới vào Niết Bàn,  
Lòng bi xem tất cả  
Đều như La Hầu La  
Thường làm thầy chúng sanh  
Sao lại Niết Bàn hử.  
Vì thế nên mọi người  
Phải ưa thích chánh pháp  
Chẳng nên sanh buồn rầu  
Than thở mà khóc lóc.  
Muốn có hạnh chơn chánh  
Phải tu Phật thường trụ  
Nên xét pháp như vậy  
Còn mãi chẳng biến đổi.  
Lại nên suy nghĩ rằng :  
Tam Bảo đều thường trụ  
Thời đặng lợi ích lớn  
Như cây khô sanh trái.  
Đây gọi là Tam Bảo

Tứ chúng phải khéo nghe  
Nghe rồi thêm vui mừng  
Liên phát tâm Bồ Đề.  
Nếu biết được Tam Bảo  
Thường trụ đồng chơn để  
Đây thời là thệ nguyện  
Tối thượng của chư Phật.

Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, có thể y cứ theo thệ nguyện tối thượng của Như Lai mà tự phát nguyện, nên biết người này không có ngu si, kham lãnh thọ sự cúng dường. Bởi nguyện lực này có công đức quả báo rất thù thắng nơi thế gian, như A La Hán. Nếu ai chẳng thể quan sát Tam Bảo thường trụ như vậy, kẻ này là Chiên đà la.

Nếu có người biết được Tam Bảo là thường trụ, là nhơn duyên pháp chơn thật, thời lìa khổ đặng an vui, không có gì nhiều hại lưu nạn được người này.

Lúc đó cả đại chúng trời, người, A Tu La v.v... nghe lời Phật dạy, đều vui mừng hơn hớ tâm tưởng điều nhu, dung nhan vui vẻ oai đức thanh tịnh, khéo dứt ngũ cái, tâm không phân biệt cao hạ, biết Phật là thường trụ. Do đó đại chúng sắp đặt các thứ cúng dường cõi trời, rải các thứ hoa trời, hương bột, hương thoa, đánh trống trời, thổi kỹ nhạc trời để cúng dường Phật.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát rằng : "Ông thấy việc hy hữu của đại chúng đây chăng ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Tôi đã thấy. Tôi thấy các đức Như Lai đông vô lượng vô biên không thể tính đếm, lãnh thọ những thức uống ăn của đại chúng cúng dường. Lại thấy chư Phật thân rất cao lớn, mà chỗ ngồi chỉ choáng khoảng bằng mũi kim. Chúng đông vi nhiều không chướng ngại nhau. Lại thấy đại chúng đều phát nguyện nói mười ba bài kệ. Tôi cũng biết đại chúng đều tự nghĩ rằng : Nay đức Như Lai riêng thọ tôi cúng dường. Giả sử tất cả vật thực của Thuần Đà dâng cúng, nghiền nhỏ như vi trần, đem một vi trần dâng một đức Phật, vẫn không khắp đủ, nhưng nhờ thần lực của Phật, mà đều cung cấp đủ tất cả đại chúng, chỉ có các vị đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử v.v... mới biết được sự hy hữu này. Đây đều là đức Như Lai phương tiện thị hiện, chúng Thanh Văn và A Tu La vân vân đều biết đức Như Lai là Pháp thường trụ".

Đức Thế Tôn bảo Thuần Đà rằng : "Nay ông có thấy việc hy hữu lạ lùng này chăng ?".

- Bạch Thế Tôn ! Tôi thiệt có thấy. Tôi trước thấy vô lượng chư Phật, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt trang nghiêm nơi thân. Chư đại Bồ Tát cung kính vi nhiều".

Phật bảo Thuần Đà : "Vô lượng chư Phật mà ông đã thấy, đó là ta hóa hiện ra để đem sự lợi ích vui mừng đến cho tất cả chúng sanh. Hàng đại Bồ Tát như vậy công hạnh tu hành chẳng thể nghĩ bàn, có thể làm vô lượng Phật sự. Nay Thuần Đà, nay ông đã thành tựu hạnh đại Bồ Tát, đặng trụ Thập địa, đã làm xong đầy đủ công hạnh của Bồ Tát".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đúng như lời Phật dạy. Chỗ tu tập của Thuần Đà trọn nên hạnh Bồ Tát, tôi cũng tùy hỷ.

Hôm nay đức Như Lai vì muốn đem sự sáng suốt lớn cho chúng sanh đời vị lai, mà nói kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này.

Bạch Thế Tôn ! Tất cả khế kinh có còn nghĩa dư thừa hay không nghĩa dư thừa ?".

Này Thiện nam tử ! Kinh của Phật đã nói cũng có nghĩa dư thừa, cũng không nghĩa dư thừa.

Thuần Đà bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói :

Tất cả vật của mình có  
 Đem bố thí cho tất cả,  
 Chỉ phải nên đều tán thán  
 Trọn không được có khuy tổn.

Bạch Thế Tôn ! Nghĩa đó thế nào. Trì giới, hủy giới có sai khác gì ?".

Phật nói : "Chỉ trừ một người, ngoài ra tất cả bố thí đều nên tán thán".

Thuần Đà bạch Phật : "Thế nào gọi là chỉ trừ một người ?".

Phật nói : "Người phá giới như trong kinh này đã nói".

Thuần Đà lại bạch : "Nay tôi chưa được rõ, cúi mong đức Phật nói rõ cho".

Phật bảo Thuần Đà : "Trong kinh đây nói người phá giới là nhưt xiển đề. Ngoài ra tất cả chỗ bố thí đều nên tán thán, đặng quả báo rất lớn".

Thuần Đà bạch Phật : "Thế Tôn ! Nghĩa nhưt xiển đề như thế nào ?".

Phật bảo Thuần Đà : "Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, nói lời thô ác, chê bai chánh pháp, tạo tội nặng nề, trợn chẳng ăn năn, tâm không hổ thẹn, người như vậy gọi là xu hướng con đường nhưt xiển đề.

Nếu người phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch, tự quyết định biết phạm tội trọng như vậy, mà tâm chẳng biết sợ sệt hổ thẹn, chẳng bằng lòng phát lồ, ở nơi chánh pháp trợn không lòng hộ trì kiến lập, chê bai khinh tiện, nhiều lời lỗi lầm, người như vậy cũng gọi là hướng đến đường nhưt xiển đề.

Nếu lại có người nói rằng : Không Phật, không Pháp, không Tăng, người như vậy cũng gọi là hướng đến đường nhứt xiển đề.

Chỉ trừ bọn nhứt xiển đề này, ngoài ra tất cả chỗ bố thí đều nên tán thán".

Thuần Đà lại bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Như Phật nói phá giới, nghĩa đó thế nào ?".

- Nay Thuần Đà ! Nếu phạm bốn tội nặng và năm tội nghịch, cùng hủy báng chánh pháp, người như vậy gọi là phá giới.

Thuần Đà bạch Phật : "Thế Tôn ! Người phá giới như vậy có thể cứu vớt được chăng ?".

- Nay Thuần Đà ! Có như duyên thời cứu vớt được. Nếu người đó còn mặc pháp phục chưa bỏ, trong tâm luôn hổ thẹn sợ sệt, tự trách cứ lấy mình, trong lòng ăn năn, sanh tâm hộ trì chánh pháp, muốn kiến lập chánh pháp và nguyện sẽ cũng dường người hộ pháp. Nếu có người đọc tụng kinh điển Đại thừa, tôi sẽ đến hỏi han để được thọ trì đọc tụng. Khi đã thông thuộc rồi, tôi sẽ vì người khác giảng nói.

Nay Thuần Đà, người như trên đây, Phật gọi là chẳng phá giới. Ví như mặt trời mọc lên có thể phá trừ tất cả tối tăm sương mù. Cũng vậy, kinh Đại thừa Đại Niết Bàn vi diệu này, khi hiện ra nơi đời, có thể phá trừ những nghiệp tội trong vô lượng kiếp của chúng sanh. Thế nên kinh này nói rằng hộ trì

chánh pháp đặng quả báo lớn, có thể cứu vớt kẻ phá giới.

Nếu có người hủy báng chánh pháp này, mà có thể tự ăn năn chừa cải, trở về nơi chánh pháp, tự nghĩ tất cả điều ác đã làm, như người tự hại lấy mình, sanh lòng kính sợ hổ thẹn. Trừ chánh pháp này ra không có gì cứu hộ được. Vì thế nên phải trở về nơi chánh pháp.

Người này nếu có thể quy y chánh pháp như trên, bố thí cho người này sẽ đặng vô lượng phước. Người này cũng gọi là bậc đáng lãnh thọ sự cúng dường của thế gian.

Nếu người phạm những tội nghiệp ác như trên, trải qua một tháng, hoặc mười lăm ngày, chẳng có lòng phát lồ quy y chánh pháp, nếu bố thí cho người này được quả báo rất ít.

Người phạm tội ngũ nghịch, nếu có thể sanh lòng ăn năn hổ thẹn quy y hộ trì chánh pháp như trên, người này chẳng gọi là phạm tội ngũ nghịch. Nếu bố thí cho người này, đặng vô lượng phước. Nếu phạm tội ngũ nghịch, mà chẳng sanh tâm quy y hộ pháp. Nếu bố thí cho người này, đặng phước không đáng kể.

Này Thiện nam tử ! Người phạm tội trọng nên có tâm này : Chánh pháp tức là tạng Như Lai vi mật, tôi phải hộ trì kiến lập. Nếu ai bố thí cho người này, thời đặng quả báo rất tốt.



Này Thiện nam tử ! Ví như thiếu phụ kia mang thai gần ngày sanh nở, nhằm lúc trong nước loạn lạc, lánh nạn trốn đến xứ khác, giữa đường sanh nở. Sau đó nghe nước nhà đã an ổn, đem con trở về, giữa đường phải lội qua con sông, nước đầy chảy xiết, đến giữa giòng đuối sức, tự nghĩ rằng : Tôi thà cùng con tôi đồng chết, quyết không bỏ con để được sống một mình. Do đó mẹ con đều bị nước cuốn chìm. Phụ nữ ấy, sau khi chết được sanh lên cõi trời. Phụ nữ này tánh vốn tệ ác nhờ lòng thương con mà đặng sanh lên cõi trời.

Cũng vậy, người phạm bốn tội nặng, năm tội nghịch, nếu sanh tâm quy y hộ trì chánh pháp thời là phước điền vô thượng của thế gian. Người hộ pháp này được vô lượng quả báo tốt như vậy.

Thuần Đà bạch Phật : Thế Tôn ! Nếu hạng nhứt xiển đề có thể tự ăn năn chừa cải, cung kính cúng dường tán thán Tam Bảo. Bố thí cho người này, có đặng quả báo lớn chăng ?

Này Thiện nam tử ! Nay ông chẳng nên nói như vậy. Ví như có người ăn trái Am la, nghĩ rằng : Trong hột trái này có lẽ ngọt, liền đập bể hột ra để nếm, thấy vị rất chát đắng, lòng sanh hối hận, sợ mất giống trái tốt, mới gom góp mảnh hột vụn đem ương nơi đất, siêng năng săn sóc, đến dùng sữa, tồ, dầu để tưới bón. Ý ông nghĩ thế nào, hột đó có thể mọc lên cây được chăng ?

- Bạch Thế Tôn ! Không thể mọc lên được, dầu cho trời mưa chất cam lồ, hột nát bể ấy cũng mọc không được.

- Nay Thiện nam tử ! Hạng nhứt xiển đề đã đốt cháy căn lành, sẽ cõ nơi chỗ nào mà trừ tội đặng.

Nếu sanh tâm lành, thời kẻ đó chẳng gọi là nhứt xiển đề.

Do nghĩa này tất cả chỗ bố thí đặng quả báo chẳng phải không sai khác. Vì thí cho hàng Thanh Văn đặng quả báo khác, thí hàng Bích Chi Phật đặng quả báo cũng khác. Duy cúng thí đức Như Lai đặng quả báo vô thượng. Thế nên nói rằng : Tất cả chỗ bố thí chẳng phải không sai khác.

Thuần Đà lại bạch : "Thế Tôn ! Do có chi đức Như Lai nói bài kệ ấy ?".

- Nay Thuần Đà ! Vì có nhơn duyên nên ta có nói bài kệ ấy.

Trong thành Vương Xá, có nhà cư sĩ không lòng tin Tam Bảo, phụng thờ phái Ni Kiền Tử đến hỏi Phật nghĩa bố thí, nên ta nói bài kệ ấy. Cũng vì các vị đại Bồ Tát mà nói nghĩa tạng bí mật, bài kệ ấy nghĩa như vậy :

Tất cả đó là ít phần tất cả. Phải biết đại Bồ Tát là bực tôn quý trong loài người, nhiếp thủ hạng trì giới cung cấp cho đồ cần dùng, dứt bỏ hạng phá giới, như bỏ cỏ rác.

Này Thiện nam tử ! Như xưa kia ta nói kệ rằng :

Tất cả sông ngòi  
 Quyết có xoáy cong,  
 Tất cả rừng rậm  
 Ất có cây cối,  
 Tất cả người nữ  
 Quyết lòng dua vạy,  
 Tất cả tự tại  
 Quyết hưởng an vui.

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đến lạy chân Phật mà nói kệ rằng :

Chẳng phải tất cả sông  
 Đều quyết có xoáy cong,  
 Chẳng phải tất cả rừng  
 Quyết gọi là cây cối,  
 Chẳng phải mọi người nữ  
 Quyết có lòng dua vạy,  
 Tất cả hàng tự tại  
 Chẳng quyết đều hưởng vui

Văn Thù Sư Lợi lại bạch : "Kệ của đức Phật nói còn có nghĩa dư thừa, cúi mong đức Như Lai nói rõ hơn duyên kia.

Thế Tôn ! Vì nơi thế giới này, có bờ Câu da ni, nơi ấy có con sông Ta bà da ngay thẳng chẳng cong,

như sợi dây, chạy thẳng vào biển Tây. Con sông ấy nơi trong những kinh khác Phật chưa từng nói, xin đức Như Lai nhơn hội Phương Đẳng này, nói nghĩa còn dư thừa trong kinh A Hàm, khiến các vị Bồ Tát hiểu rõ nghĩa ấy.

Thế Tôn ! Ví như có người, lúc trước thời biết quặng vàng, lúc sau lại chẳng biết vàng. Cũng vậy, đức Như Lai biết rõ tất cả pháp mà lời nói ra còn có nghĩa dư thừa chẳng trọn. Dầu đức Như Lai nói nghĩa thừa như vậy, nhưng cũng nên phương tiện giải rõ ý nghĩa kia.

Tất cả rừng rậm quyết là cây cối. Đây cũng chưa được trọn, vì các thứ cây vàng, bạc, lưu ly, những cây bằng chất báu, cũng gọi là rừng.

Tất cả người nữ quyết có lòng dua vạ. Đây cũng chưa trọn, vì cũng có người nữ khéo giữ giới cấm trọn nên công đức, có lòng đại từ bi.

Tất cả tự tại quyết hưởng an vui. Đây cũng chưa trọn, ví như Thích Ca Như Lai là đấng Pháp Vương tự tại, chẳng ở trong phạm vi vô thường, chẳng thể diệt dứt, là rốt ráo an vui. Hàng Phạm Vương, Đế Thích, các Trời, dầu đặng tự tại, nhưng đều là vô thường chưa phải an vui. Nếu đặng thường trụ không biến đổi mới đặng gọi là tự tại, chính là Đại thừa Đại Niết Bàn".

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : "Nay ông khéo đặng biện tài vô ngại.

Này Thiện nam tử ! Vả thôi, nên lắng nghe. Ví như Trưởng giả mang bệnh khổ, y sĩ hiệp thuốc cao để điều trị. Vì tham, người bệnh muốn uống nhiều. Y sĩ bảo, nếu có thể tiêu hóa được thì nên uống nhiều, nay thân Trưởng giả gầy yếu chẳng nên uống nhiều. Phải biết thuốc cao này gọi là cam lồ, cũng gọi là độc dược, nếu uống nhiều chẳng tiêu hóa được thì thành chất độc.

Này Thiện nam tử ! Nay ông chớ cho rằng lời nói của y sĩ là trái nghĩa mặt lý, làm hư công hiệu của thuốc cao.

Này Thiện nam tử ! Cũng vậy, đức Như Lai như vua Ba Tư Nặc, vương tử, và hậu phi có lòng kiêu mạn, vì muốn điều phục họ nên thị hiện nói lời ấy cho họ sợ sệt, như y sĩ kia. Do đó mà ta nói kệ rằng :

Tất cả sông ngòi  
Quyết có xoáy cong,  
Tất cả rừng rậm  
Quyết là cây cối,  
Tất cả người nữ,  
Quyết lòng dua vạy,  
Tất cả tự tại  
Quyết hưởng an vui.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Ông nên biết rằng lời nói của đức Như Lai không có sai sót. Như cõi đất này,

có thể làm cho lật úp, lời nói của Như Lai trọn không sai sót. Do nghĩa này nên lời nói của đức Như Lai tất cả có dư thừa.

Lúc đó đức Phật khen Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát :  
 "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Từ lâu ông đã biết nghĩa như vậy. Vì thương xót tất cả, muốn làm cho chúng sanh đặng trí huệ, nên ông cố ý hỏi đức Như Lai nghĩa của bài kệ như vậy".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lại ở nơi trước Phật mà nói bài kệ rằng :

Với lời nói của người  
 Tùy thuận chẳng chống trái,  
 Cũng chẳng xem người khác  
 Làm hay là chẳng làm,  
 Chỉ tự xem thân mình  
 Làm lành hay chẳng lành.

Thế Tôn ! Pháp được như vậy chẳng phải là chánh thuyết, chỉ là đôi với lời nói của người khác mà tùy thuận chẳng trái. Cúi mong đức Như Lai xót thương chánh thuyết cho. Vì Thế Tôn thường nói, tất cả ngoại giáo cả chín mươi lăm phái, đều đi đến ác đạo. Hàng Thanh Văn đệ tử đều hướng đến chánh lộ. Khéo giữ gìn cấm giới, nhiếp trì oai nghi, gìn giữ sáu căn, những người như vậy, rất ưa thích Đại thừa, thẳng đến thiện đạo. Có sao đức Như Lai ở trong chín loại kinh thấy có ai hủy báng

người khác, thời bèn quở trách. Bài kệ trên đây ý nghĩa như thế nào ?

- Này Thiện nam tử ! Ta nói kệ ấy cũng chẳng phải vì tất cả chúng sanh. Lúc đó chỉ vì vua A Xà Thế. Chư Phật nếu không nhờn duyên trợn chẳng nghịch thuyết.

Này Thiện nam tử ! Vua A Xà Thế khi hại cha rồi, đến Giáo hội muốn chiết phục ta, hỏi rằng : Thế Tôn có nhứt thiết trí hay chẳng có nhứt thiết trí. Điều Đạt trong vô lượng đời đã qua, thường ôm lòng ác, theo dõi muốn làm hại Như Lai. Nếu là bực nhứt thiết trí, sao Như Lai cho Điều Đạt xuất gia.

Do nhờn duyên vua A Xà Thế hỏi mà ta nói bài kệ :

Với lời nói của người  
 Tùy thuận chẳng trái nghịch,  
 Cũng chẳng xem người khác  
 Làm hay là chẳng làm.  
 Chỉ tự xem thân mình  
 Làm lành hay chẳng lành.

Rồi Phật bảo nhà vua, nay nhà vua hại cha đã tạo tội nghịch, nay phải phát lồ để được tiêu tội, có sao lại xem lỗi lầm của người khác.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa đó nên ta vì vua A Xà Thế mà nói bài kệ ấy.

Này Thiện nam tử ! Ta cũng vì người hộ trì cấm giới thành tựu oai nghi, lại xem lỗi của người khác mà nói bài kệ ấy.

Nếu lại có người, nhận lãnh lời dạy của người khác, xa lìa những tội ác, rồi dạy lại người khác, làm cho lìa những tội ác. Người như vậy thời là đệ tử của Phật. Đức Thế Tôn vì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát mà nói kệ rằng :

Tất cả đều sợ dao gậy,  
Không ai chẳng mến thân mạng,  
Tự tha thứ đáng làm lệ,  
Chớ giết cũng chớ đánh đập.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lại ở trước Phật mà nói kệ rằng :

Chẳng phải tất cả đều sợ gậy,  
Chẳng phải tất cả mến thân mạng,  
Tự tha thứ đáng lấy làm lệ,  
Siêng thực hành những phương tiện lành.

Pháp cú của đức Như Lai nói cũng chưa trọn nghĩa. Vì như A La Hán, Chuyển Luân Thánh Vương, ngọc nữ, tượng bảo, mã bảo, chủ tạng đại thần, chư Thiên và A Tu La, không có ai cầm gươm bén có thể làm hại được.

Dũng sĩ, liệt nữ, mã vương, thú vương, Tỳ Kheo trì giới, dầu có oan đối đến làm hại, nhưng họ chẳng



sợ sệt. Do nghĩa này bài kệ của Như Lai nói cũng chưa trọn nghĩa.

Nếu nói tự tha thứ đáng lấy làm lệ đó, cũng không trọn nghĩa. Vì nếu giả sử A La Hán, lấy mình làm lệ cho người, thời có ngã tướng và thọ mạng tướng. Nếu có ngã tướng và thọ mạng tướng thời phải giữ gìn. Như thế thời phạm phu lẽ ra cũng thấy A La Hán đều là hạng người còn tu hành. Nếu thấy như vậy, thời thành tà kiến, sẽ phải đọa địa ngục A Tỳ.

Lại A La Hán trọn không mống tâm sát hại chúng sanh. Vô lượng chúng sanh cũng không thể làm hại A La Hán.

- Nay Thiện nam tử ! Nói rằng ngã tướng là đối với chúng sanh có lòng đại bi, không có tướng giết hại là nói tâm bình đẳng của A La Hán. Chớ cho rằng đức Thế Tôn không nhờn duyên mà nghịch thuyết.

Ngày xưa trong thành Vương Xá, có người thợ săn giết nhiều nai, mời ta ăn thịt. Lúc đó dầu ta nhận lời mời, nhưng đối với các chúng sanh sanh lòng từ bi xem như La Hầu La mà nói kệ rằng :

Sẽ khiến người được trường thọ

Mãi mãi sống ở nơi đời

Thọ trì pháp chẳng giết hại

Dường như thọ mạng của Phật.

Do có đó nên ta nói bài kệ :

Tất cả đều sợ dao gậy  
 Không ai chẳng mến thân mạng  
 Tự tha thứ, đáng làm lệ  
 Chớ giết, cũng chớ đánh đập.

Lành thay ! Lành thay ! Văn Thù Sư Lợi vì các vị đại Bồ Tát mà gạn hỏi đức Như Lai giáo pháp như vậy.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lại nói kệ rằng :

Thế nào là kính cha mẹ  
 Tùy thuận tôn trọng song thân ?  
 Thế nào thật hành pháp này  
 Bị đọa nơi ngục vô gián ?

Đức Như Lai nói kệ đáp :

Nếu dùng tham ái làm mẹ  
 Dùng vô minh, để làm cha  
 Rồi tùy thuận tôn trọng đó  
 Thời phải đọa ngục vô gián.

Đức Như Lai vì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói kệ rằng :

Tất cả thuộc kẻ khác  
 Thời gọi đó là khổ,  
 Tất cả do nơi mình

Tự tại được an vui,  
Tất cả kẻ kiêu mạn  
Thế lực rất bạo ác,  
Những người hiền người lành  
Tất cả đều mến tưởng.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Lời nói của Như Lai cũng chẳng trọn nghĩa. Ngưỡng mong đức Như Lai thương xót nói như duyên đó. Ví như con trai của Trưởng giả, lúc theo thầy học tập, là thuộc nơi thầy chăng ? Nếu thuộc nơi thầy, thời chẳng phải. Nếu chẳng thuộc nơi thầy, thời cũng chẳng phải. Nếu đứng tự tại, theo nghĩa cũng chẳng phải.

Ví như vương tử không có học tập, làm việc gì cũng chẳng thành, ngu tối thường khổ. Vương tử ấy nếu cho là tự tại, thời chẳng đúng nghĩa, nếu nói thuộc người khác, nghĩa cũng chẳng phải.

Do lẽ trên đây lời nói của Phật gọi là có thừa. Vì thế nên tất cả thuộc người khác chẳng ắt thọ khổ. Tất cả tự tại chẳng ắt hưởng vui. Tất cả kẻ kiêu mạn, thế lực rất bạo ác, lời này cũng có thừa. Thế Tôn ! Như các liệt nữ, vì tâm kiêu mạn mà xuất gia học đạo, giữ gìn cấm giới, thành tựu oai nghi, kèm giữ sáu căn chẳng cho buông lung. Thế nên tất cả phiền não kiêu mạn chẳng ắt là bạo ác.

Người hiền, người lành, tất cả đều mến tướng lời này cũng có thừa. Như người phạm bốn tội nặng rồi chẳng bỏ pháp phục, giữ gìn oai nghi, hộ trì chánh pháp, người khác thấy chẳng mến, người này sau khi chết ắt đọa địa ngục. Nếu có người hiền phạm tội trọng, người hộ pháp thấy đó, liền đuổi ra bảo hoàn tục. Do nghĩa này tất cả người hiền người lành chẳng ắt đều được mến tướng.

(\*) Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát : Vì có duyên do nên đức Như Lai ở trong trường hợp này nói pháp có nghĩa thừa. Lúc đó trong thành Vương Xá có người nữ tên Thiện Hiền trở về nhà cha mẹ. Nhơn đó nàng đến chỗ ta quy y Phật, Pháp, và chúng Tăng mà bạch rằng : Tất cả người nữ chẳng được tự do, tất cả người nam tự tại vô ngại.

Ta biết rõ tâm nàng bèn vì nàng mà nói bài kệ tụng như trên.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Lành thay ! Lành thay !  
Nay ông có thể vì tất cả chúng sanh hỏi nơi đức Như Lai mật ngữ như vậy".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lại nói kệ rằng :

Tất cả loài chúng sanh  
Nhờ ăn uống được sống,  
Tất cả người đại lực

(\*) Hán bộ quyển thứ 11

Tâm họ không tật đó,  
 Tất cả nhơn uống ăn  
 Mà mắc nhiều bệnh khổ,  
 Tất cả tu tịnh hạnh  
 Mà đặng hưởng an vui.

Nay đức Thế Tôn thọ vật thực của ông Thuần Đà cúng dường, phải chăng đức Như Lai có sợ sệt ư ?

Đức Phật vì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát mà nói kệ rằng :

Chẳng phải tất cả chúng sanh  
 Đều nhờ uống ăn mà sống,  
 Chẳng phải tất cả đại lực  
 Tâm họ đều không tật đó,  
 Chẳng phải tất cả do ăn  
 Mà chác lấy bệnh hoạn  
 Chẳng phải tất cả tịnh hạnh  
 Đều đặng hưởng quả an vui.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Nếu ông mang bệnh, thời đức Phật cũng mang bệnh. Vì hàng A La Hán và Bích Chi Phật, các vị Bồ Tát, cùng chư Phật Như Lai đều thiết không có ăn uống. Chỉ vì muốn giáo hóa chúng sanh nên thị hiện thọ dụng vật thực của chúng sanh cúng thí. Làm cho chúng sanh đầy đủ Đản Ba la mật, cứu vớt cho ngã quý, súc sanh, địa ngục.

Nếu cho rằng đức Như Lai khổ hạnh sáu năm, thân thể ốm gầy, thời là không đúng. Chư Phật Thế Tôn giải thoát ba cõi chẳng đồng với phàm phu. Lẽ nào thân thể lại ốm gầy. Chư Phật siêng năng tu tập đặng thân kim cương, chẳng đồng với thân nguy hiểm vô thường của người đời. Hàng đệ tử của ta cũng chẳng thể nghĩ bàn, đều chẳng nương nơi ăn uống mà sống.

Nói rằng tất cả người đại lực tâm không tật đố, đây cũng là không trọn nghĩa. Như trong thế gian có người cả đời không có lòng tật đố, mà họ cũng không có đại lực.

Nói rằng tất cả bệnh khổ do ăn uống sanh ra, đây cũng chưa trọn nghĩa. Vì thấy có người mang phải bệnh ở ngoài đưa đến, như bị chém đâm v.v...

Nói rằng tất cả người tu tịnh hạnh hưởng quả an vui, đây cũng chưa trọn nghĩa, vì trong đời cũng có hàng ngoại đạo tu tịnh hạnh, mà vẫn thọ lấy quả khổ não.

Lời thuyết pháp của đức Như Lai còn có nghĩa thừa, đó là đức Như Lai vì có duyên do mà nói những kệ như vậy : Xưa kia, nơi nước Ưu Thiển Ni, có nhà Bà La Môn tên Cổ Đê Đức đến nơi Phật thọ pháp bát quan trai. Lúc đó ta vì nhà Bà La Môn ấy mà nói kệ như vậy".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Những gì gọi là không nghĩa thừa ? Thế nào lại gọi là nhưt thiết nghĩa ?".

- Nay Thiện nam tử ! Chỉ trừ pháp lành trợ đạo, thường, lạc, gọi là nhưt thiết, cũng gọi là không thừa, ngoài ra các pháp khác cũng gọi là có thừa, cũng gọi là không thừa. Vì muốn làm cho mọi người ưa thích chánh pháp, biết nghĩa có thừa và nghĩa không thừa này.

Ca Diếp Bồ Tát vui mừng hơn hởi bạch Phật rằng : "Rất lạ lùng ! Rất lạ lùng ! Đức Thế Tôn bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La".

Đức Phật tán thán Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Chỗ kiến giải của ông rất sâu vi diệu".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Cúi xin đức Như Lai nói về sự được công đức ở nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này".

- Nay Thiện nam tử ! Nếu có người đặng nghe danh hiệu của kinh này, công đức của người đó đặng chẳng phải hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật có thể tuyên thuyết, duy đức Phật biết rõ thôi. Vì chẳng thể nghĩ bàn là cảnh giới Phật. Huống là người thọ trì, đọc tụng thông thuộc, biên chép kinh này.

Lúc đó chư Thiên, mọi người và A Tu La ở trước Phật khác miệng đồng lời mà nói kệ rằng :

Chư Phật khó nghĩ bàn  
 Pháp, Tăng cũng như vậy,  
 Vì thế nay kính thỉnh  
 Xin Phật nán ở lại.  
 Đại Ca Diếp Tôn giả  
 Cùng với A Nan Đà  
 Quyến thuộc của hai Ngài  
 Xin chờ giây lát đến.  
 Và chúa nước Ma Già  
 Đại Vương A Xà Thế  
 Chí tâm kính tin Phật  
 Vẫn còn chưa đến đây.  
 Cúi xin đức Như Lai  
 Xót thương ở giây lát  
 Nơi trong đại chúng này  
 Quyết lười nghi chúng tôi.

Đức Như Lai vì đại chúng mà nói kệ rằng :

Trưởng tử trong giáo pháp ta  
 Tức là ông Đại Ca Diếp,  
 Ông A Nan siêng tinh tấn  
 Dứt được tất cả lười nghi.  
 Đại chúng nên quan sát kỹ  
 A Nan là bực đa văn,  
 Tự nhiên có thể hiểu rõ



**Pháp thường và pháp vô thường.**

**Vì thế đại chúng chẳng nên**

**Sanh lòng lo buồn sâu khổ.**

Bấy giờ đại chúng đem các đồ vật cúng dường Như Lai. Cúng Phật xong tất cả đều phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Vô lượng vô biên hằng hà sa Bồ Tát đặng trụ bực Sơ địa.

Đức Thế Tôn thọ ký cho Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Ca Diếp Bồ Tát và Thuần Đà. Thọ ký xong, đức Phật nói rằng : Nay các Thiện nam tử, phải tự tu tập tâm mình, chớ nên phóng dật. Nay lưng ta có bệnh, cả mình đều đau nhức, ta muốn nằm như đứa trẻ nít và người thường bệnh hoạn. Các ông Văn Thù Sư Lợi nên vì bốn bộ chúng mà giảng nói đại pháp. Nay ta đem pháp này, giao phó cho các ông. Đến khi Đại Ca Diếp và A Nan đến, các ông sẽ phó chúc chánh pháp như vậy.

Dặn dò xong, vì muốn điều phục chúng sanh, nên đức Phật hiện thân có bệnh, nằm nghiêng bên mặt.





## XVII

### PHẨM HIỆN BỊNH

#### Thứ mười tám

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn đức Như Lai đã khỏi tất cả tật bệnh, không còn đau khổ, không sợ sệt. Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh có bốn mũi tên độc : tham dục, sân khuê, ngu si và kiêu mạn. Bốn thứ độc này là nhân sanh ra bệnh. Nếu có bệnh nhờn, thời có bệnh sanh ra tức là những thứ bệnh hàn, nhiệt, bệnh phối, ói mửa, da thịt ngứa xót, buồn nôn ngăn nghẹn, đi chảy, bệnh kiết, tiểu dãi lâm dịch, nhức tai, xốn mắt, đau lưng, bụng đầy, điên cuồng, ốm gầy, quỉ mị dựa, các thứ thân bệnh tâm bệnh như vậy. Chư Phật dầu không còn có những thứ bệnh ấy. Hôm nay đức Như Lai có sao bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rằng Phật đau lưng, các ông nên vì đại chúng mà thuyết pháp ?

Bạch Thế Tôn ! Có hai nhờn duyên, thời không bệnh khổ ! Một là thương xót tất cả chúng sanh, hai

là cung cấp thuốc men cho người bệnh. Từ xưa đức Như Lai đã tu đạo Bồ Tát trong vô lượng muôn ức kiếp : Thường thật hành lời nói dịu dàng, thân yêu, lợi ích cho chúng sanh chẳng để họ phải khổ não, bố thí các thứ thuốc men cho người bệnh. Có sao hôm nay lại tự nói là có bệnh ?

Thế Tôn ! Trong đời, người có bệnh hoặc ngồi, hoặc nằm chẳng yên, hoặc đòi uống đòi ăn, dặn bảo người nhà coi sóc sản nghiệp. Có sao đức Như Lai nằm yên lặng, chẳng dạy bảo hàng Thanh Văn đệ tử những giới luật, thiền định giải thoát tam muội, tu hạnh chánh cần. Có sao chẳng giảng nói kinh điển Đại thừa rất sâu vi diệu. Có sao đức Như Lai chẳng dùng vô lượng phương tiện dạy Ngài Đại Ca Diếp cùng các hàng đại nhơn cho họ đặng bực bất thối Vô thượng Bồ Đề. Có sao chẳng trị phạt các ác Tỳ Kheo nhận chứa tất cả vật bất tịnh. Đức Thế Tôn thiệt không có bệnh tật, sao lại yên lặng nằm nghiêng bên mặt.

Các vị Bồ Tát phàm cung cấp thuốc men cho người bệnh, đem căn lành ấy ban cho chúng sanh, đồng hồi hướng nhưt thế chủng trí. Vì trừ các thứ phiền não chướng, nghiệp chướng, và báo chướng cho chúng sanh. Phiền não chướng là tham dục, sân khúe, ngu si, phẫn nộ, triền cái, tập não, tật đố, xan lẫn, gian trá, siểm khúc, vô tâm, vô quý, mạn, mạn mạn, đại mạn, bất như mạn, tăng thượng mạn, ngã

mạn, tà mạn, kiêu mạn, phóng dật, cống cao, phần hận, tránh tụng, tà mạn, siểm mi, đôi bày tướng lạ, dùng lợi cầu lợi, cầu quấy cầu nhiều, không cung kính, chẳng tùy thuận lời dạy bảo, gằn gủi ác hữu, tham lợi không nhàm, ràng buộc khó mở, mong mọi điều ác, tham lam việc ác chấp thân chấp có, chấp không, vượn vai ưa ngủ, ngáp dài chẳng vui, tham uống tham ăn, tâm trí mờ tối, tâm tưởng sai lầm, chẳng khéo suy nghĩ, thân và miệng nhiều lỗi ác, hay mừng, nói nhiều, căn tánh ám độn, lời nói phần nhiều rỗng tuếch, thường bị các giác quán : dục giác, khuể giác, hai giác che đậy. Tất cả trên đây gọi là phiền não chướng.

Nghiệp chướng là năm tội vô gián, những bịnh nặng dữ.

Báo chướng là sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hủy báng chánh pháp và nhứt xiển đề.

Ba chướng như vậy gọi là căn bịnh lớn.

Các vị Bồ Tát lúc tu hạnh Bồ Đề trong vô lượng kiếp, cung cấp thuốc men cho tất cả người tật bịnh, thường nguyện rằng làm cho tất cả chúng sanh dứt hẳn ba chướng.

Bồ Tát lúc tu hạnh Bồ Đề cung cấp thuốc men cho tất cả người bịnh thường nguyện rằng : Nguyện cho chúng sanh dứt hẳn tật bịnh đặng thân kim cương của Như Lai. Lại nguyện vì tất cả chúng sanh

làm diệu dược dứt trừ tất cả những bệnh nặng, bệnh dữ. Nguyên các chúng sanh đặng thuốc A Đà Đà, thuốc này có công hiệu trừ vô lượng độc dữ. Nguyên chúng sanh không thôi chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mau đặng thành tựu vô thượng Phật đạo, tiêu trừ tất cả mũi tên độc phiền não. Nguyên chúng sanh tinh tấn tu hành, thành tựu thân kim cương của Như Lai, làm thuốc hay vi diệu trị lành các thứ bệnh, chẳng để có người sanh lòng tranh tụng. Cũng nguyện chúng sanh làm dược thọ lớn, trị lành tất cả những bệnh dữ bệnh nặng. Lại nguyện chúng sanh nhổ mũi tên độc đặng thành quang minh vô lượng của Như Lai. Lại nguyện chúng sanh đặng vào trí huệ của Như Lai, thông đạt pháp tạng vi mật.

Thế Tôn ! Bồ Tát đã phát nguyện này trong vô lượng trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp làm cho chúng sanh không còn bệnh tật. Có sao hôm nay đức Như Lai lại xưng rằng có bệnh.

Thế Tôn, trong đời có người bệnh không ngồi dậy được, không thể cúi ngược cựa động, ăn uống không đặng, đổ nước chẳng xuống, cũng không thể dặn bảo con cái xem sóc gia nghiệp. Cha mẹ, vợ con, anh em, thân thuộc đều nghĩ rằng : người này quyết định chết. Cũng vậy, hôm nay đức Như Lai nằm nghiêng bên hữu, không nói năng đàm luận nơi Diêm Phù Đề này, có những người ngu sẽ nghĩ rằng : Đức Như Lai chánh giác quyết sẽ diệt tận nhập Niết Bàn.

Nhưng thiệt ra tánh như, Như Lai chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn. Vì Như Lai thường trụ không biến đổi. Do có này đức Như Lai chẳng nên nói rằng : Nay ta đau lưng.

Thế Tôn ! Trong đời có người bệnh, thân thể ốm gầy, hoặc nằm nghiêng nằm ngửa trên giường nệm, gia quyến người đó sanh lòng ghét bỏ, cho rằng người đó ắt chết. Cũng vậy, nay đức Như Lai sẽ bị chín mươi lăm phái ngoại đạo khinh mạn, cho là vô thường. Các ngoại đạo đó sẽ nói rằng : Chẳng bằng chúng ta do ngã tánh thường còn, thời tiết tự tại, các pháp vi trần v.v..., mà làm thường trụ không có biến đổi. Sa Môn Cù Đàm bị vô thường thuyên chuyển, đó là biến đổi. Do nghĩa này, hôm nay đức Thế Tôn chẳng nên yên lặng nằm nghiêng bên mặt.

Thế Tôn ! Trong đời người có bệnh tứ đại tăng tổn không điều thích, ốm gầy, mất sức. Vì thế nên không thể ngồi đứng tùy ý, phải nằm trên giường nệm. Tứ đại của Như Lai điều hòa thích, sức lực đầy đủ, cũng không ốm gầy.

Thế Tôn ! Như sức của mười con Trâu nhỏ, chẳng bằng sức của một con Trâu lớn. Sức của mười con Trâu lớn không bằng sức của một con Thanh ngưu. Sức của mười con Thanh ngưu không bằng sức của một con Voi thường. Sức của mười con Voi thường không bằng sức của một con Voi rừng. Sức của mười con Voi rừng chẳng bằng sức của một con Voi hai

ngà. Sức của mười con Voi hai ngàn chẳng bằng sức của một con Voi bốn ngàn. Sức của mười con Voi bốn ngàn chẳng bằng sức của Bạch tượng ở núi Tuyết Sơn. Sức của mười Bạch tượng ở Tuyết Sơn chẳng bằng sức của một Hương tượng. Sức của mười Hương tượng không bằng sức một Thanh tượng. Sức của mười Thanh tượng không bằng sức của một Huỳnh tượng. Sức của mười Huỳnh tượng chẳng bằng sức của một Xích tượng. Sức của mười Xích tượng không bằng sức của một Bạch tượng vương. Sức của mười Bạch tượng vương không bằng sức của một Sơn tượng. Sức của mười Sơn tượng không bằng sức của một Ưu bát la tượng. Sức của mười Ưu bát la tượng không bằng sức của Ba đầu ma tượng. Sức của mười Ba đầu ma tượng không bằng sức của một Câu vật đầu tượng. Sức của mười Câu vật đầu tượng không bằng sức của một Phân đà lợi tượng. Sức của mười Phân đà lợi tượng không bằng sức của một đại lực sĩ trong loài người. Sức của mười đại lực sĩ không bằng sức của một Bát kiên đề. Sức của mười Bát kiên đề chẳng bằng sức của một Bát tý na la diên. Sức của mười Na la diên không bằng sức một lóng tay của vị Thập trụ Bồ Tát.

Các lóng xương trong thân của người thường, đầu xương chẳng đến nhau. Đại lực sĩ trong loài người đầu xương đến nhau. Thân của Bát kiên đề các lóng xương tiếp nhau. Thân của Na la diên đầu xương



móc nhau. Thân của Thập trụ Bồ Tát đầu những lóng xương kết liền với nhau. Vì thế nên sức mạnh của Bồ Tát rất lớn. Lúc thế giới thành lập từ kim cương tế có tòa kim cương nổi lên đến đạo tràng dưới cây Bồ Đề. Bồ Tát ngồi trên tòa đó, tâm liền chứng đặng mười trí lực.

Nay đức Như Lai chẳng nên như trẻ con thơ bé. Trẻ nít ngu si không biết nói năng, tùy ý nằm ngửa nằm nghiêng không ai quở trách. Đức Như Lai Thế Tôn có trí huệ lớn hiểu biết tất cả, là bậc tối tôn trọng loài người, đầy đủ oai đức lớn, thành tựu đại thần thông, dứt hẳn lưới nghi, đã nhổ tên độc đi đứng an lành, đặng tự tại vô sở úy, giờ đây có chi nằm nghiêng bên mặt, làm cho hàng nhơn thiên lo rầu khốn khổ ?

Ca Diếp Bồ Tát liền ở trước Phật mà nói kệ rằng :

Như Lai đại Thánh đức  
 Xin dạy giảng pháp mầu  
 Chẳng nên như trẻ thơ  
 Người bệnh nằm giường nệm  
 Điều Ngự Thiên Nhơn Sư  
 Nằm dựa nơi song thọ  
 Kẻ phàm phu ngó thấy  
 Cho rằng ắt Niết Bàn.  
 Chẳng biết kinh Đại thừa

Hạnh của Phật rất sâu  
 Chẳng thấy tạng vi mật  
 Như mù chẳng thấy đường.  
 Duy các vị Bồ Tát  
 Văn Thù Sư Lợi thảy  
 Hiểu được mật tạng này  
 Ví như người bắn giỏi.  
 Chư Phật trong ba đời  
 Đại bi làm căn bản  
 Đại từ bi như vậy  
 Nay ở tại chỗ nào ?  
 Nếu là không đại bi  
 Thời chẳng gọi là Phật  
 Phật nếu ắt Niết Bàn  
 Thời chẳng gọi là thường  
 Ngưỡng mong đấng vô thượng  
 Nhận lời mời của tôi  
 Lợi ích các chúng sanh  
 Xô dẹp những ngoại đạo

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn, đại bi huân nơi lòng, rõ biết tâm niệm của đại chúng muốn tùy thuận để đại chúng được lợi ích rốt ráo, liền dậy ngồi kiết già, dung nhan vui vẻ sáng rõ như vàng ròng, mặt mắt xinh đẹp dường như trăng tròn, hình dung thanh

tịnh không có những cấu uế, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp hư không. Ánh sáng đó hơn cả trăm ngàn mặt trời chiếu suốt mười phương thế giới, ban bố trí huệ cho chúng sanh, diệt trừ vô minh hắc ám, làm cho trăm ngàn ức na do tha chúng sanh Bồ Đề tâm vững chắc.

Đức Thế Tôn lòng không nghi lự, như sư tử vương, dùng ba mươi hai tướng đại nhơn, tám mươi thứ tốt trang nghiêm nơi thân. Mỗi lỗ chân lông trên thân đều hiện ra một hoa sen. Hoa sen ấy đủ ngàn cánh thuần màu vàng ròng, cọng bằng lưu ly, tua bằng kim cang, gương bằng ngọc mai khô, hình lớn tròn như bánh xe. Những hoa sen ấy đều phóng ra ánh sáng nhiều màu : xanh, vàng, đỏ, trắng, màu tía, màu pha lê, các ánh sáng ấy chiếu suốt đến địa ngục A tỳ cùng các đại địa ngục, chúng sanh đang bị khổ đốt, nấu, đâm, chém, lột da v.v..., gặp ánh sáng này đều được khỏi khổ, an ổn mát mẻ. Trong ánh sáng ấy lại tuyên nói tạng bí mật của Như Lai, nói rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Chúng sanh trong địa ngục nghe pháp âm rồi, liền bỏ thân sanh lên cõi trời hay trong loài người. Chúng sanh trong hàn băng địa ngục ánh sáng của Phật chiếu đến cũng được khỏi khổ, được nghe pháp và được sanh lên cõi trời hay trong loài người. Bao nhiêu địa ngục nơi cõi Diêm Phù Đề này và các thế giới khác thấy đều trống không, không người thọ tội, trừ kẻ nhứt xiển đề.

Loài ngạ quỷ khổ vì đói khát, tóc vẩn lầy thân, cả trăm ngàn năm chưa từng được nghe tên nước, đồ uống, họ gặp ánh sáng của Phật liền hết đói khát. Trong ánh sáng ấy cũng nói tạng vi mật của Như Lai, nói rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Nhờ nghe pháp âm này loài ngạ quỷ được sanh lên trời hay loài người, trừ những kẻ hủy báng kinh điển Đại thừa Phương Đẳng.

Những loài súc sanh, giết hại ăn nuốt lẫn nhau. Chúng nó gặp ánh sáng của Phật trừ được tâm hung ác. Trong ánh sáng ấy cũng nói tạng vi mật của Như Lai, nói rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Những loài súc sanh nhờ nghe pháp âm sau khi chết sanh lên cõi trời hay trong loài người, trừ những kẻ hủy báng chánh pháp.

Trên mỗi hoa sen đó đều có một đức Phật Viên Quang rộng một tầm, màu vàng chói sáng, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ đẹp trang nghiêm nơi thân. Trong các đức Phật đó có vị thì ngồi, có vị thì đi, có vị thì đứng, có vị thì nằm, có vị nổi tiếng sấm, có vị rưới mưa, có vị phóng chớp sáng, có vị nổi gió, có vị phóng khói lửa, có vị thị hiện những núi bảy báu, suối, ao, sông, ngòi, núi rừng, cây cối, có vị hiện ra cõi nước bảy báu, thành ấp, xóm, làng, cung điện, nhà cửa. Có vị hiện ra voi, ngựa, sư tử, cọp, sói, chim công, phụng hoàng. Có vị làm cho bao

nhiều chúng sanh trong Diêm Phù Đề đều được thấy địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, nhân đến thấy sáu cõi trời Dục giới. Trong các đức Phật đó lại có vị thuyết về âm, giới, các nhập, nhiều sự tội lỗi. Có vị nói pháp Tứ đế. Có vị nói pháp Thập nhị nhơn duyên. Có vị nói những phiền não, những nghiệp đều do nhơn duyên sanh. Có vị nói pháp ngã cùng vô ngã. Có vị nói hai pháp khổ và lạc. Có vị nói pháp thường và vô thường. Có vị nói pháp tịnh cùng bất tịnh. Lại có đức Phật vì các Bồ Tát nói sáu pháp Ba la mật. Lại có đức Phật nói công đức của đại Bồ Tát. Lại có đức Phật nói công đức của chư Phật Thế Tôn. Lại có đức Phật nói công đức của hàng Thanh Văn. Lại có đức Phật nói tùy thuận nhưt thừa. Hoặc có đức Phật nói tam thừa thành đạo. Có đức Phật hông bên trái hiện ra nước, hông bên hữu hiện ra lửa. Có đức Phật thị hiện giáng sanh, xuất gia ngồi đạo tràng dưới cây Bồ Đề chuyển pháp luân vi diệu, nhập Niết Bàn. Lại có đức Phật thuyết pháp làm cho trong đại hội này có người chứng đặng sơ quả, nhị quả, nhân đến tứ quả. Hoặc có đức Phật nói vô lượng nhơn duyên thoát ly sanh tử.

Những chúng sanh trong Diêm Phù Đề này được ánh sáng của Phật chiếu đến người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm nói được, người què bại đi được, người nghèo được của, kẻ bòn xén phát tâm bố thí, kẻ sân hận sanh lòng từ. Người

không chánh tín bèn có chánh tín. Chúng sanh trong thế giới không có ai làm việc ác, trừ hạng nhứt xiển đề.

Tất cả trời, rồng, quỷ thần, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, La sát, Kiện đà, Ưu ma đà, A bà ma la, nhơn, phi nhơn, v.v..., đều đồng tiếng xưng rằng : Lành thay ! Lành thay ! Đấng Vô Thượng Thiên Tôn, làm sự lợi ích lớn. Tất cả đều vui mừng hớn hở, hoặc ca, hoặc múa, đem các thứ hoa rải trên Phật và chúng Tăng. Đó là những hoa cõi trời : hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, hoa mạn thù sa, hoa ma ha mạn thù sa, hoa tán đà na, hoa ma ha tán đà na, hoa lư chỉ na, hoa ma ha lư chỉ na, hoa hương, hoa đại hương, hoa thích ý, hoa đại thích ý, hoa ái kiến, hoa đại ái kiến, hoa đoan nghiêm, hoa đệ nhứt đoan nghiêm.

Lại rải các thứ hương : hương trầm thủy, hương đa đà lâu, chiên đàn, uất kim, hương pha trộn, hương hải ngân.

Lại đem tràng phan lọng báu cõi trời, kỹ nhạc cõi trời : đờn tranh, đờn sắt, ống địch, ống sanh, không hầu, khảy, thổi, cúng dường lên Phật, đồng nói kệ rằng :

Tôi nay đánh lễ đức đại tinh tấn

Đấng Lương túc tôn Vô thượng Chánh giác.

Đại chúng trời người chẳng thể biết thấu  
Chỉ có đức Cù Đàm mới rõ được.  
Đức Thế Tôn thuở trước vì chúng tôi  
Trong vô lượng kiếp siêng tu khổ hạnh,  
Tại sao một mai bỏ thế nguyện cũ  
Mà bèn xả mạng muốn nhập Niết Bàn ?  
Tất cả chúng sanh chẳng thể thấy biết  
Tạng bí mật của chư Phật Thế Tôn,  
Do non duyên này khó đặng xuất ly  
Luân chuyển trong sanh tử đọa ác đạo.  
Như Phật đã từng nói A La Hán  
Tất cả đều sẽ đến nơi Niết Bàn,  
Công hạnh rất sâu của Phật như vậy  
Hạng phàm phu ngu mê ai biết được.  
Ban pháp cam lồ cho các chúng sanh  
Vì muốn dứt trừ hết những phiền não,  
Nếu có người uống chất cam lộ này  
Chẳng còn lại thọ sanh lão bệnh tử.  
Đức Như Lai Thế Tôn vì chữa trị  
Trăm ngàn vô lượng tất cả chúng sanh  
Bao nhiêu những bệnh nặng của chúng sanh  
Đều làm tiêu diệt không còn thừa sót.  
Đức Thế Tôn từ lâu khỏi bệnh khổ  
Nên đặng gọi là đức Phật thứ bảy,

Ngưỡng mong ngày nay lại rưới mưa pháp  
 Nhuận thấm giống công đức của chúng tôi.  
 Đại chúng trời người trong Pháp hội này  
 Tỉnh cầu như vậy rồi đều yên lặng.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành  
 thay ! Nay Thiện nam tử, ông đã đầy đủ trí huệ vì  
 diệu rất sâu như vậy, chẳng bị tất cả tà ma ngoại  
 đạo phá hoại.

Này Thiện nam tử ! Nay ông thành tựu biện tài  
 vô ngại. Ông đã từng cúng dường vô lượng hằng hà  
 sa chư Phật quá khứ, nên có thể hỏi đức Như Lai  
 những nghĩa như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ta đã từ vô lượng vô biên  
 ức na do tha trăm ngàn muôn kiếp, trừ hết bệnh căn,  
 lìa hẳn sự dựa nằm. Vô lượng A tăng kỳ kiếp về  
 quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Vô Thượng  
 Thắng, đầy đủ mười hiệu. Đức Phật đó vì hàng  
 Thanh Văn nói kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này.  
 Thuở đó ta cũng làm Thanh Văn của đức Phật ấy.  
 Ta thọ trì kinh điển Đại Niết Bàn như vậy, đọc tụng  
 thông thuộc, biên chép quyển kinh, rồi ta rộng vì  
 người khác phân biệt giảng thuyết. Ta đem căn lành  
 đó hồi hướng Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Từ đó trở đi, ta chưa từng  
 có những phiền não nghiệp ác, chẳng đọa nơi ác đạo,  
 chẳng hủy báng chánh pháp làm nứt xiển đề, chẳng



thọ thân hoàng môn, chẳng phạm năm tội nghịch, bốn tội trọng. Từ đó đến nay, thân tâm ta an ổn, không có các sự khổ não.

Này Thiện nam tử ! Nay ta thiệt không có tất cả tật bệnh. Vì chư Phật Thế Tôn từ lâu đã xa lìa tất cả bệnh khổ. Các chúng sanh chẳng biết giáo pháp bí mật Đại thừa Phương Đẳng, bèn cho rằng đức Như Lai thiệt có bệnh.

Này Thiện nam tử ! Như nói đức Như Lai là sư tử trong loài người, nhưng đức Như Lai thiệt chẳng phải là sư tử. Như nói đức Như Lai là rồng lớn trong loài người, nhưng đức Như Lai thiệt chẳng phải rồng. Đức Phật từ vô lượng kiếp đã xa lìa ác nghiệp. Nên biết những lời như vậy chính là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như nói đức Như Lai là người, là trời, nhưng thiệt ra đức Phật chẳng phải người, chẳng phải trời, cũng chẳng phải quỷ, thần, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già, chẳng phải ngã, chẳng phải mạn, chẳng phải dưỡng dục, chẳng phải sĩ phu, chẳng phải làm, chẳng phải không làm, chẳng phải thọ, chẳng phải không thọ, chẳng phải Thế Tôn, chẳng phải Thanh Văn, chẳng phải thuyết, chẳng phải không thuyết. Những lời như vậy đều là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như nói đức Như Lai dường như biển cả, như núi Tu Di, nhưng đức Như Lai thiết chẳng phải vị mặn, cũng chẳng phải đồng như đá núi. Phải biết lời nói như vậy là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như nói đức Như Lai như hoa Phân Đà Lợi, nhưng thiết ra đức Phật chẳng phải hoa Phân Đà Lợi. Như nói đức Như Lai dường như cha mẹ, nhưng thiết ra đức Như Lai chẳng phải cha mẹ. Như nói đức Như Lai là Đại thuyên sư, nhưng đức Như Lai chẳng phải Thuyên sư. Như nói đức Như Lai như Thương chủ, nhưng đức Như Lai thiết chẳng phải Thương chủ. Những lời như vậy cũng là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như nói đức Như Lai hay trừ dẹp loài ma, nhưng thật ra đức Như Lai không có ác tâm muốn khiến ma bị xô dẹp. Như nói đức Như Lai trị được ung thư ghẻ độc, nhưng thật ra đức Phật chẳng phải thầy thuốc trị ung nhọt. Những lời như vậy cũng là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như đức Phật trước kia đã nói, nếu có Thiện nam, Tín nữ nào có thể khéo tu hành ba nghiệp thân, khẩu, ý, lúc người đó chết, dầu trong thân tộc hoặc đem thi hài thiêu đốt, hoặc ném xuống sông, hoặc bỏ trong gò má, chôn sỏi cầm thú cùng nhau đến xé ăn, những tâm ý thức của người đó liền sanh nơi cõi lành. Tâm thức như vậy

thiệt không đi, không lại, cũng không chỗ đến, chỉ là trước sau giống nhau, nối nhau, tương mạo chẳng sai khác. Lời nói như vậy là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Nay ta nói rằng có bệnh cũng như vậy, cũng là giáo pháp bí mật của Như Lai. Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác thiệt không có bệnh nằm nghiêng bên hữu, cũng không rớt ráo nhập nơi Niết Bàn. Này Ca Diếp Bồ Tát ! Đại Niết Bàn đây thiệt là thiền định rất sâu của chư Phật. Thiền định này chẳng phải cảnh giới của Thanh Văn, Duyên Giác.

Này Thiện nam tử ! Vừa rồi ông hỏi có chi đức Như Lai dựa nằm chẳng ngồi dậy, chẳng đòi uống ăn, chẳng dặn bảo quyển thuộc coi sóc sản nghiệp.

Này Thiện nam tử ! Tánh hư không cũng chẳng ngồi dậy, chẳng đòi uống ăn, chẳng dặn bảo quyển thuộc coi sóc sản nghiệp, cũng không đi, không lại, không sanh diệt, không già trẻ, không mọc lặn, hư bẻ, giải thoát, ràng buộc, cũng không nói mình, nói người, cũng không hiểu mình hiểu người, chẳng phải ăn, chẳng phải bịnh.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật Thế Tôn cũng như vậy, dường như hư không, thế nào sẽ có những bịnh khổ ư ?

Này Thiện nam tử ! Trong đời có ba hạng người bịnh khó trị : một là kẻ hủy báng Đại thừa, hai là

kẻ phạm tội ngũ nghịch, ba là hạng nhứt xiển đề, ba hạng bịnh này là rất nặng ở trong đời. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát đều không thể trị được.

Này Thiện nam tử ! Ví như có bịnh khó trị chắc chết, dầu có săn sóc, tùy ý thuốc men, hoặc không săn sóc, tùy ý thuốc men, người bịnh ấy chắc chết chẳng nghi. Ba hạng người trên đây cũng như vậy, dầu có Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thuyết pháp cho, hay chẳng thuyết pháp, đều không thể làm cho họ phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như người bịnh có sự săn sóc, tùy ý thuốc men, thời có thể lành bịnh, nếu không ba việc này, thời bịnh chẳng lành. Cũng vậy, hàng Thanh Văn, Duyên Giác, theo Phật và Bồ Tát đặng nghe pháp rồi liền có thể phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Không phải chẳng nghe pháp mà có thể phát Bồ Đề tâm.

Này Thiện nam tử ! Ví như người bịnh, nếu được săn sóc, tùy ý thuốc men, hoặc không săn sóc, tùy ý thuốc men, đều được lành bịnh. Cũng vậy, có một hạng người, hoặc gặp Thanh Văn hay chẳng gặp, hoặc gặp Duyên Giác hay chẳng gặp, hoặc gặp Bồ Tát hay chẳng gặp, hoặc gặp Như Lai hay chẳng gặp, hoặc đặng nghe pháp hay chẳng đặng nghe, tự nhiên đặng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là hạng người nào ? Chính là người vì thân mình

hay vì người khác, hoặc vì sợ sệt hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì đua nịnh, hoặc vì phỉnh gạt người mà biên chép kinh Đại Niết Bàn này, rồi thọ trì, đọc tụng, cúng dường cung kính, giải nói cho người khác.

Nầy Thiện nam tử ! Có năm hạng người đối với kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn này có bệnh mà tu hành, chẳng phải là đức Như Lai. Những gì là năm hạng ?

Một là bực dứt kiến hoặc trong tam giới đặng quả Tu Đà Hoàn, chẳng đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, bảy lần sanh trong loài người, trên trời, dứt hẳn các khổ nhập Niết Bàn. Đây gọi là hạng người thứ nhất có bệnh tu hành. Người này thưở vị lai, qua khỏi tám muôn kiếp sẽ đặng thành Vô thượng Chánh giác.

Bực thứ hai dứt kiến hoặc trong tam giới, tham, sân, si, mạn, đặng quả Tư Đà Hàm, còn một lần sanh trong loài người, trên trời, dứt hẳn các khổ nhập Niết Bàn. Đây gọi là bực thứ hai có bệnh tu hành. Người này thưở vị lai qua khỏi sáu muôn kiếp, sẽ đặng thành Vô thượng Chánh giác.

Bực thứ ba dứt kiến hoặc trong tam giới, tư hoặc cõi Dục đã dứt, đặng quả A Na Hàm, chẳng còn sanh trong loài người, dứt hẳn các khổ nhập Niết Bàn. Đây gọi là bực thứ ba có bệnh tu hành. Người này thưở vị lai qua khỏi bốn muôn kiếp, sẽ đặng quả Vô thượng Chánh giác.

Bực thứ tư dứt hẳn tham dục, sân khuể, ngu si, đặng quả A La Hán, không còn phiền não nhập Niết Bàn, cũng chẳng phải hạnh kỳ lân độc nhứt. Đây gọi là bực thứ tư có bịnh tu hành. Người này thưở vị lai qua khỏi hai muôn kiếp, sẽ đặng quả Vô thượng Chánh giác.

Bực thứ năm dứt hẳn tham dục, sân khuể, ngu si, đặng quả Bích Chi Phật phiền não hết sạch nhập Niết Bàn, thiệt là hạnh kỳ lân độc nhứt. Đây gọi là bực thứ năm có bịnh tu hành. Người này thưở vị lai qua khỏi mười ngàn kiếp, sẽ đặng quả Vô thượng Chánh giác.

Đây gọi là năm hạng người có bịnh tu hành, chẳng phải đức Như Lai vậy.



## XIX

# PHẨM THÁNH HẠNH

### Thứ mười chín

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Đại Bồ Tát phải nên ở nơi kinh Đại Niết Bàn này chuyên tâm tư duy năm thứ hạnh : Một là thánh hạnh, hai là phạm hạnh, ba là thiên hạnh, bốn là anh nhi hạnh, năm là bệnh hạnh.

Này Thiện Nam tử ! Đại Bồ Tát thường nên tu tập năm thứ hạnh này. Lại có một hạnh, chính là Như Lai hạnh, cũng chính là kinh Đại thừa Đại Niết Bàn.

Đại Bồ Tát tu Thánh hạnh thế nào ? Đại Bồ Tát hoặc từ Thanh Văn, hoặc từ đức Như Lai đặng nghe kinh Đại Niết Bàn như vậy, nghe xong sanh lòng tin, tin xong nên suy nghĩ như vậy : Chư Phật Thế Tôn có đạo vô thượng, có chánh pháp lớn, có chánh hạnh cho đại chúng, lại có kinh điển Phương Đẳng

Đại thừa, nay ta nên vì ưa thích mong cầu kinh Đại thừa mà bỏ lìa vợ con, quyến thuộc, nhà cửa, vàng bạc, châu báu, chuỗi ngọc tốt đẹp, hương hoa, kỹ nhạc, tôi trai, tớ gái, voi ngựa, xe cộ, trâu dê, gà chó, heo lợn. Lại nghĩ thế này, ở nhà ràng buộc như lao ngục, do đó mà sanh tất cả phiền não. Xuất gia khoảng khoát như hư không, tất cả pháp lành như mây được tăng trưởng. Nếu ở nhà chẳng đặng trọn đời tu phạm hạnh, nay ta phải nên cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo vô thượng.

Lúc Bồ Tát muốn xuất gia như vậy, Thiên ma Ba Tuần rất lo khổ, nói rằng : Bồ Tát này lại sẽ cùng ta sanh sự chiến tranh lớn.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát này ở nơi chỗ nào lại sẽ cùng người chiến tranh ? Bồ Tát này qua đến Tăng phường nếu thấy Như Lai và hàng đệ tử oai nghi đầy đủ, thân tâm tịch tịnh, lòng liền nhu hòa thanh tịnh mà cầu xuất gia, cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y. Xuất gia xong tuân giữ giới cấm, oai nghi chẳng thiếu, cử chỉ an lành không có sai phạm, nhân đến tội nhỏ cũng sanh lòng sợ sệt, tâm hộ giới như kim cương.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người đeo trái nổi muốn lợi qua biển lớn. Trong biển có quý La Sát theo người đó để xin trái nổi. Người đó nghĩ rằng : Nếu ta cho nó quyết định phải chìm chết. Nghĩ rồi đáp rằng : Này La Sát, thà ngươi giết ta, chớ ta không thể cho trái nổi được.



La Sát lại nói : Nếu ông chẳng cho hết, thời cho ta phân nửa. Người ấy vẫn không cho. La Sát lại xin một phần ba, không được, lại xin một mảnh bằng bàn tay, nhẫn đến xin chừng bằng một hột bụi. Người này đáp rằng : Nhà người dẫu xin rất ít, nhưng hiện nay ta cần phải lội qua biển, chẳng biết đường còn xa hay gần. Nếu ta cho người một ít, trái nổi sẽ xì hơi, làm sao qua được biển lớn, có thể sẽ bị chìm chết giữa đường.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát hộ trì cấm giới cũng như vậy. Lúc Bồ Tát hộ giới, thường có phiền não bảo Bồ Tát rằng : Ông nên tin tôi trọn chẳng dối nhau, chỉ phá bốn giới trọng, giữ gìn những giới khác sẽ được an ổn nhập Niết Bàn. Lúc đó Bồ Tát nên nghĩ rằng : Thà ta giữ gìn giới cấm mà đọa A tỳ địa ngục, quyết chẳng hủy phạm mà sanh trên cõi trời. Phiền não lại nói : Ông nếu chẳng phá bốn giới trọng, thời nên phá Tăng tàng, sẽ được an ổn nhập Niết Bàn. Bồ Tát không bằng lòng.

Phiền não lại bảo : Ông nếu chẳng phạm Tăng tàng, cũng nên phạm tội Thâu lan giá, thời đặng an ổn nhập Niết Bàn.

Bồ Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo : Ông nếu chẳng thể phạm Thâu lan giá, đặng phạm Xả đọa thời nên an ổn nhập Niết Bàn.

Bồ Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo : Ông nếu chẳng thể phạm Xả đọa nên phạm Ba dật đề sẽ đặng an ổn nhập Niết Bàn.

Bồ Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo : Ông nếu chẳng thể phạm Ba dật đề, thì nên phạm Đột kiết la, do đây được an ổn nhập Niết Bàn.

Bồ Tát vẫn không nghe theo, tự nghĩ rằng : Nay nếu ta phạm tội Đột kiết la, mà chẳng phát lồ, thì không thể qua khỏi biển sanh tử đến bờ Niết Bàn được. Bồ Tát đối với tội rất nhỏ trong giới luật, giữ gìn bền chắc, tâm như kim cương. Bồ Tát đối với bốn giới trọng cùng Đột kiết la, giữ gìn kính trọng như nhau không khác.

Bồ Tát nếu có thể bền giữ giới luật như vậy, thì là đầy đủ năm chi giới : Một là đầy đủ giới nghiệp thanh tịnh căn bản của Bồ Tát, hai là những giới thanh tịnh khác, quyển thuộc của giới trước giới sau, ba là giới giác quán thanh tịnh, chẳng phải những ác giác ; bốn là giới niệm thanh tịnh hộ trì chánh niệm ; năm là giới hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát đây lại có hai thứ giới : Một là giới thọ thế giáo ; hai là giới đặng chánh pháp. Bồ Tát nếu thọ giới chánh pháp thì trọn chẳng làm ác. Nếu thọ giới thế giáo, thì bạch tứ Yết Ma, rồi sau mới đặng.

Này Thiện nam tử ! Lại có hai thứ giới : Một là giới tánh trọng, hai là giới dứt sự cơ hiểm thế gian. Giới tánh trọng tức là bốn giới trọng. Giới dứt sự cơ hiểm thế gian là chẳng buôn bán, cân thiếu, giả non, khi dối người, cậy thế lực người để lấy tài vật của kẻ khác, ác tâm trói buộc người, phá hoại sự thành công của người, thấp đèn sáng mà nằm, ruộng nương gieo trồng, gia nghiệp buôn bán. Chẳng chứa voi ngựa, xe cộ, trâu, dê, đà, lừa, gà, chó, khí, vượn, chim công, chim két, chim cộng mạng, cùng chim câu chỉ la, cọp, beo, chó sói, mèo, chồn, heo lợn, và những ác thú khác. Chẳng chứa đồng nam, đồng nữ, đại nam, đại nữ, tời tó, vàng bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, xa cừ, mã não, san hô, bích ngọc, kha bối, các thứ châu báu, đồng đỏ, thiếc, nhôm, thau, chì, những thứ chén bát to lớn. Chẳng chứa áo lông, áo cừu, áo da, tất cả lúa, gạo, nếp, mè, bắp đậu, những đồ đựng món ăn sống, đồ đựng món ăn chín. Thường ăn một bữa, chẳng từng ăn hai lần. Thường đi khát thực và thọ thực trong chúng Tăng, thường biết vừa đủ. Chẳng thọ thỉnh riêng, chẳng ăn thịt, chẳng uống rượu, loại ngũ tân tánh nồng đều chẳng ăn, vì thế nên thân Bồ Tát chẳng có hôi hám. Thường được chư Thiên tất cả người cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán. Ăn vừa đủ trọn chẳng lãnh thọ của dư. Nhận lấy y phục vừa đủ che thân. Thường dùng ba y, bát, tọa cụ, trọn chẳng xa lìa như hai cánh chim. Chẳng chứa các thứ

củ, cọng, mắt, hột, trái, các loại hột. Chẳng chứa của báu hoặc vàng, hoặc bạc, kho bếp chứa đồ ăn, áo xiêm, thêu vẽ, giường rộng cao lớn, giường ngà, giường vàng, mùng màn nhiều màu, đều chẳng ngồi nằm. Chẳng chứa tất cả thứ chiếu mềm nhuyễn. Chẳng ngồi yên voi, yên ngựa. Chẳng dùng áo xiêm mịn nhuyễn tốt đẹp để trải giường nằm. Trên giường ngủ nghỉ chẳng để hai gối, cũng chẳng nhận chứa gối đỏ tốt đẹp, gối cây lộng chạm. Trọn chẳng nhìn xem đua voi, đua ngựa, đua xe, diễn binh, cũng chẳng coi xem hoặc nam hoặc nữ, hoặc trâu, dê, gà, chim trĩ, chim két, đánh đá nhau. Cũng chẳng cố ý đi xem binh trận. Cũng chẳng cố ý nghe thổi ốc, thổi sừng, tiếng đờn cầm, đờn sắt, đờn tranh, ống địch, không hầu, ca ngâm, các thứ kỹ nhạc, trừ khi cúng dường Phật. Trọn chẳng xem chẳng làm tất cả những sự chơi đùa cờ bạc. Chẳng coi tướng tay chân mặt mắt, chẳng bói quẻ, xú quẻ. Chẳng ngược xem hư không tinh tú, trừ khi muốn giải sự buồn ngủ. Chẳng làm sứ mạng cho nhà vua. Cũng chẳng đem lời người này truyền đến người kia, lời người kia truyền đến người này. Chẳng đua nịnh tà mạng để nuôi sống. Chẳng tuyên nói những việc của vua, của quan, của kẻ trộm cướp, việc kiện cáo, việc uống ăn trong nước, trong xứ thất mùa đói khát, những việc khủng bố, những việc đặng mùa an ổn. Đây gọi là giới dứt sự cơ hiểm trong đời của đại Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát giữ gìn những điều giới ngăn chế như vậy, đồng như giữ gìn những giới tánh trọng.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát thọ trì những giới cấm như vậy rồi lại nguyện rằng : Thà đem thân này nhảy vào trong hầm lửa, trọn chẳng hủy phạm giới cấm của chư Phật ba đời, mà cùng tất cả người nữ làm điều bất tịnh. Lại nguyện thà lấy sắt nóng vấn nơi thân, trọn chẳng dám đem thân phá giới để thọ y phục của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà nuốt hòn sắt cháy đỏ, trọn chẳng dám đem thân phá giới ăn các thực vật của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân này nằm trên sắt nóng, trọn chẳng đem thân phá giới thọ giường chiếu của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân này chịu ba trăm mũi mâu đâm, trọn chẳng dám đem thân phá giới thọ thuốc men của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân này nhảy vào vạc sắt nóng, chẳng dám đem thân phá giới thọ phòng nhà của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà dùng chùy sắt đập nát thân này từ đầu đến chân nát như tro bụi, chẳng đem thân phá giới thọ sự cung kính của mọi người. Lại nguyện thà dùng sắt nóng khoét đôi mắt, chẳng dùng nhiễm tâm nhìn sắc đẹp của người. Lại nguyện thà dùng dùi sắt đâm thủng lỗ tai, chẳng dùng nhiễm tâm nghe tiếng hay giọng tốt. Lại nguyện thà dùng dao bén cắt bỏ lỗ mũi, chẳng dùng nhiễm tâm tham ngửi những mùi

thơm. Lại nguyện thà dùng dao bén cắt rách lưới mình, chẳng dùng nhiễm tâm tham vị ngon ngọt. Lại nguyện rằng thà dùng búa bén chặt chém thân thể, chẳng dùng nhiễm tâm tham chạm xúc êm dịu. Vì những sự trên đây có thể làm cho nhà tu hành đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Đây gọi là đại Bồ Tát hộ trì cấm giới.

Đại Bồ Tát hộ trì những cấm giới như vậy rồi, đều đem bố thí cho tất cả chúng sanh, nguyện cho chúng sanh hộ trì cấm giới, đặng giới thanh tịnh, giới thiện, giới chẳng thiếu, giới chẳng phân tích, giới Đại thừa, giới bất thối, giới tùy thuận, giới rõ ràng, thành tựu đầy đủ giới Ba la mật.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lúc tu trì giới thanh tịnh như vậy liền đặng trụ bậc sơ bất động. Thế nào gọi là bậc bất động ? Bồ Tát trụ trong bậc bất động này thời chẳng động, chẳng đọa, chẳng thối, chẳng tán.

Này Thiện nam tử ! Ví như núi Tu Di, gió trốt gió bão, không thể làm lay động sụp đổ tan nát được. Cũng vậy, đại Bồ Tát trụ trong bậc này, chẳng bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, làm động, chẳng đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chẳng lui xuống bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng bị dị kiến tà phong làm tan, mà theo tà mạng để nuôi sống.

Lại bất động là chẳng bị tham dục, sân khuể, ngu si làm động. Lại bất đọa là chẳng đọa bốn tội trọng.

Lại bất thối là chẳng lui bỏ giới để hoàn tục. Lại bất tán là chẳng bị người trái nghịch kinh Đại thừa làm tan hoại.

Đại Bồ Tát cũng chẳng bị các ma phiến não làm lay động, chẳng bị ma ngũ ấm làm đọa. Nhấn đến ngôi nơi cội cây Bồ Đề đạo tràng dầu có Thiên ma chẳng thể làm Bồ Tát thối bỏ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng bị ma chết làm tan.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ Tát tu tập Thánh hạnh. Thế nào gọi là Thánh hạnh ? Vì là chỗ thật hành của Phật và Bồ Tát nên gọi là Thánh hạnh. Do có chi Phật và Bồ Tát gọi là Thánh nhơn ? Vì những bậc này có Thánh pháp, vì thường quán các pháp thể tánh không tịch, do nghĩa này nên gọi là Thánh nhơn. Lại vì có thánh giới, thánh định, thánh huệ, nên gọi là Thánh nhơn. Lại vì có bảy thánh tài : tín, giới, tàm, quý, đa văn, trí huệ, xả ly, nên gọi là Thánh nhơn. Lại vì có bảy thánh giác nên gọi là Thánh nhơn. Do nghĩa này nên lại gọi là Thánh hạnh.

(\*) Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát thực hành Thánh hạnh, quán sát thân này từ đầu đến chân trong đó chỉ có tóc, lông, móng, răng, hôi dơ chẳng sạch, da, thịt, gân, xương, tỳ, thận, tâm, phế, gan, mật, bao tử, ruột non, ruột già, tiểu tiện, đại tiện, nước mũi, nước miếng, nước mắt, óc, tủy, mủ, máu, mạch lạc. Lúc Bồ Tát chuyên tâm quán sát như

(\*) Hán bộ quyển thứ 12

vậy : Cái gì là ngã, ngã thuộc về cái gì ? Ngã ở chỗ nào ? Cái gì thuộc về ngã ? Lại nghĩ rằng : Xương có phải là ngã chẳng ? Hay rời xương là ngã ? Lúc đó Bồ Tát trừ bỏ da thịt chỉ quán sát xương trắng. Lại suy xét sắc tướng của xương sai khác, là xanh, vàng, đỏ, trắng, xanh đen, xương như vậy cũng chẳng phải ngã, vì ngã chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, và xanh đen. Lúc Bồ Tát chuyên tâm quán sát như vậy, liền dứt trừ đặng tất cả sắc dục. Lại nghĩ rằng : Những xương như vậy đều từ nhơn duyên mà sanh. Nhờ xương bàn chân để gắn xương mắt cá, do xương mắt cá để gắn xương ống quyển, nhờ xương ống quyển dùng gắn xương đầu gối, nhờ xương đầu gối để gắn xương đùi, do xương đùi kết với xương hông, nhờ xương hông dựng xương sống, nhờ xương sống kết xương sườn, trên xương sống có xương cổ, nhờ xương cổ gắn xương hàm, nơi xương hàm cặm răng nanh, trên đó có xương sọ. Lại nhờ xương cổ kết xương vai, nhờ xương vai gắn xương cánh tay, đầu xương cánh tay gắn xương bắp tay, do xương bắp tay kết xương bàn tay, nhờ xương bàn tay có xương ngón tay. Lúc Bồ Tát quán sát như vậy, tất cả xương trong thân đều chia lìa. Quán sát như vậy rồi, liền dứt đặng ba thứ dục nhiễm : Một là sự dục nhiễm về hình mạo, hai là sự dục nhiễm về tư thái, ba là sự dục nhiễm về chạm xúc mịn màng.



Đại Bồ Tát lúc quán sát xương màu xanh, thấy côi đất khắp mười phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng trên, dưới thảy đều màu xanh cả. Lúc quán xương màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu xanh đen cũng như vậy.

Lúc Bồ Tát quán sát như trên đây giữa chặng mày liền chiếu ra ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, xanh đen. Trong mỗi ánh sáng này Bồ Tát thấy có tượng Phật, liền hỏi : Thân này do nhơn duyên bất tịnh hòa hợp chung lại mà thành, sao lại đặng ngồi, nằm, đi, đứng, co, duỗi, cúi, ngược, xem, nháy, thở, buồn, khóc, vui, cười, trong thân này không chủ tế, ai sai sử có những việc như vậy ? Vừa hỏi xong, chư Phật trong ánh sáng liền ẩn mất.

Bồ Tát lại suy nghĩ : Hoặc thức tâm là ngã, nên chư Phật chẳng vì tôi mà nói. Lại quán sát thức tâm này thứ đệ sanh diệt dường như nước chảy cũng chẳng phải là ngã. Lại suy nghĩ nếu thức tâm chẳng phải là ngã, hơi thở ra vào hoặc có thể là ngã chẳng ? Lại suy nghĩ : Hơi thở ra vào chỉ là tánh gió, mà tánh gió là tứ đại, trong tứ đại, đại nào là ngã ? Tánh địa đại chẳng phải ngã, tánh thủy, tánh hỏa, tánh phong cũng chẳng phải ngã. Lại suy nghĩ : Tất cả trong thân này đều không có ngã, chỉ có tâm niệm do nhơn duyên hòa hiệp mà hiện có những tác dụng. Ví như sức bùa chú, ảo thuật làm ra. Cũng như ống không hầu tùy ý thổi ra tiếng. Thế nên thân

này là bất tịnh, nhờ những nhơn duyên hòa hiệp chung lại mà thành, thế thì sẽ ở chỗ nào mà sanh tham dục. Lại ở chỗ nào mà sanh giận hờn nếu bị người mắng nhục. Thân này của ta do ba mươi sáu vật hội hiệp, hoi như bất tịnh, chỗ nào mà có người lãnh thọ sự mắng nhục. Nếu nghe tiếng mắng, bèn suy nghĩ, do tiếng tăm gì mà thành mắng nhiếc ? Riêng mỗi mỗi tiếng chẳng thể thành mắng nhiếc. Nếu một tiếng chẳng thành, thời nhiều tiếng cũng chẳng thành. Do nghĩa này nên chẳng nên sanh lòng giận hờn.

Nếu có người đến đánh, cũng nên suy nghĩ, sự đánh đập này từ đâu mà có. Lại suy nghĩ : Nhơn tay, dao, gậy, cùng với thân của ta nên gọi là đánh. Nay ta có sao lại giận hờn nơi người, bèn là thân ta tự chuốc lấy lỗi này, vì ta thọ thân ngũ ấm. Ví như nhơn cái đích thời có mũi tên bắn trúng. Cũng vậy, do có thân ta, mới có sự đánh. Ta nếu chẳng có nhĩ, thời tâm tán loạn, tâm nếu tán loạn thời mất chánh niệm, nếu mất chánh niệm thời chẳng thể quán sát nghĩa lành cùng chẳng lành. Nếu chẳng thể quán sát nghĩa lành cùng chẳng lành thời phạm việc ác. Đã phạm việc ác tất phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Lúc Bồ Tát quán sát như vậy rồi, thời đặng Tứ niệm xứ. Đặng Tứ niệm xứ rồi thời đặng trụ nơi trong bậc kham nhẫn. Đại Bồ Tát trụ nơi bậc này

thời có thể kham nhẫn những sự tham dục, sân khuể, ngu si. Cũng có thể kham nhẫn những sự lạnh, nóng, đói, khát, muỗi, mòng, rận, rệp, gió dữ, đụng chạm, thô cứng, các thứ tật dịch, chửi rủa mắng nhiếc, đánh đập khổ sở tất cả những sự khổ não nơi thân, nơi tâm đều có thể nhẫn. Vì thế nên gọi là trụ bậc kham nhẫn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Bồ Tát chưa trụ đặng bậc bất động, lúc trì tịnh giới, có nhơn duyên gì đặng phá giới chẳng ?".

- Này Thiện nam tử ! Bồ Tát chưa đặng trụ bậc bất động, vì có nhơn duyên thời có thể đặng phá giới.

- Bạch Thế Tôn ! Nhơn duyên như thế nào ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát biết rằng do nhơn duyên phá giới, thời có thể làm cho người ưa thích thọ trì kinh điển Đại thừa, lại có thể làm cho người đọc tụng thông thuộc, biên chép quyển kinh, giảng thuyết rộng ra, chẳng thôi chuyển nơi Vô thượng Chánh giác. Vì có như vậy nên đặng phá giới. Lúc đó Bồ Tát nên nghĩ rằng : Ta thà chịu tội đọa nơi A tỳ địa ngục một kiếp, hoặc dưới một kiếp, cần phải làm cho người như vậy chẳng thôi chuyển nơi Vô thượng Chánh giác. Do nhơn duyên này Bồ Tát đặng phá tịnh giới.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát nhiếp thủ hộ trì như vậy, làm cho

chẳng thôi chuyển tâm Bồ Đề, quyết không vì duyên có ấy phá giới mà bị đọa A tỳ".

Phật khen Văn Thù Sư Lợi : "Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông vừa nói. Ta nhớ thuở xưa, nơi Diêm Phù Đề này, ta làm đại quốc vương, tên là Tiên Dư. Nhà vua mến ưa kính trọng kinh điển Đại thừa, tâm vua thuần thiện, không có tật ác, tật đố, xan lẫn, miệng vua thường nói lời dịu dàng, lời lành, thân vua thường nhiếp hộ kẻ nghèo cùng cô độc. Bố thí, tinh tấn, không ngừng nghỉ.

Thuở đó không có Phật ra đời, cũng không Thanh Văn, Duyên Giác. Nhà vua ưa thích kinh điển Đại thừa Phương Đẳng, trong mười hai năm phụng thờ Bà La Môn cung cấp những đồ cần dùng. Qua khỏi mười hai năm, nhà vua bảo Bà La Môn các ngài nay phải phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Bà La Môn đáp : Tâu Đại vương tánh Bồ Đề là không chỗ có, kinh điển Đại thừa cũng như vậy. Sao Đại vương muốn cho người cùng vật đồng như hư không.

Nhà vua lúc đó tâm tôn trọng Đại thừa nghe Bà La Môn hủy báng Phương Đẳng Đại thừa, bèn giết Bà La Môn.

Này Thiện nam tử ! Do như duyên trên đây, từ đó trở đi, ta chẳng bị đọa địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Ứng hộ nhiếp trì kinh điển Đại thừa, bèn có vô lượng thế lực như vậy.

Phật lại bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Có Thánh hạnh là tứ Thánh đế : khổ, tập, diệt, đạo. Khổ là tướng bức bách. Tập là tướng có thể sanh trưởng. Diệt là tướng tịch diệt. Đạo là tướng Đại thừa. Lại khổ là hiện tướng. Tập là chuyển tướng. Diệt là trừ tướng. Đạo là năng trừ tướng. Lại khổ có ba tướng : tướng khổ khổ, tướng hành khổ, tướng hoại khổ. Tập là hai mươi lăm cõi. Diệt là diệt dứt hai mươi lăm cõi. Đạo là tu tập giới, định, huệ.

Này Thiện nam tử ! Pháp hữu lậu có hai thứ : có nhơn, có quả. Pháp vô lậu cũng có hai thứ : có nhơn, có quả.

Quả hữu lậu thời gọi là khổ. Nhơn hữu lậu thời gọi là tập. Quả vô lậu thời gọi là diệt. Nhơn vô lậu thời gọi là đạo.

Này Thiện nam tử ! Có tám tướng gọi là khổ : sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm thanh khổ. Có thể sanh ra tám thứ khổ như vậy gọi đó là "Tập". Nơi không có tám thứ khổ như vậy đây gọi là "Diệt". Mười trí lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, đại bi, đây gọi là "Đạo".

Sanh là tướng sanh ra có năm : Một là mới sanh ra, hai là đến rốt sau, ba là tăng trưởng, bốn là xuất thai, năm là chủng loại sanh.

Lão có hai thứ : một là niệm niệm lão, hai là chung thân lão. Lại có hai : một là tăng trưởng lão, hai là diệt hoại lão.

Bệnh là nói tứ đại chẳng điều thích lẫn nhau, cũng có hai : Một là thân bệnh, hai là tâm bệnh. Thân bệnh có năm : Một là nhờn nơi nước, hai là nhờn nơi gió, ba là nhờn nơi nhiệt, bốn là tạp bệnh, năm là khách bệnh. Khách bệnh có bốn : Một là chẳng phải phận sự gắng gổ làm, hai là vì quên lẫm mà té ngã, ba là dao, gậy, ngói, đá, bốn là quý mị dựa. Tâm bệnh cũng có bốn : một là hớn hở, hai là sợ sệt, ba là lo rầu, bốn là ngu si.

Này Thiện nam tử ! Thân bệnh, tâm bệnh phạm có ba thứ : Một là nghiệp báo, hai là xa lìa chẳng đặng ác đối, ba là thời tiết thay đổi. Sanh ra các thứ nhờn duyên danh tự thọ bệnh sai khác như vậy. Nhờn duyên là những bệnh phong v.v... Danh tự là buồn nôn, phổi sưng, hơi lên, ho hen, tim nháy, chảy kiết. Thọ sai khác là : nhức đầu, đau mắt, đau tay, đau chân, v.v... Đây gọi là bệnh.

Tử là bỏ thân đã thọ. Bỏ thân cũng có hai : Một là căn mạng hết mà chết, hai là do duyên ngoài là chất mạng hết mà chết. Mạng hết mà chết có ba : Một là mạng hết chẳng phải phước hết, hai là phước hết chẳng phải mạng hết, ba là phước mạng đều hết. Duyên ngoài chết cũng có ba : Một là chẳng phải phần tự hại mà chết, hai là bị kẻ khác

hại chết, ba là do mình và kẻ khác mà chết. Lại có ba thứ chết : Một là phóng dật mà chết, hai là phá giới mà chết, ba là mạng căn hư hoại mà chết. Những gì gọi là phóng dật mà chết ? Nếu có hủy báng Đại thừa Phương Đẳng Bát nhã Ba la mật, đây gọi là phóng dật mà chết. Những gì gọi là phá giới mà chết ? Hủy phạm giới cấm của chư Phật ba đời, đây gọi là phá giới mà chết. Những gì gọi là mạng căn hư hoại mà chết ? Bỏ thân ngũ ấm, đây gọi là mạng căn hư hoại mà chết. Do đây nên gọi rằng chết là rất khổ.

Những gì gọi là Ái biệt ly khổ ? Những vật mến yêu bị hư hoại lìa tan. Vật mến yêu hư hoại lìa tan đó cũng có hai thứ : Một là ngũ ấm trong loài người hư hoại, hai là ngũ ấm trong cõi trời hư hoại. Ngũ ấm mến yêu trong cõi người cõi trời phân biệt tính đếm có vô lượng thứ. Đây gọi là Ái biệt ly khổ.

Những gì gọi là Oán tắng hội khổ ? Tức là chẳng yêu thương mà hội họp cùng nhau, chẳng yêu thương hội họp này cũng có ba : địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba ác thú như vậy phân biệt tính đếm có vô lượng thứ. Đây là gọi là Oán tắng hội khổ.

Những gì gọi là Cầu bất đắc khổ ? Cũng có hai thứ : Một là chỗ trông mong được mà cầu chẳng được, hai là tốn nhiều công lực mà chẳng đặng kết quả. Đây gọi là Cầu bất đắc khổ.

Những gì gọi là Ngũ ấm thanh khổ ? Chính là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ. Đây gọi là Ngũ ấm thanh khổ.

Này Thiện nam tử ! Sanh làm cội gốc có ra lão khổ hẳn đến ngũ ấm thanh khổ, bảy khổ như vậy.

Này Thiện nam tử ! Luận về sự già suy, chẳng phải tất cả đều có. Phật cùng chư Thiên một bề quyết định không, trong loài người thời chẳng nhứt định, hoặc có hoặc không.

Này Thiện nam tử ! Thọ thân trong ba cõi không ai chẳng có sanh, cho nên sanh là cội gốc của tất cả thân. Còn già thời chẳng quyết định.

Chúng sanh trong thế gian, do điên đảo che mờ tâm tánh, nên tham đắm nơi sanh mà nhàm lo già chết. Bồ Tát chẳng như vậy. Bồ Tát quán sát thân mới sanh đã thấy nỗi khổ.

Này Thiện nam tử ! Như có người nữ vào nhà người khác. Người nữ này xinh đẹp chuỗi ngọc trang nghiêm nơi thân. Chủ nhà hỏi rằng : Nàng tên là gì, thuộc nơi ai ? Người nữ đáp rằng : Thân tôi tức là Công Đức Đại Thiên.

Chủ nhà hỏi : Nàng đến để làm gì ?

Người nữ đáp : Chỗ nào tôi đến, tôi có thể cho các thứ vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ, tôi tở.



Chủ nhà nghe rồi vui mừng hơn hở : Nay ta phước đức, nên khiến nàng này đến nhà ta. Liền bèn đốt hương, rải hoa cúng dường, cung kính, lễ bái.

Lại thấy ngoài cửa có một người nữ hình dạng xấu xa, áo xiêm rách nát, da thừa nứt nẻ, sắc mặt xám trắng, dơ dáy hôi hám. Chủ nhà hỏi : Nàng tên gì, thuộc về ai ?

Cô gái đáp : Tôi tên Hắc ám.

- Tại sao tên Hắc ám ?

- Tôi đi đến chỗ nào có thể làm cho nhà đó hao tài, tổn của.

Chủ nhà nghe xong bèn cầm dao bén bảo rằng : Nàng nếu chẳng đi, ta sẽ chém chết.

Cô gái nói : Ông ngu si lắm, không có trí huệ.

Chủ nhà hỏi : Tại sao nói ta là ngu si không có trí huệ?

Cô gái đáp : Người đẹp đứng trong nhà ông chính là chị của tôi. Tôi thường đi chung với chị, nếu ông đuổi đi, cũng phải đuổi chị tôi.

Chủ nhà trở vô hỏi Công Đức Thiên : Ngoài cửa có cô gái nói là em của nàng có phải vậy chăng ?

Công Đức Thiên nói : Thiệt là em gái tôi, tôi cùng đi chung với nó, chưa có lúc nào lìa nhau. Tùy ở chỗ nào tôi thường làm việc tốt, còn nó thường làm việc xấu. Tôi thường làm việc lợi ích, còn nó

luôn làm sự suy hao. Nếu ai yêu tôi cũng phải yêu nó. Nếu cung kính tôi, cũng phải cung kính nó.

Chủ nhà liền nói : Nếu có cả sự tốt lẫn sự xấu như vậy, thời ta chẳng cần, hai nàng nên tùy ý đi đi.

Lúc đó hai người nữ cùng dắt nhau trở về. Chủ nhà thấy cả hai đi rồi, trong lòng rất vui mừng hơn hở.

Bây giờ hai người nữ lại cùng dắt nhau đến một nhà nghèo. Người nghèo này lòng rất vui mừng mời rằng :

"Từ nay trở đi, xin hai nàng ở luôn nhà tôi".

Công Đức Thiên nói : "Chúng tôi vừa bị người xua đuổi, có sao ông lại mời chúng tôi ở ?".

Người nghèo nói : "Nay nàng tương đến tôi, vì nàng nên tôi phải kính cô kia, vì thế nên tôi mời cả hai ở nơi nhà tôi".

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát cũng như vậy, chẳng nguyện sanh cõi trời, vì sanh thời có già, bệnh, chết, thế nên đều bỏ. Không chút tâm luyến ái. Kẻ phàm phu chẳng biết lỗi lầm khổ hoạn của già, bệnh, chết nên họ tham luyến sanh tử.

Này Thiện nam tử ! Như đứa trẻ dòng Bà La Môn đương lúc quá đói thấy trong đồng phân có trái am la, bèn lượm lên. Người trí ngó thấy quả rằng : Người là Bà La Môn, giòng giống thanh tịnh, có sao lại lượm trái như trong đồng phân. Đồng tử

nghe xong hổ hện nói : Tôi thiệt chẳng ăn, muốn đem trái ấy rửa sạch rồi ném bỏ". Người trí nói : "Người ngu si quá, nếu rồi sẽ ném bỏ, đáng lẽ chẳng nên lượm lấy".

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát cũng như vậy, đối với vấn đề sanh chẳng lãnh thọ, cũng chẳng dứt bỏ, như người trí kia quở trách đứa trẻ. Kẻ phàm phu thích sanh ghét tử, như đứa trẻ kia lượm trái dơ rồi trở lại bỏ.

Này Thiện nam tử ! Như nơi ngã tư đường có người đựng đầy đồ ăn thơm ngon trong chậu, trong bát, bày ra để bán. Có người khách từ xa đến quá đói, thấy đồ ăn ấy thơm ngon, liền hỏi đây là vật gì ? Người bán nói : Đây là đồ ăn thơm ngon, nếu ai ăn thứ này, thời dạng sắc tốt, sức mạnh, có thể hết đói, hết khát và dạng thấy chư Thiên. Nhưng chỉ có một tai hại là sẽ chết. Người khách nghe xong nghĩ rằng : Nay tôi chẳng dùng sắc đẹp, sức mạnh, thấy chư Thiên, vì tôi chẳng muốn chết. Nghĩ xong hỏi rằng : Ăn vật thực này nếu phải chết sao ông lại đem bán ?

Người bán đáp : "Những người có trí không ai bằng lòng mua. Chỉ có kẻ ngu, chẳng biết việc này, họ tham ăn nên họ trả giá đắt cho tôi".

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát cũng như vậy, chẳng nguyện sanh cõi trời, dạng sắc đẹp, dạng sức

manh, thấy chư Thiên, vì sanh cõi trời chẳng khỏi những khổ não. Kẻ phàm phu ngu si sanh chỗ nào cũng đều tham luyến vì họ chẳng thấy già, bệnh chết.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây độc, gốc rễ cũng có thể giết người, thân cây, vỏ, bông, trái, hạt đều cũng có thể giết người. Tất cả thân ngũ ấm trong hai mươi lăm cõi đều có thể hại chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như phân nhơ, nhiều hay ít đều hôi cả. Cũng vậy, thọ sanh dầu sống lâu tám muôn tuổi, hay mười tuổi cũng đều khổ não cả.

Này Thiện nam tử ! Ví như hầm sâu nguy hiểm, lầy cỏ che trên miệng hầm, bờ bên kia của hầm có mạch cam lồ, người nào được ăn chất cam lồ, sẽ sống lâu ngàn năm không bệnh tật, an ổn, khoan khoái. Kẻ ngu si tham chất cam lồ, chẳng biết dưới đó có hầm sâu, bèn chạy đến lầy, chẳng ngờ trật chơn té xuống hầm mà chết. Người trí biết sự nguy hiểm, nên không đến lầy chất cam lồ.

Đại Bồ Tát cũng như vậy còn chẳng muốn nhận lầy vật thực thượng diệu cõi trời huống là trong loài người. Kẻ phàm phu bèn ở nơi địa ngục nuốt hoàn sắt, huống là thức ăn thượng diệu cõi trời cõi người mà có thể chẳng ăn.

Này Thiện nam tử ! Do những điều thí dụ như vậy, ngoài ra còn vô lượng thí dụ khác, nên biết thọ sanh thiết là rất khổ.

Đây gọi là đại Bồ Tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Sanh là khổ.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Lão là khổ như thế nào ?

Sự già yếu hay làm ho hen, ngăn nghẹn, hơi đưa lên, có thể làm mất sức mạnh, trí nhớ kém, sự tráng kiện không còn, mất sự an vui thơ thới, khoan khoái. Tuổi già hay làm lưng còm, mồm nhọc, lưỡi biếng, bị người khi dễ.

Này Thiện nam tử ! Ví như hoa sen nở tốt đầy trong ao nước rất đáng ưa thích, gặp trận mưa đá, tất cả đều hư nát. Cũng vậy, tuổi già có thể phá hoại tráng kiện, sắc đẹp.

Này Thiện nam tử ! Ví như quốc vương có một trí thần dùng binh giỏi. Có vua nước địch chống cự chẳng thuận hảo. Quốc vương sai trí thần đem binh qua đánh, bắt vua nước nghịch mang về dâng cho quốc vương. Cũng vậy, tuổi già bắt được tráng kiện, sắc đẹp đem giao cho tử vương.

Này Thiện nam tử ! Ví như trục xe đã gãy, xe đó không còn dùng được. Cũng vậy, già suy thời không còn dùng được vào việc gì.

Này Thiện nam tử ! Như nhà giàu to có nhiều của báu : vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não. Có bọn cướp nếu vào đặng nhà đó thời có thể cướp giựt hết cả. Cũng vậy, tuổi tráng kiện và sắc đẹp thường bị giặc già suy cướp giựt.

Này Thiện nam tử ! Ví như người nghèo tham thức ăn ngon, y phục mịn màng, dầu có hy vọng nhưng không thể được. Cũng vậy, tuổi già suy, dầu có tâm tham, muốn hưởng thọ ngũ dục sung sướng mà chẳng thể đặng.

Này Thiện nam tử ! Như con rùa ở trên đất cao lòng nó thường nghĩ đến nước. Cũng vậy, người đời đã già suy khô héo mà lòng họ thường nhớ tưởng những khoái lạc ngũ dục thuở tráng kiện.

Này Thiện nam tử ! Như mùa thu ai cũng ưa ngắm hoa sen nở, đến khi hoa tàn héo, mọi người đều không thích. Cũng vậy, sự tráng kiện, sắc đẹp mọi người đều ưa thích, đến khi già suy ai cũng nhàm ghét.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây mía, sau khi bị ép, bã xác không còn vị ngọt. Cũng vậy, tráng kiện sắc đẹp đã bị già ép, thời không có ba thứ vị : Một là vị xuất gia, hai là vị đọa tụng, ba là vị tọa thiền.

Này Thiện nam tử ! Ví như mặt trăng tròn ban đêm thời tỏ sáng, ban ngày thời không như vậy. Cũng vậy, tráng kiện thời hình mạo nở nang xinh đẹp, già thời suy yếu, thân thể và tinh thần kém suy.

Này Thiện nam tử ! Ví như có nhà vua thường dùng chánh pháp cai trị nhơn dân, chơn thật, không lừa dối, từ bi ưa bố thí. Thuở đó nhà vua bị nước địch xâm lăng đánh bại, bèn lưu vong đến nước khác. Nhơn dân trong nước kia thấy nhà vua đều cảm thương nói rằng : Đại vương ngày trước dùng chánh pháp trị nước chẳng uống lạm bá tánh, thế sao nay lại lưu vong đến đây. Cũng vậy, loài người đã bị già suy làm bại hoại, thời thường tán thán sự nghiệp đã làm thuở tráng kiện.

Này Thiện nam tử ! Ví như tìm đèn dầu nhờ mỡ dầu nhưng mỡ dầu sẽ hết, thế chẳng lâu dài. Cũng vậy, thân người dầu nhờ cậy sự tráng kiện, nhưng tráng kiện phải trải qua già suy, đâu còn được dùng lâu.

Này Thiện nam tử ! Ví như con sông cạn khô không có thể lợi ích cho người, cho phi nhơn, chim thú. Cũng vậy, thân người bị già suy khô héo, không còn làm được việc gì, chẳng thể có lợi ích.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây cheo leo bờ sông, nếu gặp gió to, ắt sẽ đổ ngã. Như vậy đến tuổi già ắt phải chết, thế chẳng thể còn được.

Này Thiện nam tử ! Như trục xe đã gãy, không thể chở chuyen. Cũng vậy, già suy không thể học hỏi tất cả pháp lành.

Này Thiện nam tử ! Như trẻ thơ bị người khinh khi. Cũng vậy, già suy thường bị người khinh hủy.

Này Thiện nam tử ! Do những điều dụ như vậy cùng vô lượng thí dụ khác nên biết sự già thiệt là rất khổ.

Đây gọi là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Già là khổ.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Bệnh khổ như thế nào ?

Ví như mưa đá làm hại mạ lúa. Cũng vậy, tật bệnh có thể phá hoại tất cả những sự an ổn vui vẻ.

Như người có oán thù, tâm thường lo rầu sợ sệt. Cũng vậy, tất cả chúng sanh thường bị bệnh khổ, lo rầu không yên.

Ví như có người hình dung xinh đẹp, Vương Phi tâm dục yêu thương, sai sứ đòi đến để cùng giao thông. Vua bắt đặng, liền truyền lệnh khoét một mắt, cắt một vành tai, chặt một tay, một chân, bấy giờ người đó hình dung đổi khác bị người nhòm góm khinh rẻ. Cũng vậy, thân người trước thời dung mạo tươi tốt, tai mắt đầy đủ, đã bị bệnh khổ hành hạ, thời xấu xa bị người nhòm góm.

Như cây chuối, cây tre, cây lau, con la, hễ có con, có trái thì chết. Cũng vậy, người có bệnh thời chết.

Như vua Chuyển Luân, đại thần chủ binh thường làm tiền đạo đi trước, nhà vua theo sau, cũng như chúa cá, chúa kiến, chúa ốc, chúa trâu, thương chủ, lúc ở trước chúng mà đi, thời toàn chúng thầy đều



đi theo không rời. Cũng vậy, sự chết thường theo sát bịnh khổ không rời.

Này Thiện nam tử ! Nhơn duyên của bịnh làm cho khổ não, rầu lo, buồn than, thân tâm không an ổn. Hoặc bị kẻ giặc cướp bức hại, trái nổi bể hư, phá hoại cầu công, đều cũng có thể cướp giựt mạng sống. Bịnh lại có thể phá hoại sự tráng kiện, sắc đẹp, thế lực, an vui, mất lòng tầm quý, có thể làm cho thân tâm xót xa bức rức.

Do những điều dụ đó và vô lượng thí dụ khác, nên biết bịnh rất là khổ não.

Đây gọi là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Bịnh khổ.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Tử khổ ? Sự chết có thể đốt cháy tiêu diệt. Như hỏa tai khởi lên có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ cõi trời Nhị thiên trở lên, vì thế lực của hỏa tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết có thể tiêu diệt tất cả, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn, vì thế lực của sự chết không đến được.

Như lúc thủy tai khởi lên, tất cả đều trôi, đều ngập, chỉ trừ cõi Tam thiên trở lên, vì thế lực của thủy tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết làm chìm mất tất cả, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn.

Như lúc phong tai khởi lên, có thể thổi tan tất cả, chỉ trừ cõi Tứ thiên, vì thế lực của phong tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết có thể tiêu diệt tất cả, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Cõi Tứ thiên kia do có gì mà gió không thổi đến, nước chẳng ngập đến, lửa chẳng cháy đến ?".

Này Thiện nam tử ! Cõi Tứ thiên kia không có tất cả quá hoạn trong thân và ngoại cảnh.

Cõi Sơ thiên có quá hoạn : trong có giác quán, ngoài có hỏa tai.

Cõi Nhị thiên có quá hoạn : trong có vui mừng, ngoài có thủy tai.

Cõi Tam thiên có quá hoạn : trong có hơi thở, ngoài có phong tai.

Cõi Tứ thiên trong ngoài đều không quá hoạn, nên ba thứ tai họa lớn chẳng thể đến được.

Đại Bồ Tát cũng như vậy, an trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn, trong ngoài đều không tất cả quá hoạn, nên sự chết chẳng đến được.

Lại này Thiện nam tử ! Như Kim Sứy điều có thể nuốt, có thể tiêu tất cả loài rồng, cá và châu báu, vàng, bạc, v.v... chỉ trừ chất kim cương không tiêu được. Cũng vậy, sự chết có thể nuốt, có thể tiêu tất

cả chúng sanh, chỉ không tiêu được đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn.

Lại này Thiện nam tử ! Ví như những cỏ cây ở bờ sông, nước lụt dâng lên đều trôi theo dòng vào biển lớn, chỉ trừ cây dương liễu, vì thứ cây này mềm dẻo. Cũng vậy, tất cả chúng sanh đều trôi lăn vào biển chết, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn.

Lại này Thiện nam tử ! Như thần Na La Diên có thể hàng phục tất cả lực sĩ, chỉ trừ gió to, vì gió to vô ngại. Cũng vậy, sự chết có thể hàng phục tất cả chúng sanh chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn, vì bậc này vô ngại.

Lại này Thiện nam tử ! Ví như có người đối với kẻ thù giả làm thân thiện, theo sát bên như bóng theo hình, chờ khi thuận tiện mà giết đó, nếu phòng bị chặt chẽ, thời người kia không hại được. Cũng vậy, sự chết luôn theo rình chúng sanh chờ dịp làm hại, chỉ không thể hại được bậc đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn, vì bậc Bồ Tát này chẳng phóng dật.

Lại này Thiện nam tử ! Ví như trời bỗng mưa kim cương xối xuống tất cả cỏ cây, núi rừng, đất cát, ngói, đá, vàng, bạc, lưu ly, cùng tất cả vật đều bị hư nát, chỉ kim cương chơn bảo không bị hư. Cũng vậy, sự chết đều có thể phá hoại tất cả chúng

sanh, chỉ trừ kim cương Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn.

Lại này Thiện nam tử ! Như Kim Sứy điều có thể nuốt các loài rồng, chỉ không nuốt được rồng thọ Tam quy y. Cũng vậy sự chết có thể nuốt tất cả chúng sanh, chỉ trừ Bồ Tát trụ ba môn chánh định : Không, vô tướng, vô nguyện.

Lại này Thiện nam tử ! Như độc rắn Ma La, khi rắn này cắn nhằm người, những chú hay, thuốc tốt đều không cứu được, chỉ có chú A Kiệt Đa Tinh là có thể chữa lành. Cũng vậy, sự chết tất cả phương thuốc đều không cứu được, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn.

Lại này Thiện nam tử ! Như có người bị nhà vua giận, có thể dùng lời dịu dàng khéo léo, dâng của cải châu báu mà đặng khỏi tội. Sự chết không như vậy, dầu dùng lời nói dịu dàng, tiền của châu báu để cố gắng cũng chẳng thoát khỏi.

Này Thiện nam tử ! Luận về sự chết là chỗ hiểm nạn, không gì giúp đỡ, đi đường xa xôi mà không bạn bè, ngày đêm đi luôn chẳng biết bờ mé, sâu thăm tối tăm, không có đèn đuốc, nó vào không có cửa nẻo mà có chỗ nơi, dầu không chỗ đau đớn nhưng chẳng thể chữa lành, nó qua không ai ngăn được, nó đến không thể thoát được, không phá phách gì mà người thấy sầu khổ, nó không phải màu sắc

xấu xa mà làm cho người kinh sợ. Nó ở bên thân người mà chẳng hay biết được.

Này Ca Diếp Bồ Tát, do những điều dụ đó cùng vô lượng thí dụ khác, nên biết sự chết thật là rất khổ.

Đây gọi là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Tứ khổ.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ Tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Ái biệt ly khổ ? Ái biệt ly này có thể làm cội gốc cho tất cả sự khổ. Như nói bài kệ rằng :

Nhơn ái sanh lo

Nhơn ái sanh sợ

Nếu lìa sự ái

Nào lo nào sợ.

Vì ái nên sanh sự lo khổ, vì lo khổ nên làm cho chúng sanh có già suy. Ái biệt ly khổ là nói sự chết. Vì biệt ly hay sanh những sự khổ vi tế, nay sẽ vì ông mà phân biệt rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Thuở quá khứ người sống vô lượng tuổi, có quốc vương tên là Thiện Trụ nhà vua trị nước tám muôn bốn ngàn năm. Trên đỉnh đầu của vua mọc lên một bấu thịt mềm nhuyễn như bông. Bấu ấy lần lần to lớn, không làm đau nhức. Mãn mười tháng, bấu ấy nứt ra, sanh một đồng tử hình dung đẹp lạ. Nhà vua vui mừng đặt tên là Đảnh Sanh.

Thời gian sau, vua Thiện Trụ đem việc nước giao cho Thái tử Đảnh Sanh, rồi rời bỏ cung điện quyền thuộc vào núi tu hành. Ngày rằm Thái tử Đảnh Sanh lên ngôi, đương ở trên lầu cao tắm gội trai giới, phương Đông liền có báu kim luân, bánh xe vàng đủ một ngàn cây cắm tự nhiên bay đến. Vua Đảnh Sanh nghĩ rằng : Từng nghe Ngũ Thông tiên nơn nói : Nếu dòng vua Sát Đế Lợi ngày rằm ở trên lầu cao tắm gội trai giới, có báu kim luân đủ ngàn cây cắm tự nhiên bay đến, thời nhà vua đó sẽ đặng làm Chuyển Luân Thánh Vương. Nay ta nên thí nghiệm. Nghĩ xong, vua Đảnh Sanh tay tả bưng báu kim luân, tay hữu cầm lư hương, quỳ gối bên mặt mà phát thệ rằng : Nếu đây thiệt là báu kim luân, thời nên bay đi như vua Chuyển Luân Thánh Vương thuở quá khứ. Nhà vua phát thệ vừa xong, thời báu kim luân bay lên hư không, bay khắp mười phương, rồi trở về dừng lại trên tay tả vua Đảnh Sanh. Nhà vua vui mừng biết chắc mình sẽ là Chuyển Luân Thánh Vương.

Sau đó không bao lâu, có Tượng bảo xuất hiện, mình trắng như bạch liên hoa, xinh đẹp, mạnh mẽ đôi ngà chắm đất. Vì muốn thí nghiệm vua Đảnh Sanh liền bưng lư hương quỳ gối bên hữu mà phát thệ rằng : Nếu thật là báu bạch tượng nên bay đi như thuở vua Chuyển Luân Thánh Vương quá khứ. Phát thệ xong, bạch tượng liền từ sáng đến chiều bay đi khắp tám phương, tột đến mé biển, rồi trở về cung

vua. Kế đó lại có Mã bửu xuất hiện, lông màu xanh biếc mượt đẹp, lông đuôi cùng gáy màu vàng ròng. Vì muốn thí nghiệm vua Đảnh Sanh tay bưng lư hương, quỳ gối bên hữu phát thệ rằng : Nếu thiệt là Mã bảo thời phải như của vua Chuyển Luân Thánh Vương thuở quá khứ. Phát thệ xong, tử sáng đến chiều, Mã bảo ấy đi khắp tám phương, đến mé biển rồi trở về cung vua.

Kế đó lại có Nữ bảo xuất hiện xinh đẹp đẽ nhưt, chơn lông thoảng mùi chiên đàn, hơi miệng thơm sạch như hoa sen xanh, mắt sáng nhìn xa một do tuần, tai nghe, mũi ngửi cũng xa như mắt, lưỡi rộng lớn le ra có thể trùm cả mặt, da mịn láng như lá đồng đỏ, rất thông minh có trí huệ, lời nói dịu dàng đối với tất cả mọi người. Tay người nữ ấy lúc chạm đến áo của vua, liền biết thân vua khỏe mạnh hay bệnh hoạn, cũng biết những ý nghĩ của vua.

Kế đó trong cung vua tự nhiên có Ma ni bảo châu lớn bằng bắp vế của người, màu thuần xanh trong suốt, trong chỗ tối có thể chiếu sáng một do tuần. Nếu trời mưa giọt lớn như trục xe, thế lực của bảo châu này có thể che một do tuần, giọt mưa không rơi xuống được.

Sau đó, lại có Chủ tạng thần hiện ra, cặp mắt có thể thấy thấu những kho châu báu ở trong lòng đất, tùy ý vua muốn đều có thể dung đủ. Vua Đảnh Sanh muốn thí nghiệm bèn cùng Chủ tạng thần

ngồi thuyền ra biển, vua bảo Chủ tạng thần nay ta muốnặng châu báu. Chủ tạng thần liền lấy hai tay quây nước biển, đầu mười ngón tay liền hiện ra mười kho châu báu lấy dựng cho vua tâu rằng : "Tùy ý nhà vua chọn dùng, còn thừa lại nên ném trả xuống biển".

Kế đó lại có Chủ binh thần xuất hiện, thao lược đệ nhất, điều khiển bốn binh chủng rất giỏi. Lúc vua cần binh thời hiện quân lính ra để dùng. Lúc chẳng dùng binh, thời quân lính ẩn mất. Xứ nào chưa hàng phục Chủ binh thần này có thể làm cho hàng phục. Xứ nào đã hàng phục, thời đủ sức giữ gìn.

Lúc đó vua Đánh Sanh tự biết là Chuyển Luân Vương, bèn bảo các quan : "Cõi Diêm Phù Đề này an ổn giàu vui, nay bảy báu đã đủ, cả ngàn vương tử cũng đủ, giờ đây nên làm việc gì ?".

Các quan tâu : "Châu Phất Bà Đề phương Đông còn chưa qui thuận, đại vương nên đem binh qua chinh phục".

Vua Đánh Sanh bèn cùng thất bảo bay qua châu Phất Bà Đề, như dân trong châu đó đều vui mừng qui thuận.

Các quan lại tâu nên chinh phục châu Cù Đà Ni ở phương Tây. Kế đó lại đến chinh phục châu Uất Đôn Việt. Sau khi chinh phục ba châu xong, vua



Đánh Sanh bảo các quan : "Châu Nam Diêm Phù Đề này cùng ba châu đều an ổn giàu vui, tất cả đều qui thuận ta, nay đây lại nên làm việc gì ?".

Các quan tâu : "Cõi trời Đạo Lợi tuổi thọ dài lâu, an ổn, khoái lạc, thân chư Thiên xinh đẹp hơn hơn gian, cung điện nhẵn đến giường ghế toàn bằng bảy báu, cây phước trời chưa chịu đến qui phục, nay nên đem binh đến đánh dẹp".

Vua Đánh Sanh lại cùng thất bảo bay lên cõi trời Đạo Lợi, trông thấy một cây màu xanh đậm bèn hỏi đại thần : "Đó là cây gì ?".

Đại thần tâu : "Cây ấy tên là Ba Lợi Chất Đa La, chư Thiên cõi Đạo Lợi này đến ngày mùa hạ thường tụ họp vui chơi dưới cây đó".

Lại trông thấy màu trắng như bạch vân, vua Đánh Sanh hỏi đại thần chỗ đó là gì ? Đại thần tâu đó là thiện pháp đường, chư Thiên cõi Đạo Lợi thường nhóm nơi đó để bàn luận những việc cõi trời cõi người.

Thiên chúa Thích Đề Hoàn Nhơn biết vua Đánh Sanh đã đến, liền ra tiếp rước, cầm tay vào thiện pháp đường lên tòa mà ngồi. Hai vua hình dung tướng mạo giống nhau, chỉ có đôi mắt nhìn nháy là khác nhau.

Lúc đó vua Đánh Sanh nghĩ rằng : Nay ta có thể đuổi Thiên chúa này để ta ở đây làm Thiên vương.

Thiên Đế Thích vốn thọ trì đọc tụng kinh điển Đại thừa, thường vì chur Thiên giảng thuyết, chỉ chưa thông đạt hết thâm nghĩa của kinh. Do thọ trì giảng thuyết Đại thừa nên Thiên Đế có oai đức hơn.

Khi vua Đánh Sanh khởi ác tâm đố với Thiên Đế, tổn phước liền tự rớt xuống Diêm Phù Đề, nhớ tiếc cõi trời lòng rất khổ não. Không bao lâu vua Đánh Sanh phải bịnh chết.

Này Thiện nam tử ! Thiên Đế thuở đó chính là Phật Ca Diếp, vua Đánh Sanh thời là tiền thân của ta.

Này Thiện nam tử ! Phải biết Ái biệt ly như vậy rất là khổ não.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát còn nhớ những trường hợp Ái biệt ly khổ thuở quá khứ, huống là Bồ Tát trụ nơi kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn mà nên chẳng quán sát sự Ái biệt ly khổ trong đời hiện tại !

Này Thiện nam tử ! Thế nào là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Oán tạng hội khổ ?

Đại Bồ Tát này quán sát địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, loài người, trên trời đều có sự Oán tạng hội khổ như vậy.

Ví như có người quán sát lao ngục giam nhốt, gông xiềng là rất khổ. Cũng vậy Đại Bồ Tát quán sát năm loài chúng sanh đều là Oán tạng hội hiệp rất khổ sở.

Ví như có người thường sợ kẻ oán thù, công cùm, xiềng xích, nên bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, cùng của báu sản nghiệp mà trốn lánh đi xa. Cũng vậy, đại Bồ Tát sợ sanh tử, nên tu hành sáu môn Ba la mật, chứng nhập Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát tu hành Đại thừa Đại Niết Bàn quan sát Oán tắng hội khổ.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành Đại thừa Đại Niết Bàn quan sát Cầu bất đắc khổ ?

Cầu là mong cầu tất cả, có hai thứ : Một là cầu pháp lành, hai là cầu pháp chẳng lành. Cầu pháp lành mà chưa đặng thời khổ, pháp ác muốn rời mà chưa rời được thời khổ.

Đây là lược nói Ngũ ấm thanh khổ. Đây gọi là Khổ đế.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói, Ngũ ấm thanh khổ nghĩa đó chẳng phải. Vì như ngày trước Phật bảo Thích Ma Nam : Nếu sắc là khổ, tất cả chúng sanh lẽ ra chẳng nên cầu sắc, nếu có người cầu thời chẳng gọi là khổ. Lại như Phật bảo các Tỳ Kheo thọ có ba thứ : Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Lại như lúc trước đức Phật nói với các Tỳ Kheo : Nếu người nào có thể tu hành pháp lành thời đặng thọ lạc. Lại như đức Phật nói : Ở trong đường lành sáu căn lãnh thọ

sáu cảnh vui : Mắt thấy sắc đẹp là vui, tai, mũi, lưỡi, thân nhãn đến ý suy nghĩ pháp lành cũng như vậy.

Như Phật từng nói kệ :

Trì giới thời là vui  
 Thân chẳng thọ sự khổ  
 Ngủ nghỉ đặng an ổn  
 Thức dậy lòng vui vẻ.  
 Lúc nhận lấy y thực  
 Đọc tụng và kinh hành  
 Ở riêng nơi núi rừng  
 Như vậy là rất vui.  
 Nếu đối với chúng sanh  
 Ngày đêm tu lòng từ  
 Nhon đây được thường vui  
 Vì chẳng hại người khác.  
 Ít muốn biết đủ vui  
 Học rộng biết nhiều vui  
 A La Hán không chấp  
 Cũng gọi là thọ vui.  
 Các vị đại Bồ Tát  
 Rốt ráo đến bờ kia  
 Những việc làm đã xong  
 Đây gọi là rất vui.

Thế Tôn ! Trong các bộ kinh nói về tướng vui ý nghĩa như vậy. Thế nào tương ứng với nghĩa của Phật nói hôm nay ?".

(\*) Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Ông khéo có thể thừa hỏi đức Như Lai những nghĩa như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đối với sự khổ hạ tướng là vui. Vì thế nên nay ta nói tướng khổ không khác với ngày trước đã nói".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Như lời Phật hỏi : Đối với sự khổ hạ tướng cho là vui, thời sanh, lão, bệnh, tử hạ cùng ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội, ngũ ấm thanh hạ, những sự khổ như vậy lẽ ra cũng nên có vui.

Thế Tôn ! Sanh hạ hạ là ba ác thú, sanh hạ trung là loài người, sanh hạ thượng là trên trời.

Nếu lại có người hỏi rằng : Nếu ở nơi sự vui hạ hạ tướng cho là khổ, trong sự vui hạ trung tướng cho là không khổ không vui. Trong sự vui hạ thượng tướng cho là vui, thời phải trả lời thế nào ?

Thế Tôn ! Nếu trong sự khổ hạ hạ tướng cho là vui, chưa thấy có người nào sẽ bị phạt đánh ngàn trượng, lúc mới đánh một trượng đầu mà đã tướng là vui. Nếu lúc đánh trượng đầu chẳng tướng

(\*) Hán bộ quyển thứ 13

là vui, thế sao nói rằng : Nơi trong sự khổ hạnh hạ mà tưởng cho là vui ?".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Phải lắm ! Phải lắm ! Đúng như lời ông nói. Do nghĩa này nên không có tưởng là vui, vì như người tội kia sẽ bị phạt đánh ngàn trượng, khi bị đánh một trượng rồi liền đứng từa. Người này bèn sanh lòng vui. Vì thế nên biết rằng trong sự không vui lắm tưởng là vui".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : Thế Tôn ! Người đó chẳng vì bị đánh một trượng mà sanh vui. Chính vì đứng tha mà sanh lòng vui.

- Nay Thiện nam tử ! Vì thế nên ta ngày trước nói với Thích Ma Nam trong ngũ ấm có vui, lời đó là đúng, thiệt chẳng phải mâu thuẫn vậy.

Nay Thiện nam tử ! Có ba thọ và ba khổ. Ba thọ là : Lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Ba khổ là : Khổ khổ, hành khổ, hoại khổ.

Nay Thiện nam tử ! Khổ thọ chính là cả ba món khổ : khổ khổ, hành khổ, và hoại khổ. Hai món thọ kia chính là hành khổ và hoại khổ. Do đây nên trong sanh tử thiệt có lạc thọ. Đại Bồ Tát thấy tánh khổ cùng tánh lạc chẳng rời lìa nhau nên nói rằng tất cả đều khổ.

Nay Thiện nam tử ! Trong sanh tử thiệt không có vui, vì chư Phật Bồ Tát tùy thuận thế gian nên nói là có vui.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Chư Phật và Bồ Tát nếu tùy theo thế tục mà nói, thời là có hư vọng chăng ? Như Phật từng nói, người tu hành pháp lành thời thọ quả báo vui. Trì giới an vui thân chẳng thọ khổ, nhẫn đến việc làm đã xong đây là rất vui. Lời nói thọ vui trong các kinh như vậy, chùng có hư vọng chăng ? Nếu là hư vọng, thời chư Phật Thế Tôn trong vô lượng trăm ngàn muôn ức A tăng kỳ kiếp tu hành đạo Bồ Đề đã lìa vọng ngữ. Nay Phật nói như vậy ý nghĩa thế nào ?

Này Thiện nam tử ! Như bài kệ nói về những sự thọ lạc trước kia chính là cội gốc của đạo Bồ Đề, cũng có thể trưởng dưỡng Vô thượng Bồ Đề. Do nghĩa đó nên trong những kinh trước nói tướng vui như vậy.

Ví như trong thế gian những đồ cần dùng cho đời sống, có thể làm nhơn cho sự vui, nên gọi là vui. Như nữ sắc, rượu uống, đồ ăn ngon, lúc khát được nước, lúc lạnh được lửa, y phục, chuối ngọc, voi ngựa, xe cộ, tô tể, vàng, bạc, lưu ly, san hô, trân châu, kho đựng lúa gạo, những vật như vậy người đời cần dùng có thể làm nhơn cho sự vui, nên gọi là vui.

Này Thiện nam tử ! Những vật như vậy cũng có thể sanh sự khổ. Nhơn nơi nữ sắc sanh sự khổ lo, rầu, buồn, khóc, nhẫn đến phải chết cho người nam. Nhơn nơi rượu, đồ ăn ngon, nhẫn đến lúa gạo cũng

có thể làm cho người phải lo khổ nhiều. Do nghĩa đó nên tất cả đều khổ không có tướng rốt ráo vui.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nơi tám điều khổ này, hiểu rõ là khổ nên không bị khổ.

Này Thiện nam tử ! Tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng biết nhơn của sự vui, nên Phật vì họ ở trong sự khổ hạ nói có tướng vui. Chỉ có Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn bèn có thể biết nhơn của sự khổ sự vui này.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Tập đế ? Đại Bồ Tát quán sát tập đế là nhơn duyên ngũ ấm. Tập nghĩa là trở lại ái luyến nơi hữu. Ái có hai thứ : Một là ái thân mình, hai là ái đồ cần dùng. Lại có hai thứ : Năm thứ dục lạc, lúc chưaặng tâm luôn tìm cầu, đã tìm cầu đặng rồi luôn đắm trước. Lại có ba thứ : Dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Lại có ba thứ : Nghiệp nhơn duyên ái, phiền não nhơn duyên ái, khổ nhơn duyên ái. Người xuất gia có bốn thứ ái : Y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc thang. Lại có năm thứ : Tham lam nơi ngũ ấm, tùy chỗ cần dùng tất cả đều tham ái toan tính phân biệt vô lượng vô biên.

Này Thiện nam tử ! Ái có hai thứ : Một là thiện ái, hai là bất thiện ái. Chỉ người ngu tìm cầu bất thiện ái. Các vị Bồ Tát cầu nơi thiện ái. Thiện ái lại có hai thứ : bất thiện và thiện. Cầu pháp Nhị



thừa gọi là bất thiện. Cầu pháp Đại thừa gọi là thiện.

Này Thiện nam tử ! Kẻ phàm phu tham ái gọi là "Tập" chẳng gọi là "Đê". Sự ái của Bồ Tát thời gọi là thật đế chẳng gọi là tập, vì Bồ Tát muốn độ chúng sanh nên thị hiện thọ sanh, chẳng phải vì tham ái mà thọ sanh.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : Thế Tôn ! Như trong các kinh khác đức Phật vì chúng sanh mà nói nghiệp làm nhơn duyên, hoặc nói kiêu mạn, hoặc nói lục xúc, hoặc nói vô minh làm nhơn duyên mà có ngũ ấm xí thạnh. Hôm nay do nghĩa gì đức Phật nói bốn Thánh đế riêng lấy ái làm nhơn cho ngũ ấm.

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông vừa nói, các nhơn duyên chẳng phải làm cũng chẳng phải nhơn, chỉ vì năm ấm cần phải nhơn nơi ái.

Ví như quốc vương lúc đi tuần du các quan quyền thuộc tùy theo hầu. Cũng vậy, ái đi đến chỗ nào thời các kiết sử cũng đi theo.

Ví như y phục thấm mồ hôi, bụi bay đến liền bám dính. Cũng vậy, chỗ nào có ái những nghiệp kiết cũng ở nơi đó.

Ví như đất ướt thời có thể mọc mầm. Cũng vậy, ái có thể sanh tất cả mầm nghiệp phiền não.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát kỹ ái này có chín thứ : một là như thiếu nợ, hai là như vợ La Sát, ba là như trong cọng hoa đẹp có rắn độc vắn, bốn là như vật thực độc mà cố ăn đó, năm là như dâm nữ, sáu là như hột ma lâu ca, bảy là như thịt thúi trong mụn nhọt, tám là như gió bão, chín là như sao chổi.

Như thiếu nợ là thế nào ? Ví như người nghèo cùng thiếu tiền của người khác, dầu đã trả nợ mà vẫn còn thiếu, nên bị giam nhốt chưa ra khỏi ngục. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác vì còn tập khí thừa của ái nên chẳng chứng đặng Vô thượng Bồ Đề.

Như vợ La Sát là thế nào ? Ví như có người lấy gái La Sát làm vợ, gái La Sát này hễ sanh con liền ăn thịt, ăn thịt con để hết lại ăn luôn thịt chồng. Ái cũng vậy, tùy người sanh thiện căn nó liền ăn, ăn hết thiện căn nó lại ăn luôn cả người làm cho phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Như cọng hoa đẹp có rắn độc vắn là thế nào ? Như có người thích hoa đẹp mà chẳng thấy cọng hoa có rắn độc, liền đến ngắt hoa bị rắn cắn chết. Tất cả phàm phu tham đắm ngũ dục mà chẳng thấy độc hại của ái, nên bị ái làm hại, sau khi chết đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Vật thực độc mà cố ăn là thế nào ? Như có người cố ăn vật thực độc, ăn xong đau bụng thổ tả mà chết.

Chúng sanh trong ngũ đạo vì tham ái mà phải bị đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Như dâm nữ là thế nào ? Như người ngu tư thông với dâm nữ, dâm nữ này thường dối phỉnh gạt đoạt hết tiền của rồi xua đuổi người ấy. Người ngu không có trí tuệ bị tham ái đoạt tất cả pháp lành rồi xua đuổi vào trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Như hột ma lâu ca là thế nào ? Nếu chim ăn hột ma lâu ca, phần chim do gió thổi rớt dưới cây liền mọc lên đeo vắn cây to làm cho khô chết, tham ái ràng buộc phàm phu làm cho pháp lành không tăng trưởng nhẫn đến khô diệt, sau khi chết đọa vào ba đường ác. Chỉ trừ các vị đại Bồ Tát.

Thịt thú trong mụn nhọt như thế nào ? Như người bị ung nhọt, trong nhọt sanh thịt thú, người bệnh này phải chuyên tâm chạy chữa, nếu chểnh mảng thời thịt thú sanh trùng có thể phải chết, ngũ ấm của phàm phu cũng như vậy, ái sanh trong đó, phải nên siêng năng điều trị tham ái, nếu không điều trị sẽ phải đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Như gió bão là thế nào ? Gió bão có thể làm lở núi ngã cây. Cũng vậy, tham ái sanh tâm ác đối với cha mẹ, có thể làm ngã trúc cội cây Vô thượng Bồ Đề của các ông Đại Trí Xá Lợi Phất v.v... Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Như sao chổi là thế nào ? Như sao chổi mọc thời trong thiên hạ phải bình tật, đói kém, họa tai khổ sở. Cũng vậy, ái có thể dứt tất cả căn lành làm cho phàm phu cơ cùng thiếu thốn sanh bệnh phiền não lưu chuyển trong sanh tử, mang nhiều sự khổ. Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát tham ái có chín thứ như vậy.

Do nghĩa trên đây, hàng phàm phu có khổ, không đế. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có khổ đế mà không chơn thật. Các vị Bồ Tát hiểu khổ không có khổ mà có chơn đế. Hàng phàm phu có tập không có đế. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có tập có tập đế. Các vị Bồ Tát hiểu tập không có tập mà có chơn đế. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có diệt mà chẳng phải chơn. Đại Bồ Tát có diệt có chơn đế. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có đạo mà chẳng phải chơn. Đại Bồ Tát có đạo có chơn đế.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn thấy diệt cùng thấy diệt đế ? Chính là dứt trừ tất cả phiền não, nếu phiền não đã dứt thời gọi là thường. Dứt lửa phiền não thời gọi là tịch diệt. Vì phiền não diệt nên đặng hưởng thọ chơn lạc. Chư Phật và Bồ Tát cho nguyện cầu nên gọi là tịnh, chẳng còn thọ thân trong hai mươi lăm cõi nên gọi là xuất thế. Do xuất thế nên gọi là ngã, là thường. Đối với sắc, thanh, hương, vị,

xúc, nam, nữ, sanh, trụ, diệt, khổ, lạc, bất khổ, bất lạc, đều chẳng chấp lấy tướng mạo nên gọi là rốt ráo tịch diệt chơn đế. Đây là đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn quan sát diệt Thánh đế.

Thế nào là Đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn quan sát đạo Thánh đế ?

Ví như trong tối như đèn mà đặng thấy những vật lớn nhỏ. Cũng vậy, đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn như bất thánh đạo mà thấy tất cả pháp : thường, vô thường, hữu vi, vô vi, chúng sanh, phi chúng sanh, vật, phi vật, khổ, lạc, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh, phiền não, phi phiền não, nghiệp, phi nghiệp, thật, phi thật, thừa, phi thừa, tri, bất tri, đà la phiên, phi đà la phiên, cầu na, phi cầu na, kiến, phi kiến, sắc, phi sắc, đạo, phi đạo, giải, phi giải. Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn quan sát đạo Thánh đế như vậy".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu tám Thánh đạo là đạo Thánh đế thời nghĩa chẳng tương ứng. Như đức Phật hoặc có lúc nói lòng tin là đạo có thể thoát khỏi các phiền não. Hoặc có lúc nói chẳng phóng dật là đạo vì chư Phật chẳng phóng dật nên đặng Vô thượng Bồ Đề, và cũng là phép trợ đạo của Bồ Tát. Hoặc có lúc nói tinh tấn là đạo, như Phật bảo A Nan nếu có người siêng tu tinh tấn thời đặng Vô thượng Bồ Đề. Hoặc có lúc nói quán thân niệm xứ, nếu chuyên tu tập thân niệm xứ này đặng

thành Vô thượng Bồ Đề. Hoặc có lúc nói chánh định là đạo. Như Phật bảo Ma Ha Ca Diếp : Chánh định là đạo chơn thật, nếu nhập chánh định bèn có thể tư duy sự sanh diệt của ngũ ấm, chẳng nhập thời không thể tư duy. Hoặc có lúc nói một pháp : Nếu người tu tập có thể thanh tịnh chúng sanh, dứt trừ tất cả ưu sầu khổ não chúng đặng chánh pháp, tức là niệm Phật tam muội. Hoặc Phật lại nói rằng tu quán tưởng vô thường thời gọi là đạo có thể chúng đặng Vô thượng Bồ Đề. Hoặc Phật nói không tịch ở nơi A Lan Nhã, ngồi một mình tư duy có thể mau chúng đặng Vô thượng Bồ Đề. Hoặc có lúc Phật nói : Vì người diễn thuyết thời gọi là đạo, nếu người nghe pháp dứt được lưới nghi thời chúng đặng Vô thượng Bồ Đề. Hoặc có lúc Phật nói trì giới là đạo, nếu người tinh tấn tu trì giới cấm, người này thoát khỏi khổ sanh tử. Hoặc có lúc Phật nói gần gũi Thiện hữu gọi là đạo, như Phật bảo A Nan : Người gần gũi thiện tri thức thời đầy đủ tịnh giới nếu có chúng sanh nào gần gũi nơi Phật thời đặng phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Hoặc có lúc Phật nói tu lòng từ là đạo, người tu học lòng từ dứt các phiền não thời đặng bực bất động. Hoặc có lúc Phật nói trí huệ là đạo, như ngày trước Phật vì Tỳ Kheo Ni Ba Xà Ba Đề mà nói rằng : Nay Tỳ Kheo Ni ! Như hàng Thanh Văn dùng sức trí huệ dứt được các lậu phiền não. Hoặc có lúc Phật nói bố thí là đạo, như ngày trước

Phật bảo vua Ba Tư Nặc : Này Đại vương ! Ngày trước đức Phật làm nhiều việc bố thí do đó mà nay đặng thành Vô thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Nếu bát thánh đạo là Đạo đế, những kinh như vậy há chẳng phải là hư vọng. Nếu những kinh đó chẳng phải hư vọng thời duyên có gì trong những kinh đó chẳng nói bát thánh đạo là đạo Thánh đế. Nếu những kinh đó chẳng nói, dễ thường ngày trước đức Như Lai có lầm lộn. Nhưng tôi quyết định biết rằng chư Phật từ lâu đã lìa lầm lộn".

Đức Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Nay ông muốn biết kinh điển Đại thừa vi diệu có những pháp bí mật nên hỏi như vậy. Những kinh ngày trước như vậy đều vào trong đạo Thánh đế.

Này Thiện nam tử ! Như ta nói lòng tin là đạo. Tín căn này có thể tá trợ đạo Bồ Đề. Vì thế nên lời Phật nói không có lầm lộn. Đức Như Lai khéo biết vô lượng phương tiện vì muốn hóa độ chúng sanh nên sự thuyết pháp có nhiều loại.

Ví như lương y biết các căn bệnh của chúng sanh, tùy theo bệnh mà hiệp thuốc và những thứ cấm kỵ đối với thuốc. Chỉ nước chẳng ở trong lệ cấm. Hoặc cho uống nước gừng, nước cam thảo, nước tế tân, nước đường phèn, nước trái A ma lặc,

nước Ni ba la, hoặc nước Bát trú la, hoặc cho uống nước lạnh, nước nóng, nước nho, nước thạch lựu.

Này Thiện nam tử ! Lương y ấy khéo biết căn bệnh của chúng sanh. Dầu rằng thuốc có nhiều sự cấm kỵ, nhưng chỉ có nước là không ở trong lệ cấm.

Cũng như vậy, đức Như Lai khéo biết phương tiện, trong một pháp tướng tùy theo các loài chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết nhiều loại danh tướng. Các loài chúng sanh kia tùy theo chỗ lãnh thọ của họ mà tu tập, dứt trừ phiền não. Như người bệnh kia theo lời dặn của lương y mà bệnh được lành.

Này Thiện nam tử ! Như có một người biết nhiều thứ tiếng ở chung trong đại chúng. Một hôm đại chúng khát nước đều kêu rằng : Tôi muốn uống nước ! Tôi muốn uống nước ! Người đó liền đem nước mát lạnh tùy theo từng người mà trao cho uống. Hoặc nói là Ba ni, hoặc nói là Uất đặt, hoặc nói là Xa ly lam, hoặc nói là Bà ly, hoặc nói là Ba da, hoặc nói là cam lồ, hoặc nói là ngu nhũ, dùng vô lượng tên nước như vậy để nói với đại chúng. Cũng vậy, đức Như Lai dùng một Thánh đạo vì hàng Thanh Văn mà diễn thuyết nhiều cách : Từ Tín căn v.v... đến Bát thánh đạo.

Này Thiện nam tử ! Như thợ kim hoàn dùng một chất vàng tùy ý tạo làm các thứ trang sức : dây chuyền, vòng, xuyên, xoa, khoen tai, mào, ấn. Dầu



làm nhiều thứ chẳng đồng nhưng chẳng rời chất vàng. Cũng vậy, đức Như Lai dùng một Phật đạo, tùy theo mọi loài chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết. Hoặ nói một thứ, như nói chư Phật một đạo không hai. Hoặ nói hai thứ là định và huệ. Hoặ nói ba thứ là kiến, trí, và huệ. Hoặ nói bốn thứ là kiến đạo, tu đạo, vô học đạo, và Phật đạo. Hoặ nói năm thứ là tín hành đạo, pháp hành đạo, tín giải thoát đạo, kiến đạo đạo, thân chứng đạo. Lại nói sáu thứ là Tư Đà Hoàn đạo, Tư Đà Hàm đạo, A Na Hàm đạo, A La Hán đạo, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo. Lại nói bảy thứ là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trú giác phần, định giác phần và xả giác phần. Lại nói tám thứ là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Lại nói chín thứ là bát thánh đạo, và tín. Lại nói mười thứ là thập lực. Lại nói mười một thứ là thập lực và đại từ. Lại nói mười hai thứ là thập lực, đại từ và, đại bi. Lại nói mười ba thứ là thập lực, đại từ, đại bi và niệm Phật tam muội. Lại nói mười sáu thứ là thập lực, đại từ, đại bi, niệm Phật tam muội và ba chánh niệm. Lại nói hai mươi đạo là thập lực, tứ vô sở úy, đại từ, đại bi, niệm Phật tam muội và ba chánh niệm.

Đạo chỉ là một thể, ngày trước đức Như Lai vì chúng sanh mà phân biệt diễn nói sai khác.

Này Thiện nam tử ! Như một thứ lửa, như nơi chỗ nó đốt cháy mà có nhiều tên sai khác, như lửa cây, lửa cỏ, lửa trấu, lửa phân bò, lửa phân ngựa. Cũng vậy, Phật đạo chỉ là một không có hai vì chúng sanh mà phân biệt sai khác.

Này Thiện nam tử ! Như một thức phân biệt nói có sáu, nếu đến nơi nhãn căn, thời gọi là nhãn thức, nhãn đến nơi ý căn thời gọi là ý thức. Đạo cũng như vậy, chỉ là một không hai vì hóa độ chúng sanh mà phân biệt sai khác.

Này Thiện nam tử ! Như một sắc pháp, mắt thấy thời gọi là sắc, tai nghe là gọi là tiếng, mũi ngửi thời gọi là mùi, lưỡi nếm thời gọi là vị, thân cảm giác thời gọi là xúc. Đạo cũng như vậy, là một không có hai, vì muốn hóa độ chúng sanh nên đức Như Lai phân biệt sai khác.

Do nghĩa này nên bát thánh đạo gọi là đạo Thánh Đế.

Này Thiện nam tử ! Bốn Thánh đế này chư Phật theo thứ lớp mà giảng nói. Do đây vô lượng chúng sanh đặng thoát khỏi sanh tử".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Ngày trước có một lúc Phật ở trong rừng Thi Thủ trên bờ sông Hằng, đức Như Lai lấy lá cây bảo các Tỳ Kheo : Lá trong tay của ta đây là nhiều hay tất cả lá trên mặt địa cầu là nhiều ? Các Tỳ Kheo bạch Phật tất cả lá

trên địa cầu rất nhiều không thể tính đếm, lá trong tay Phật cầm rất ít không đáng kể. Phật bảo các Tỳ Kheo : Những pháp mà ta giác ngộ nhiều như những lá cỏ cây trên địa cầu, còn pháp mà ta vì chúng sanh tuyên nói như mấy chiếc lá trong bàn tay.

Bạch Thế Tôn ! Cứ theo lời của Phật, thời đức Như Lai rõ biết vô lượng pháp môn, nếu vào trong bốn Thánh đế thời như đã nói, còn nếu chẳng vào nơi bốn Thánh đế lẽ ra phải có năm đế".

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : Lành thay ! Lành thay ! Lời hỏi của ông có thể lợi ích an vui vô lượng chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Những pháp môn như vậy đều đã nhiếp ở trong bốn Thánh đế.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật : Những pháp như vậy ở trong bốn Thánh đế có sao đức Như Lai xưng rằng chẳng nói ?

- Này Thiện nam tử ! Dầu là nhiếp trong bốn Thánh đế nhưng còn chẳng gọi là đã nói, vì người rõ biết bốn Thánh đế có hai thứ trí : Một là trí bậc trung, hai là trí bậc thượng. Bậc trung là trí của Thanh Văn, Duyên Giác. Bậc thượng là trí của chư Phật và Bồ Tát. Biết thân ngũ ấm là khổ thời gọi là trí bậc trung, phân biệt các ấm có vô lượng tướng thấy đều là khổ thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bậc

thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta trọn chẳng nói đến.

Này Thiện nam tử ! Biết các nhập gọi đó là môn cũng gọi là khổ, đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt các nhập có vô lượng tướng thảy đều là khổ thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết các giới gọi đó là phần, cũng gọi là tánh, cũng gọi là khổ, đây là trí bậc trung. Phân biệt các giới có vô lượng tướng thảy đều là khổ thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết sắc là tướng hư hoại, đây là trí bậc trung. Phân biệt các sắc có vô lượng tướng hư hoại thảy đều là khổ, thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được đây lại gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết thọ là tướng giác xúc đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt các thọ có vô lượng tướng giác xúc thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết tướng là chấp lấy tướng đây gọi là trí bực trung. Phân biệt nơi tướng có vô lượng tướng chấp lấy, thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết hành là tướng tạo tác, đây gọi là trí bực trung. Phân biệt nơi hành có vô lượng tướng tạo tác thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết thức là tướng phân biệt, đây gọi là trí bực trung. Phân biệt nơi thức có vô lượng trí tướng, thời chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết ái làm nhơn duyên có thể sanh năm ấm đây gọi là trí bực trung. Một người sanh ra ái vô lượng vô biên, hàng Thanh Văn, Duyên Giác không biết được. Có thể biết tất cả chúng sanh khởi lên lòng có những ái như vậy, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết dứt phiền não đây gọi là trí bực trung. Phân biệt phiền não chẳng thể tính đếm, dứt diệt cũng chẳng thể tính đếm, như vậy thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết đạo có thể lìa phiền não đây gọi là trí bực trung. Phân biệt đạo có vô lượng vô biên tướng, lìa phiền não cũng vô lượng vô biên thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết thế đế gọi là trí bực trung. Phân biệt thế đế vô lượng vô biên chẳng thể tính đếm thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Tất cả hạnh vô thường, các pháp vô ngã, Niết Bàn tịch diệt, đây là đệ nhất nghĩa, gọi là trí bực trung. Biết đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên chẳng thể tính đếm thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đức Phật nói thế đế và đệ nhất nghĩa để ý nghĩa

thế nào ? Bạch Thế Tôn trong đệ nhứt nghĩa đế có thế đế chẳng ? Trong thế đế có đệ nhứt nghĩa đế chẳng ? Nếu là có thời có một đế. Nếu là không, chừng có phải đức Như Lai hư vọng diễn thuyết chẳng ?".

- Nay Thiện nam tử ! Thế đế chính là đệ nhứt nghĩa đế.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời không có hai đế.

Nay Thiện nam tử ! Có phương tiện khéo tùy thuận chúng sanh diễn thuyết hai đế. Nếu cứ theo ngôn thuyết thời có hai thứ : Một là thế pháp, hai là xuất thế pháp.

Như chỗ biết của người xuất thế. Thời gọi là đệ nhứt nghĩa đế. Chỗ biết của người đời thời gọi là thế đế.

Nay Thiện nam tử ! Năm ấm hòa hiệp gọi là tên mỡ giáp. Phàm phu chúng sanh tùy theo tên gọi đó là thế đế. Hiểu biết năm ấm không có tên mỡ giáp, rời ngũ ấm cũng không có mỡ giáp, người xuất thế đúng như tánh tướng mà hiểu biết, gọi là đệ nhứt nghĩa đế.

Nay Thiện nam tử ! Hoặc có pháp có tên có sự thiệt. Lại có pháp có tên không có sự thiệt. Có tên không sự thiệt chính là thế đế. Có tên có sự thiệt là đệ nhứt nghĩa đế.

Như : Ngã, chúng sanh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, sĩ phu, tác giả, thọ giả, dương diệm, thành Càn Thát Bà, lông rùa, sừng thỏ, vòng lửa xây, các âm, giới, nhập... Đây gọi là thế đế. Khổ, tập, diệt, đạo, gọi là đệ nhứt nghĩa đế.

Thế pháp có năm thứ : một là danh thế, hai là cú thế, ba là phược thế, bốn là pháp thế, năm là chấp trước thế.

Nam, nữ, bình, áo, xe, nhà... Những vật này gọi đó là danh thế.

Bốn câu thành một bài kệ, những bài kệ như vậy gọi là cú thế.

Cuốn, hiệp, trói, cột, chấp tay... đây gọi là phược thế đế.

Đánh kiến chùy nhóm Tăng, chiêm trông răn quân lính, thổi ốc để biết giờ... đây gọi là pháp thế.

Như trông thấy đằng xa có người mặc y hoại sắc tưởng là Sa Môn chẳng phải Bà La Môn, thấy có người gút dây đeo trên thân bèn nghĩ rằng là Bà La Môn chẳng phải Sa Môn, đây là chấp trước thế đế.

Như trên đây gọi là năm thứ thế pháp.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh nào đôi với năm thứ thế pháp như vậy tâm không điên đảo biết đúng như thật đây gọi là đệ nhứt nghĩa đế.



Lại như hoặc đốt, hoặc cắt, hoặc chết, hoặc hoại, đây gọi là thế đế.

Không đốt, không cắt, không chết, không hoại, đây gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Lại có tám tướng khổ gọi là thế đế, không sanh, không già v.v... đây gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Ví như một người có nhiều tài : Lúc họ chạy thời gọi là người chạy, lúc gặt cắt lại gọi là người gặt, lúc nấu nướng thời gọi là người làm đồ ăn, lúc cưa đẽo cây gỗ thời gọi là thợ mộc, lúc nấu đập vàng bạc thời gọi là thợ bạc. Chỉ có một người mà có nhiều danh hiệu. Pháp cũng như vậy, thiết chỉ là một mà có nhiều tên. Nhơn nơi cha mẹ hòa hiệp mà sanh gọi là thế đế. Mười hai Nhơn duyên hòa hiệp mà sanh gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Thật đế của Phật nói ý nghĩa thế nào ?".

- Này Thiện nam tử ! Thật đế là Pháp chơn thật. Nếu pháp chẳng phải chơn thời chẳng gọi là thật đế. Thật đế là không điên đảo. Thật đế là không hư vọng. Thật đế gọi là Đại thừa. Thật đế là lời của Phật nói chẳng phải lời của ma. Thật đế là đạo duy nhất thanh tịnh không có hai, có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thời gọi là nghĩa thật đế.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu cho chơn thật là thật đế thời pháp chơn thật tức là Như

Lai, hư không, Phật tánh. Nếu như vậy thời Như Lai, hư không và Phật tánh không có sai khác !".

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : "Có khổ có đế có thật. Có tập có đế có thật. Có diệt có đế có thật. Có đạo có đế có thật.

Này Thiện nam tử ! Như Lai chẳng phải khổ chẳng phải đế là "thật". Hư không chẳng phải khổ chẳng phải đế là thật. Phật tánh chẳng phải khổ chẳng phải đế là "thật".

Khổ là tướng vô thường, là tướng dứt được đó là thật đế. Như Lai tánh chẳng phải khổ chẳng phải vô thường chẳng phải tướng dứt được vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Tập là có thể làm cho ngũ ấm hòa hiệp mà sanh, cũng gọi là khổ cũng gọi là vô thường, là tướng dứt được, đây là thật đế. Như Lai chẳng phải là tập, chẳng phải nhơn của ngũ ấm, chẳng phải tướng dứt được vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Diệt là nói phiền não dứt diệt cũng là thường, cũng là vô thường, hàng Nhị thừa chứng đặng gọi là vô thường, chư Phật chứng đặng thời gọi là thường, cũng gọi là pháp chứng đặng, đây là thật đế. Như Lai tánh chẳng gọi là diệt, có thể dứt diệt phiền não, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng gọi là chứng tri, thường trụ không biến đổi, vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Đạo là có thể dứt phiền não cũng là thường, cũng là vô thường, là pháp có thể tu tập, đây gọi là thật đế. Như Lai chẳng phải đạo có thể dứt phiền não, chẳng phải là thường chẳng phải vô thường, chẳng phải pháp có thể tu tập, thường trụ chẳng biến đổi, vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Chơn thật chính là Như Lai. Như Lai chính là chơn thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Này Văn Thù Sư Lợi có khổ, có khổ hơn, có khổ tận, có khổ đối. Như Lai chẳng phải khổ nhãn đến chẳng phải đối, vì thế nên là thật, chẳng gọi là đế. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Khổ là hữu vi hữu lậu không an lạc. Như Lai chẳng phải hữu vi chẳng phải hữu lậu, đứng lạng an vui, nên là thật chẳng phải đế".

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Thế Tôn như lời Phật nói chẳng điên đảo gọi là thật đế, nếu như vậy trong tứ đế có bốn thứ điên đảo chẳng ? Nếu là có, sao lại nói rằng không có điên đảo gọi là thật đế ! Tất cả điên đảo chẳng gọi là thật".

Này Thiện nam tử ! Tất cả điên đảo đều vào trong khổ đế. Như chúng sanh có tâm điên đảo thời gọi là điên đảo. Ví như có người chẳng lãnh thọ lời dạy răn của cha mẹ tôn trưởng, hoặc dầu lãnh

thọ mà không tùy thuận thật hành, người này gọi là điên đảo. Điên đảo như vậy chẳng phải không là khổ mà chính là khổ.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Nhu lời Phật nói chẳng hư vọng chính là thật đế. Nếu như vậy thời biết rằng hư vọng chẳng phải thật đế".

- Nay Thiện nam tử ! Tất cả hư vọng đều vào trong khổ đế. Như có chúng sanh khi đối người khác, do nhơn duyên này đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, đây gọi là hư vọng, cũng chính là khổ. Những điều đó hàng Thanh Văn, Duyên Giác cùng chư Phật đều xa lìa chẳng thật hành, vì thế nên gọi là hư vọng. Những điều hư vọng như vậy là chỗ dứt trừ của Nhị thừa và chư Phật, nên gọi là thật đế.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Nhu lời Phật nói Đại thừa là thật đế. Do đó biết rằng Thanh Văn thừa và Bích Chi, Phật thừa thời là chẳng thật".

- Nay Thiện nam tử ! Hàng Nhị thừa cũng là thật cũng là chẳng thật. Thanh Văn, Duyên Giác dứt các phiền não thời gọi là thật. Hàng Nhị thừa vô thường chẳng trụ là pháp biến đổi nên gọi là chẳng thật.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Nhu lời Phật nói những pháp của đức Phật nói gọi là thật.

Do đó biết rằng lời nói của ma thời chẳng phải thật. Bạch Thế Tôn ! Lời nói của ma có nhiếp trong Thánh đế chẳng ?".

- Này Thiện nam tử ! Lời nói của ma nhiếp trong hai đế là khổ và tập. Phạm tất cả những điều phi pháp phi luật không thể làm cho người được lợi ích, dầu cả ngày diễn nói cũng không có người nào thấy được khổ, dứt được tập, chứng được diệt, tu được đạo, đây gọi là hư vọng. Những điều hư vọng như vậy cũng đều là lời nói của ma.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Nhuư lời Phật nói đạo duy nhất thanh tịnh không có hai. Các phái ngoại đạo cũng nói ta có đạo duy nhất thanh tịnh không hai. Nếu cho rằng đạo duy nhất là thật đế thời cùng với ngoại đạo kia có sai khác gì. Nếu không sai khác thời lẽ ra chẳng nên nói rằng đạo duy nhất thanh tịnh".

- Này Thiện nam tử ! Các phái ngoại đạo có khổ đế và tập đế mà không diệt đế và đạo đế. Ở trong chẳng phải diệt đế chẳng phải đạo đế, mà họ tưởng là diệt là đạo. Ở trong chẳng phải quả chẳng phải nhơn, mà họ tưởng là quả là nhơn. Do nghĩa này nên họ không có đạo duy nhất thanh tịnh không hai.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Nhuư lời Phật nói có : Thường, lạc, ngã, tịnh là thật nghĩa, thời các phái ngoại đạo lẽ ra cũng có thật đế mà trong Phật Pháp thời không. Vì các phái ngoại đạo nói hạnh là thường. Thế nào là thường ? Vì khả ý, bất khả ý, các nghiệp báo v.v... Khi thọ rồi thời chẳng mất. Khả ý là nói mười báo lành. Bất khả ý là nói mười báo

chẳng lành. Nếu cho rằng các hạnh thấy đều vô thường, kẻ tạo nghiệp đã chết mất thời ai ở nơi kia mà thọ quả báo. Do nghĩa này nên các hạnh là thường. Sát sanh nhơn duyên gọi là thường. Nếu cho rằng vô thường thời kẻ giết cùng bị giết đều vô thường cả, còn ai ở nơi địa ngục mà thọ tội báo. Nếu nói quyết định có địa ngục thọ báo, thời các hạnh thiệt chẳng phải là vô thường. Chuyên tâm ghi nhớ cũng gọi là thường, như chỗ nhớ biết trải qua mười năm nhĩn đến trăm năm cũng chẳng quên mất, vì thế nên là thường. Nếu là vô thường thời những việc đã thấy biết lấy gì để nhớ. Do có ấy nên tất cả các hạnh chẳng phải là vô thường. Tất cả sự tưởng nhớ cũng là thường. Như có người ngày trước thấy tay chân mặt mày đầu cổ của người khác, lúc sau gặp lại liền nhớ biết. Nếu là vô thường thời những tướng thấy biết ngày trước lẽ ra đã diệt mất. Nghề nghiệp tạo tác do tập học từ lâu hoặc ba năm hoặc năm năm rồi sau mới giỏi, nên gọi là thường. Phương pháp tính đếm từ một, hai, ba nhĩn đến trăm ngàn, nếu là vô thường lẽ ra một phải diệt, nếu một đã diệt thời lấy chi đến hai. Do một chẳng diệt nên được đến hai, nhĩn đến trăm ngàn, vì thế nên là thường. Như phương pháp đọc tụng : Đọc nhứt A Hàm rồi đến nhị A Hàm, nhĩn đến tam tứ A Hàm. Nếu là vô thường thời chỗ đọc tụng trọn chẳng đến bốn. Do sự đọc tụng có tăng trưởng nên gọi là

thường. Bình, y, xe cộ, như người mang nợ, hình tượng, địa cầu, núi, sông, cây rừng, cây cỏ, lá thuốc, chúng sanh trị bệnh tất cả đều là thường cũng như vậy. Các phái ngoại đạo đều nói rằng các hạnh là thường. Nếu là thường thì là thật đế.

Bạch Thế Tôn ! Các phái ngoại đạo lại nói lạc. Thế nào biết rằng có ? Vì người thọ quyết định đặng báo khả ý. Phẩm người thọ lạc quyết định đặng đó. Như Đại Phạm Thiên Vương, Đại Tự Tại Thiên, Thích Đề Hoàn Nhơn, và chư Thiên. Do nghĩa này nên nói rằng quyết định có lạc. Lại vì chúng sanh mong cầu nên ngoại đạo nói rằng có lạc. Như người đói cầu ăn, người khát cầu uống, người lạnh cầu ấm, người nóng cầu mát, người mệt nhọc cầu ngơi nghỉ, người bệnh cầu lành. Nếu không có lạc thì những người kia duyên có gì mà cầu. Do vì có người cầu nên biết rằng có lạc.

Các phái ngoại đạo lại cho rằng bố thí có thể đặng lạc. Người đời ưa bố thí cho Sa Môn, Bà La Môn và kẻ nghèo cùng khốn khổ những y phục vật thực, giường ghế, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, hương bột, hương thoa, nhà cửa, đèn đuốc. Bố thí những thứ như vậy vì muốn đời sau tôi được thọ báo khả ý. Vì thế nên biết rằng quyết định có lạc.

Có phái ngoại đạo nói rằng người thọ lạc vì có nhơn duyên nên có lạc xúc. Nếu không lạc đâu thành có nhơn duyên, như sừng thỏ không có, thời

không nhờn duyên. Vì có nhờn duyên lạc, nên biết rằng có lạc.

Ngoại đạo lại nói lạc có thượng, trung và hạ. Thọ lạc bậc hạ như Thích Đề Hoàn Nhơn. Thọ lạc bậc trung như Đại Phạm Thiên Vương. Thọ lạc bậc thượng như Đại Tự Tại Thiên. Vì thế nên biết rằng có lạc.

Ngoại đạo lại nói rằng có tịnh. Nếu không tịnh thời lẽ ra chẳng sanh lòng mong muốn. Vì có mong muốn nên biết là có tịnh. Như vàng, bạc, châu báu, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, chơn châu, bích ngọc, kha bồi, suối mát, ao tắm, vật thực, y phục, hoa hương, đèn đuốc, những vật như vậy đều là tịnh. Họ lại nói thân ngũ ấm chính là tịnh khí đựng những tịnh vật như thân người, Trời, Tiên, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Chư Phật. Do nghĩa này nên gọi là tịnh.

Có phái ngoại đạo lại nói rằng có ngã vì có thấy biết, vì có thể tạo tác. Như có người vào nhà thợ gốm, dầu chẳng thấy thân người thợ nhưng vì thấy khí cụ nên biết quyết định nhà đó là nhà thợ gốm. Ngã cũng như vậy, do mắt thấy sắc biết chắc là có ngã. Nếu không có ngã thời ai có thể thấy sắc ? Nghe tiếng nhĩ đến giác xúc cũng như vậy. Họ lại nói có ngã. Làm sao biết rằng có ? Vì do nơi tướng mà biết : thờ, ngáy, ngó nháy, mạng sống, móng tâm, lãnh thọ sự khổ vui, tham cầu, giận hờn, đều là tướng của ngã. Vì thế nên biết quyết định của ngã.



Ngoại đạo lại nói rằng có ngã, vì phân biệt được mùi vị : Như có người ăn trái cây, thấy trái biết mùi vị. Do đây nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì có chấp tác làm việc nên biết là có ngã : Như cầm lưỡi liềm thời có thể cắt gặt, cầm búa thời có thể chặt, cầm bình thời đựng nước, ngồi xe thời cầm cương, do đó nên biết quyết định có ngã. Ngoại đạo lại nói lúc mới sanh biết đòi bú đó là do tập quán đòi trước, nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo là nói vì hòa hiệp lợi ích chúng sanh khác nên biết rằng có ngã. Như bình, y, xe cộ, ruộng, nhà, núi, rừng, cây cối, voi ngựa, trâu, dê những vật như vậy nếu hòa hiệp thời có sự lợi ích. Năm ấm trong thân người cũng như vậy : Nhãn căn v.v... vì có hòa hiệp thời có sự lợi ích cho người, do đó nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói có ngã vì rằng có sự vật ngăn ngại. Như có vật thời có ngăn ngại. Nếu không vật thời không ngăn ngại. Vì có ngăn ngại nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì có bạn cùng chẳng phải bạn nên biết là có ngã. Như thân yêu cùng chẳng phải thân yêu thời chẳng phải là bạn. Chánh pháp với tà pháp, trí với chẳng trí, Sa Môn cùng chẳng phải Sa Môn, Bà La Môn với chẳng phải Bà La Môn, con

cùng chẳng phải con, ngày với chẳng phải ngày, đêm với chẳng phải đêm, ngã với chẳng phải ngã, các pháp như vậy là bạn và chẳng phải bạn, do đó nên biết quyết định có ngã.

Bạch Thế Tôn ! Các phái ngoại đạo nhiều cách nói có thường, lạc, ngã, tịnh, nên biết quyết định có thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa đó nên các phái ngoại đạo cũng nói được rằng : Ta có chơn đế<sup>1</sup>.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : "Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn mà có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thời người đó chẳng phải là Sa Môn, chẳng phải là Bà La Môn. Vì họ mê nơi sanh tử xa lìa bực đại đạo sư nhứt thế trí. Hàng Sa Môn và Bà La Môn như vậy thiếu kém pháp lành tham đắm các dục nhiễm. Hàng ngoại đạo này ràng buộc trong ngục tham dục, sân khuể, ngu si mà kham nhẫn thọ lạc. Các ngoại đạo này dầu biết nghiệp quả mình làm mình chịu, nhưng còn chẳng thể xa lìa pháp ác. Hàng ngoại đạo này chẳng phải là chánh pháp, chánh mạng, để tự sống, vì họ không có lữ trí huệ nên chẳng thể tiêu được vậy.

Các phái ngoại đạo dầu tham đắm ngũ dục thượng diệu, tham nơi pháp lành nhưng chẳng siêng tu. Ngoại đạo này dầu muốn đến chánh giải thoát, nhưng trì cấm giới chẳng thành tựu. Các ngoại đạo này dầu muốn cầu vui nhưng chẳng có thể cầu như duyên của vui. Các ngoại đạo này dầu bị bốn rắn độc lớn đeo vắn nhưng vẫn phóng dật chẳng cẩn thận. Các

ngoại đạo này bị vô minh che đậy, xa lìa phương pháp lành, thích ở trong tam giới, lửa vô thường đốt cháy mà chẳng thể ra được. Các ngoại đạo này gặp những bệnh phiền não khó lành mà họ chẳng cầu bực lương y đại trí. Các ngoại đạo này thuở vị lai sẽ đi trên đường xa hiểm vô biên, mà chẳng biết tu tập tư lương pháp lành để tự trang nghiêm. Các ngoại đạo này thường bị tay độc dâm dục làm hại mà trở lại ôm ấp rương độc ngũ dục. Các ngoại đạo này giận hờn hung dữ mà trở lại gần gũi bạn ác. Các ngoại đạo này thường bị vô minh che đậy mà trở lại tìm cầu pháp tà ác. Các ngoại đạo này thường bị tà kiến mê lầm mà trở lại thân thiện với tà kiến. Các ngoại đạo này trông mong ăn trái ngọt mà lại gieo giống đắng. Các ngoại đạo này đã ở trong nhà tối phiền não mà trở lại xa lìa đuốc sáng đại trí. Các ngoại đạo này mang bệnh khát phiền não mà trở lại uống nước mặn dục nhiễm. Các ngoại đạo này mê lầm điên đảo nói các hạnh là thường. Cho các hạnh là thường thời không đúng.

Này Thiện nam tử ! Đức Phật quan sát các hạnh thấy đều vô thường. Tại sao biết như vậy ? Vì các hạnh đều do nhơn duyên. Phàm những pháp do nhơn duyên mà sanh thời biết là vô thường. Các ngoại đạo này không có một pháp gì chẳng từ nhơn duyên sanh.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh không sanh không diệt, không đi không đến, chẳng phải quá khứ, vị lai,

hiện tại, chẳng phải do nhơn làm ra cũng chẳng phải không nhơn, chẳng phải tu tác, chẳng phải tác giả, chẳng phải tướng chẳng phải không tướng, chẳng phải có danh chẳng phải không danh, chẳng phải danh sắc, chẳng phải dài ngắn, chẳng phải nhiếp trì trong âm, giới, nhập. Vì thế nên Phật tánh gọi là thường.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh là Như Lai, Như Lai là Pháp, pháp là thường.

Này Thiện nam tử ! Thường là Như Lai, Như Lai là Tăng, Tăng là thường.

Do nghĩa này nên những pháp từ nhơn duyên mà sanh chẳng gọi là thường. Các ngoại đạo này không có một pháp gì chẳng từ nhơn duyên mà sanh. Các ngoại đạo này chẳng thấy Phật tánh Như Lai là pháp. Vì thế nên lời nói của ngoại đạo đều là vọng ngữ không có chơn đế.

Người phàm phu lúc trước thấy bình, y, xe, cộ, nhà cửa, thành quách, nước sông, rừng núi, nam nữ, voi, ngựa, trâu, dê, lúc sau thấy tương tợ bèn nói là thường, phải biết những vật ấy thiệt chẳng phải là thường.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp hữu vi đều là vô thường. Pháp vô vi là thường. Hư không là Phật tánh, là vô vi nên là thường. Hư không tức là Phật tánh, Phật tánh là Như Lai, Như Lai là vô vi, vô vi là thường. Thường là Pháp, Pháp là Tăng, Tăng là vô vi, vô vi là thường.

Này Thiện nam tử ! Có hai thứ pháp hữu vi : Một là sắc pháp, hai là phi sắc pháp. Phi sắc pháp là tâm và tâm sở. Sắc pháp là địa, thủy, hỏa, phong.

Này Thiện nam tử ! Tâm gọi là vô thường vì tánh nó phan duyên phân biệt. Tánh của nhãn thức khác, nhãn đến tánh của ý thức khác, nên là vô thường. Cảnh giới sắc khác, nhãn đến cảnh giới pháp khác, nên là vô thường.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm là thường thời nhãn thức lẽ ra một mình duyên tất cả pháp. Nếu nhãn thức khác, nhãn đến ý thức khác, thời biết là vô thường. Bởi các pháp tương tự niệm niệm sanh diệt, người phạm phu thấy đó chấp cho là thường.

Này Thiện nam tử ! Vì các tướng nhơn duyên có thể phá hoại, nên cũng gọi là vô thường. Như nhơn nhãn căn, nhơn sắc, nhơn ánh sáng, nhơn tư duy mà sanh nhãn thức. Lúc nhĩ thức sanh ra nhơn duyên đều khác chẳng phải là nhơn duyên của nhãn thức, nhãn đến nhơn duyên của ý thức cũng khác như vậy.

(\*) Này Thiện nam tử ! Nhơn duyên phá hoại các hạnh sai khác, nên tâm gọi là vô thường. Như tâm tu vô thường khác, tâm tu khổ, không, vô ngã khác. Nếu tâm là thường lẽ ra thường tu vô thường. Còn chẳng đặng quán khổ, không, vô ngã hướng

---

(\*) Hán bộ quyển thứ 14

lại quán thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên trong giáo pháp của ngoại đạo chẳng có thể nhiếp lấy thường, lạc, ngã, tịnh, phải biết tâm pháp quyết định là vô thường.

Này Thiện nam tử ! Vì tâm tánh sai khác nên gọi là vô thường. Như tâm tánh Thanh Văn khác, tâm tánh Duyên Giác khác, tâm tánh chư Phật khác.

Tất cả ngoại đạo có ba thứ tâm : Một là tâm xuất gia, hai là tâm tại gia, ba là tâm xa lìa tại gia. Tâm tương ưng với lạc khác, tâm tương ưng với khổ khác, tâm tương ưng với bất khổ bất lạc khác, tâm tương ưng với tham dục khác, tâm tương ưng với sân khuê khác, tâm tương ưng với ngu si khác. Tâm tương ưng của tất cả ngoại đạo cũng khác : Các tâm tương ưng với ngu si, nghi hoặc cùng tà kiến đều khác, lúc đi đứng, nằm, ngồi tâm đó cũng khác. Nếu tâm là thường thời lẽ ra chẳng phân biệt các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, tía. Nếu tâm là thường lẽ ra chẳng quên những việc đã từng ghi nhớ. Nếu tâm là thường thời sự đọc tụng lẽ ra chẳng tăng trưởng. Nếu tâm là thường lẽ ra chẳng nên nói rằng : Đã làm, đương làm, sẽ làm. Nếu có đã làm, đương làm, sẽ làm thời biết rằng tâm này quyết định là vô thường. Nếu tâm là thường thời không có oán thù thân ái cũng chẳng oán chẳng thân. Nếu tâm là thường thời chẳng nên nói rằng vật của tôi, vật của người, hoặc sống hoặc chết. Nếu tâm là thường thời đâu có tạo tác lẽ ra

chẳng tăng trưởng. Do những nghĩa đó, nên biết tâm tánh mỗi mỗi đều sai khác. Vì sai khác nên biết là vô thường.

Này Thiện nam tử ! Nay đức Phật ở trong tâm pháp này diễn nói nghĩa vô thường đã rõ, nay vì ông mà nói sắc là vô thường. Sắc này vô thường vốn không có sanh, vì sanh đã diệt. Lúc thân ở thai bào vốn không có sanh, vì sanh đã biến đổi. Các mầm cây vốn không có sanh, vì sanh đã biến đổi. Do đó biết rằng, tất cả sắc pháp thay đều vô thường.

Này Thiện nam tử ! Sắc thân tùy theo thời gian mà biến đổi : Lúc tượng thai nhĩn đến lúc mới sanh đều đổi khác. Lúc thơ bé, lớn khôn nhĩn đến tuổi già luôn luôn đổi khác. Lúc nẩy mầm, lên cây, mọc nhánh sanh lá, trở bông, kết trái đều đổi khác.

Này Thiện nam tử ! Chất vị ở trong cũng đổi khác, lúc tượng thai nhĩn đến lúc già luôn luôn biến đổi. Mầm cây, nhánh, lá, hoa, trái, chất vị cũng đều đổi khác. Sức lực lúc tượng thai nhĩn đến lúc sức lực lúc tuổi già đều đổi khác. Trạng mạo lúc tượng thai nhĩn đến trạng mạo lúc tuổi già đều đổi khác. Quả báo lúc tượng thai nhĩn đến quả báo lúc tuổi già cũng khác. Danh tự lúc tượng thai nhĩn đến danh tự lúc tuổi già cũng sai khác. Sắc thân có hoại có hiệp nên biết là vô thường. Cây cối cũng có hoại có hiệp nên biết là vô thường. Thứ đệ sanh lần lần, như lúc tượng thai sanh lần lần đến tuổi già. Lúc

nảy mầm sanh lần lần đến khi kết trái. Vì thế nên biết là vô thường vì những sắc pháp có thể hoại diệt, như lúc tượng thai hoại diệt hẳn đến lúc tuổi già hoại diệt đều sai khác, lúc nảy mầm hoại diệt hẳn đến lúc kết trái đều hoại diệt nên biết là vô thường. Người phàm phu không hiểu biết thấy tương tự sanh ra chấp cho là thường. Do những nghĩa này nên gọi là vô thường. Đã là vô thường thời chính là khổ, đã là khổ thời chính là bất tịnh.

Này Thiện nam tử ! Các hạnh đều không có ngã. Tổng tất cả pháp không ngoài hai thứ : Sắc và tâm. Sắc không phải ngã, vì sắc có thể phá, có thể hoại, có thể vỡ, có thể đập, có thể tăng trưởng. Ngã thời chẳng thể phá hoại, vỡ đập, sanh trưởng. Do nghĩa này nên biết sắc chẳng phải là ngã.

Tâm cũng chẳng phải ngã vì do nhơn duyên mà sanh khởi. Các ngoại đạo do chuyên niệm mà biết là có ngã. Tánh chuyên niệm thiệt ra chẳng phải ngã. Nếu cho chuyên niệm là ngã, những việc quá khứ có lúc quên mất, vì có quên mất nên quyết định biết là không ngã. Nếu các ngoại đạo do ức tưởng mà biết là có ngã, vì có lúc không ức tưởng nên quyết định biết là không ngã. Như nói : Thấy người bàn tay có sáu ngón, bèn hỏi rằng chúng ta ngày trước gặp nhau ở chỗ nào. Nếu là có ngã thời chẳng nên lại hỏi. Vì hỏi nhau nên quyết định biết là không ngã.



Nếu các ngoại đạo cho rằng vì có ngăn ngại mà biết là có ngã. Xét ra vì có ngăn ngại nên quyết định biết là vô ngã, như nói Điều Đạt thời trọn chẳng nói rằng không phải Điều Đạt. Cũng vậy, nếu ngã quyết định là ngã thời trọn chẳng ngăn ngại ngã. Nhưng vì cũng ngăn ngại ngã nên quyết định biết là vô ngã. Nếu vì ngăn ngại mà biết là có ngã, nay ông chẳng ngăn ngại đáng lẽ là không ngã !

Này Thiện nam tử ! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì bạn cùng chẳng phải bạn mà biết rằng có ngã. Cứ nơi thuyết này mà suy, vì không bạn lẽ ra không có ngã. Có những pháp không bạn : Như Lai, Hư Không, Phật tánh. Ngã cũng như vậy thiệt không có bạn. Do vì nghĩa này nên quyết định biết là không ngã.

Này Thiện nam tử ! Nếu có ngoại đạo cho rằng vì có danh tự mà biết là có ngã. Trong pháp không ngã cũng có danh tự ngã : Như người nghèo hèn mà tên là Phú Quý. Như nói ta chết, nếu ta chết thời là ta giết ta, nhưng ngã thiệt chẳng có thể giết, giả danh là giết ngã. Cũng như người lùn mà tên là Trưởng giả. Do nghĩa này nên quyết định biết không ngã.

Này Thiện nam tử ! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì người mới sanh đã biết đòi bú nên biết là có ngã. Nếu có ngã thời tất cả trẻ thơ chẳng nên bốc phấn, đất, lửa, rắn, thuốc độc. Do nghĩa này nên quyết định biết không ngã.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đối với ba pháp : dâm dục, uống ăn, kinh sợ đều có sự hiểu biết đồng nhau, vì thế nên không có ngã.

Này Thiện nam tử ! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì có tướng mạo mà biết là có ngã. Vì có tướng thời không có ngã, không có tướng cũng là không ngã. Như lúc ngủ, người không thể đi đứng ngược cúi nhìn ngó, chẳng biết khổ biết vui, như thế thời đáng lẽ không có ngã. Nếu cho rằng vì có đi đứng cúi ngược mà biết là có ngã, thời người máy lẽ ra cũng có ngã.

Như Lai chẳng đi, chẳng đứng, chẳng cúi, chẳng ngược, chẳng nhìn, chẳng ngó, chẳng khổ, chẳng vui, chẳng tham, sân, si. Như Lai như vậy mà có ngã chơn thật.

Này Thiện nam tử ! Nếu các ngoại đạo vì thấy người khác ăn trái cây, trong miệng mình sanh nước miếng, nên biết là có ngã. Do vì nhớ tưởng thấy thời sanh nước miếng, nước miếng chẳng phải ngã, ngã cũng chẳng phải là nước miếng, chẳng phải vui buồn, chẳng phải ngáp, chẳng phải cười, chẳng phải nằm, chẳng phải đứng, chẳng phải đối, chẳng phải no. Do nghĩa này nên quyết định biết là không ngã.

Này Thiện nam tử ! Các ngoại đạo ấy ngu si như trẻ nít không có trí huệ phương tiện chẳng hiểu thấu được thường cùng vô thường, khổ vui,

tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã, thọ mạng, phi thọ mạng, chúng sanh phi, chúng sanh, thật, phi thật, hữu, phi hữu. Ở trong Phật pháp họ lấy chút ít phần rồi vọng chấp là có thường, lạc, ngã, tịnh, như người sanh manh chẳng biết màu sữa, bèn hỏi người khác rằng : Màu sữa giống như thứ gì ? Người khác đáp : Màu sữa trắng như vỏ ốc.

Người sanh manh lại hỏi : Thế thì màu sữa như tiếng thổi ốc ư ?

Đáp : Không phải.

Người sanh manh lại hỏi màu ốc giống thứ gì ?  
- Màu ốc trắng như bột gạo.

Người sanh manh nghe nói cho rằng màu sữa mịn nhuyễn như bột gạo. Khi biết không phải lại hỏi.

Người khác đáp : Màu sữa trắng như tuyết.

Người sanh manh lại cho rằng màu sữa lạnh lẽo như tuyết.

Người khác lại bảo màu sữa trắng như lông chim bạch hạc.

Người sanh manh ấy dầu nghe cả bốn thứ thí dụ tỉ lệ, nhưng trọn chẳng biết được màu sắc thiệt của sữa.

Cũng vậy các ngoại đạo này trọn không thể biết được thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này trong Phật pháp của ta có chơn thật đế, không phải hàng ngoại đạo có được".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật : "Hy hữu thay ! Hôm nay đức Như Lai sắp nhập Niết Bàn phương tiện chuyển pháp luân vô thượng, bèn phân biệt chơn thật đế như vậy".

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : "Nay ông có sao ở nơi đức Như Lai mà sanh quan niệm nhập Niết Bàn. Nay Thiện nam tử ! Như Lai thiết là thường trụ chẳng biến đổi chẳng nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai trọn chẳng có quan niệm ta là Phật, ta thành Vô thượng Chánh giác, ta chính là Pháp, pháp là cái có của ta, ta là đạo, đạo là của ta có, ta là Thế Tôn, Thế Tôn là của ta, ta là Thanh Văn, Thanh Văn là của ta, ta có thể thuyết pháp làm cho người khác nghe và thọ trì, ta chuyển pháp luân, người khác không chuyển được. Đức Như Lai trọn không có quan niệm như vậy nên đức Như Lai chẳng chuyển pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Như Lai không có những quan niệm ta thấy biết, sự thấy biết là của ta, tai nghe, mũi ngửi, v.v... cũng như vậy, ta là sắc, sắc là của ta, thính, hương, nhãn đến pháp cũng như vậy, ta là địa đại, địa đại là của ta, thủy, hỏa, phong đại cũng như vậy. Như Lai cũng không có những quan niệm ngã là tín là đa văn, tín và đa văn là của ta, ta là Đàn Ba la mật, là Thi la Ba la mật, nhãn đến là Bát nhã Ba la mật, Đàn Ba la mật nhãn đến Bát nhã Ba la mật là của ta, ta là Tứ niệm xứ là Tứ

chánh cần, nhãn đến là Bát thánh đạo, Tứ niệm xứ nhãn đến Bát thánh đạo là của ta. Như Lai trọn chẳng có những quan niệm như vậy, nên Như Lai chẳng chuyển pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói thường trụ không biến đổi, sao lại nói rằng Phật chuyển pháp luân ! Vì thế nên ông chẳng nên nói rằng đức Như Lai phương tiện chuyển pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Như nhơn nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tư duy hòa hiệp sanh ra nhãn thức. Nhãn căn chẳng nghĩ rằng ta sanh ra thức, sắc, ánh sáng và tư duy cũng chẳng nghĩ rằng ta sanh nhãn thức, nhãn thức cũng chẳng nghĩ rằng ta có thể tự sanh. Những pháp như vậy nhơn duyên hòa hợp đặng gọi là thấy. Cũng vậy, đức Như Lai nhơn sáu Ba la mật cùng ba mươi bảy pháp trợ đạo mà giác ngộ rõ thấu các pháp. Lại nhơn yết hầu, lưỡi răng, môi miệng có ra lời ra tiếng, vì các ông Kiều Trần Như v.v... mà thuyết pháp lần đầu tiên, gọi đó là chuyển pháp luân. Do nghĩa này nên đức Như Lai chẳng gọi là chuyển pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Nếu chẳng chuyển thời gọi là Pháp, pháp là Như Lai. Như do bụi nhùi, do cọ xát, do tay, do phân bò khô mà có lửa sanh ra. Bụi nhùi, v.v... đều chẳng nghĩ rằng ta sanh ra lửa. Lửa cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh. Cũng vậy, đức Như Lai nhơn sáu Ba la mật v.v... Vì các ông

Kiều Trần Như thuyết pháp gọi là chuyển pháp luân, đức Như Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ tương như vậy thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy bèn gọi là Như Lai.

Như do nơi chất lạc, nước, khuấy, bình, giầy, tay người mà có chất tô sanh ra. Lạc v.v... chẳng nghĩ rằng ta sanh ra tô. Tô cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh ra. Do các duyên hòa hiệp nên sanh ra chất tô. Cũng vậy, đức Như Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ như vậy, thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thời là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như do hột giống, đất, nước, phân, hơi nóng, gió, thời gian, công tác của người mà có mầm mọc lên. Hột giống v.v.. chẳng nghĩ rằng ta sanh ra mầm. Mầm cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh. Cũng vậy, đức Như Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ như vậy thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thời là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như do trống, khoảng không, da, dùi, người hòa hiệp nhau mà sanh ra tiếng, trống v.v... chẳng nghĩ rằng ta sanh ra tiếng. Tiếng cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh. Cũng vậy, đức Như Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Chẳng nghĩ như vậy thời gọi đó là chuyển

chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thời là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Chuyển pháp luân là cảnh giới của chư Phật Thế Tôn chẳng phải là hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Này Thiện nam tử ! Hư không chẳng phải sanh, chẳng phải xuất, chẳng phải tạo tác, chẳng phải pháp hữu vi. Cũng vậy, Như Lai chẳng phải sanh, xuất, tạo tác chẳng phải pháp hữu vi. Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật Thế Tôn lời thuyết giáo có hai thứ : Một là thế ngữ, hai là xuất thế ngữ. Đức Như Lai vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác dùng thế ngữ để thuyết giáo. Vì các vị Bồ Tát mới xuất thế ngữ.

Này Thiện nam tử ! Hàng đại chúng nghe pháp cũng có hai hạng : Một là hạng cầu Tiểu thừa, hai là hạng cầu Đại thừa. Ngày trước ở thành Ba La Nại ta chuyển pháp luân cho hàng Thanh Văn. Nay ở thành Câu Thi Na này mới vì các vị Bồ Tát chuyển đại pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Lại có hai hạng người trung căn và thượng căn. Vì hạng trung căn ở thành Ba La Nại ta chuyển pháp luân. Vì hạng thượng căn như Ca Diếp Bồ Tát v.v... ở nơi thành Câu Thi Na này ta chuyển đại pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Hạng tốt hạ căn đức Như Lai trọn chẳng chuyển pháp luân cho họ. Hạng tốt hạ căn tức là nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Người cầu Phật đạo có hai hạng : Một là hạng trung tinh tấn, hai là hạng thượng tinh tấn. Như Lai ở thành Ba La Nại vì hạng trung tinh tấn mà chuyển pháp luân. Nay ở thành Câu Thi Na này chuyển đại pháp luân cho hạng thượng tinh tấn.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước Như Lai ở thành Ba La Nại, chuyển pháp luân lần đầu tiên, có tám muôn Thiên nhưn chứng đặng quả Tu Đà Hoàn. Nay trong hội thuyết pháp tại thành Câu Thi Na này, có tám mươi muôn ức người chứng bực bất thối chuyển Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước ở thành Ba La Nại, Đại Phạm Thiên Vương đánh lễ thỉnh Phật chuyển pháp luân. Nay tại thành Câu Thi Na này, Ca Diếp Bồ Tát đánh lễ thỉnh Phật chuyển đại pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước ở thành Ba La Nại, lúc chuyển pháp luân Phật giảng thuyết về vô thường, khổ, không, và vô ngã. Nay tại thành Câu Thi Na này Như Lai giảng thuyết về thường, lạc, ngã và tịnh.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước ở thành Ba La Nại, lúc thuyết pháp tiếng nói của Phật nghe xa đến



trời Phạm Thiên. Nay tại thành Câu Thi Na này, lúc chuyển pháp luân tiếng của Phật khắp đến hai mươi hằng hà sa thế giới ở mười phương.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật Thế Tôn phàm có lời nói ra đều gọi là chuyển pháp luân.

Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có luân bảo, kẻ chưa hàng phục có thể làm cho hàng phục, người đã hàng phục có thể làm cho an ổn. Chư Phật Thế Tôn phàm có thuyết pháp cũng như vậy. Vô lượng phiền não người chưa điều phục có thể làm cho điều phục, người đã điều phục làm cho sanh căn lành.

Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có luân bảo có thể phá tan tất cả oán tặc. Cũng vậy, đức Như Lai thuyết pháp có thể làm cho tất cả giặc phiền não thấy đều tịch tịnh.

Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có luân bảo trên dưới xoay chuyển. Cũng vậy, Như Lai thuyết pháp có thể làm cho các chúng sanh ở ác thú sanh lên cõi trời người nhân đến thành Phật đạo.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên nay ông chẳng nên khen rằng đức Như Lai ở nơi đây lại chuyển pháp luân".

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Đối với nghĩa này chẳng phải là tôi không biết. Hỏi Phật là vì muốn lợi ích cho những chúng sanh. Từ lâu tôi đã biết chuyển pháp luân thiết là cảnh giới của

chư Phật Như Lai, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ Tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn thật hành Thánh hạnh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn do nghĩa gì gọi là Thánh hạnh ?".

- Này Thiện nam tử ! Thánh là nói chư Phật Thế Tôn. Do nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu là chỗ thật hành của chư Phật thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát có thể tu hành được.

- Này Thiện nam tử ! Đây là chư Phật Thế Tôn an trụ nơi Đại Niết Bàn này mà phân biệt khai thị như vậy, do nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát nghe như vậy rồi thời có thể phụng hành nên gọi là Thánh hạnh. Đại Bồ Tát này đặng tu hành hạnh đây rồi thời đặng trụ nơi bực vô sở úy. Chẳng còn sợ tham, sân, si, sanh, lão, bệnh, tử. Cũng chẳng còn sợ ác đạo, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Này Thiện nam tử ! Luân về sự ác có hai hạng : Một là A Tu La, hai là trong loài người. Trong loài người có ba hạng ác : Một là nhứt xiển đề, hai là hạng hủy báng kinh điển Đại thừa Phương Đẳng, ba phạm bốn tội trọng. Trụ trong vô sở úy này, hàng

Bồ Tát trọn chẳng sợ đọa trong những hạng ác như vậy. Cũng chẳng còn sợ Sa Môn, Bà La Môn, ngoại đạo tà kiến, Thiên ma Ba tuần. Cũng chẳng còn sợ thọ thân trong hai mươi lăm cõi. Vì thế nên bức này gọi là vô sở úy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ bức vô sở úy chứng đặng hai mươi lăm môn tam muội, phá hoại hai mươi lăm cõi. Đặng vô cấu tam muội có thể phá hoại cõi địa ngục. Đặng bất thối tam muội có thể phá hoại cõi súc sanh. Đặng tâm lạc tam muội có thể phá hoại cõi nạ qui. Đặng hoan hỷ tam muội có thể phá hoại cõi A tu la. Đặng nhứt quang tam muội có thể dứt cõi Phất Bà Đề. Đặng nguyệt quang tam muội có thể dứt cõi Cù Da Ni. Đặng nhiệt diệm tam muội có thể dứt cõi Uất đơn Việt. Đặng như huyễn tam muội có thể dứt Diêm Phù Đề. Đặng như thiết pháp bất động tam muội có thể dứt cõi Tứ Thiên Vương. Đặng tồ phục tam muội có thể dứt cõi Đao Lợi Thiên. Đặng duyệt ý tam muội có thể dứt cõi Diệm Ma Thiên. Đặng thanh sắc tam muội có thể dứt cõi Đâu Suất Thiên. Đặng huỳnh sắc tam muội có thể dứt cõi Hóa Lạc Thiên. Đặng xích sắc tam muội có thể dứt cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên. Đặng bạch sắc tam muội có thể dứt cõi Sơ Thiên. Đặng chủng chủng tam muội có thể dứt cõi Đại Phạm Vương. Đặng song tam muội có thể dứt cõi Nhị Thiên. Đặng lô âm tam muội có thể dứt cõi Tam

Thiền. Đặng chú vô tam muội có thể dứt cội Tứ Thiền. Đặng như hư không tam muội có thể dứt cội Vô Tướng. Đặng chiếu cảnh tam muội có thể dứt cội Tịnh Cư A Na Hàm. Đặng vô ngại tam muội có thể dứt cội Không xứ thiên. Đặng thường tam muội có thể dứt cội Thức xứ thiên. Đặng lạc tam muội có thể dứt cội Bất dụng xứ thiên. Đặng ngã tam muội có thể dứt cội Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên.

Đây gọi là Bồ Tát chứng đặng hai mươi lăm tam muội dứt hai mươi lăm cội.

Này Thiện nam tử ! Hai mươi lăm môn tam muội này gọi là vua của các môn tam muội. Đại Bồ Tát nhập trong những môn tam muội vương này, nếu muốn thối hoại núi Tu Di liền có thể tùy ý. Nếu muốn biết tâm niệm của mọi loài chúng sanh trong cội đại thiên, cũng đều có thể biết. Muốn đem mọi loài chúng sanh trong cội đại thiên để vào trong một lỗ chân lông nơi thân của mình liền có thể tùy ý, cũng có thể làm cho những chúng sanh đó không có quan niệm chật hẹp. Nếu muốn hóa làm vô lượng chúng sanh đầy khắp trong cội đại thiên, cũng liền có thể tùy ý. Muốn chia một thân làm nhiều thân, lại hiệp nhiều thân làm một thân, dầu làm những sự như vậy nhưng tâm không trụ trước, dường như hoa sen.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nhập trong những môn tam muội vương như vậy rồi, liền đặng trụ nơi

bực tự tại. Bồ Tát trụ bực tự tại này thời đặng sức tự tại, tùy ý muốn sanh chỗ nào liền đặng vãng sanh.

Ví như Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ, tùy ý qua lại không bị chướng ngại. Cũng vậy, tất cả chỗ muốn thọ sanh Bồ Tát này có thể tùy ý vãng sanh.

Bồ Tát này nếu thấy tất cả chúng sanh nơi địa ngục, kẻ nào có thể làm cho sanh căn lành, Bồ Tát liền qua mà thọ sanh trong đó, dầu sanh nhưng chẳng phải là nghiệp quả, do sức tự tại mà thọ sanh trong đó. Bồ Tát này dầu ở nơi địa ngục nhưng chẳng bị những sự khổ đốt cháy nát thân v.v...

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát này thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức công đức như vậy, còn không thể nói hết, huống là công đức của Phật mà có thể nói được".

Bấy giờ trong chúng hội, có một vị Bồ Tát tên là Trụ Vô Cấu Tạng Vương, có oai đức lớn thành tựu thần thông, đặng đại tổng trì đầy đủ môn tam muội, chứng bực vô sở úy, liền đứng dậy trích y bày vai bên hữu quỳ gối hữu, chấp tay bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói : Chư Phật Bồ Tát thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức công đức thiệt không thể nói được. Ý tôi còn cho rằng vẫn chẳng bằng kinh điển Đại thừa này vì hơn sức của kinh Đại thừa Phương Đẳng này

nên có thể xuất sanh chư Phật Thế Tôn Vô thượng Chánh giác".

Phật khen rằng : Lành thay ! Lành thay ! Phải lắm đúng như lời ông nói. Những kinh Phương Đẳng Đại thừa dầu thành tựu vô lượng công đức, muốn so sánh với kinh này thời không thể kịp được, trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn muôn ức lần, nhứt đến toán số thí dụ cũng chẳng kịp được.

Ví như từ bò có sữa, từ sữa sanh ra chất lạc, từ lạc sanh ra chất sanh tô, từ sanh tô sanh ra chất thực tô, từ thực tô sanh ra chất đề hồ. Chất đề hồ là vị hơn hết, nếu có người uống, chất này các thứ bệnh đều tiêu trừ, bao nhiêu chất thuốc đều vào trong đề hồ.

Cũng vậy, từ Phật có ra mười hai loại kinh, từ mười hai loại kinh có ra Tu Đà La, từ Tu Đà La có ra kinh Phương Đẳng, từ kinh Phương Đẳng có ra Bát Nhã Ba La Mật, từ Bát Nhã Ba La Mật có ra Đại Niết Bàn, như chất đề hồ. Chất đề hồ dụ cho Phật tánh. Phật tánh tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên nói rằng Như Lai có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nói được tính được".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật khen kinh Đại Niết Bàn như chất đề hồ là vị thượng diệu, nếu có người uống đề hồ thời những

chứng bịnh đều tiêu trừ, tất cả các vị thuốc đều vào trong chất đề hồ. Tôi nghe lời này trộm nghĩ rằng : Nếu có người chẳng nghe chẳng lãnh thọ được kinh này, phải biết người đó rất là ngu si không có tâm lành.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi thiết có thể kham chịu lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết, biên chép kinh Đại Niết Bàn này. Biên chép đọc tụng thông thuộc, rồi vì người mà giảng rộng ý nghĩa đó.

Bạch Thế Tôn ! Nếu có chúng sanh tham trước của cải, tôi sẽ bố thí của cải rồi sau đem kinh Đại Niết Bàn này khuyên họ đọc. Nếu có người sang quý, tôi trước dùng ái ngữ để được cảm tình, rồi sau lần lần sẽ đem kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này khuyên họ đọc. Nếu là kẻ thường dân, tôi sẽ dùng oai thế ép họ đọc tụng. Nếu với người kiêu mạn tôi sẽ làm tôi tớ họ, tùy thuận ý của họ cho họ vui lòng, rồi sau sẽ đem kinh Đại Niết Bàn này mà dẫn dắt họ. Nếu có người hủy báng kinh Đại thừa tôi sẽ dùng thế lực hàng phục họ, rồi sau khuyên họ đọc kinh Đại Niết Bàn. Nếu có người ưa thích kinh Đại thừa, tôi đích thân đến cũng kính cúng dường tôn trọng tán thán họ".

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : Lành thay ! Lành thay ! Ông thiết đáng là người ưa thích kinh điển Đại thừa, tham kinh Đại thừa, thọ kinh Đại thừa,

say kinh Đại thừa, kính tin tôn trọng cúng dường kinh Đại thừa.

Này Thiện nam tử ! Nay do tâm lành này, ông sẽ siêu việt vô lượng vô biên hằng hà sa đại Bồ Tát, đặng thành Vô thượng Chánh giác trước. Chẳng bao lâu ông cũng sẽ vì đại chúng diễn nói tạng bí mật Đại Niết Bàn, Như Lai, Phật tánh, như ta hôm nay.

Này Thiện nam tử ! Về thuở quá khứ thời kỳ không có Phật ra đời, lúc đó ta làm Bà La Môn tu hạnh Bồ Tát, có thể thông đạt những kinh luận của tất cả ngoại đạo, tu hạnh tịch diệt, đầy đủ oai nghi, tâm ta thanh tịnh chẳng bị các dục nhiễm ở ngoài phá hoại, dứt lửa sân hận, thọ trì pháp môn thường, lạc, ngã, tịnh. Khắp nơi ta tìm cầu kinh điển Đại thừa, nhẫn đến vẫn chẳng được nghe danh tự kinh Phương Đẳng. Bấy giờ ta ở núi Tuyết. Núi này thanh tịnh có suối chảy ao tắm, rừng rậm cây thuốc, hoa thơm nở khắp núi, chim thú không thể tính đếm, nhiều thứ trái ngon, lại có vô lượng ngó sen, củ ngọt củ thơm. Ta ở một mình trong núi chỉ ăn các thứ trái, ăn xong ngồi thiền chuyên tâm quán tưởng. Ta tu khổ hạnh như vậy trải qua vô lượng năm, cũng chẳng được nghe có Phật ra đời cùng tên kinh Đại thừa.

Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên thấy ta bền tu khổ hạnh như vậy lòng họ kính sợ bảo nhau rằng : Chúng ta nên xem coi :



Trong núi Tuyết thanh tịnh,  
Người ly dục tịch tịnh  
Vua công đức trang nghiêm,  
Đã lia tham sân mạn  
Dứt hẳn lòng ngu si,  
Miệng chưa từng nói ra  
Những lời thô ác thảy.

Có một vị Thiên tử tên là Hoan Hỷ lại nói kệ rằng :

Người ly dục như vậy  
Thanh tịnh siêng tinh tấn,  
Toan chẳng cầu Đế Thích  
Và làm chư Thiên ư !  
Nếu là hạng ngoại đạo  
Họ tu hành khổ hạnh  
Phần nhiều đều mong cầu  
Tòa ngời của Đế Thích.

Có một vị Tiên thiên tử lại vì Đế Thích mà nói  
kệ rằng :

Thiên Chúa Kiều Thi Ca  
Chẳng nên sanh lòng lo  
Ngoại đạo tu khổ hạnh  
Hà tất cầu Đế Thích.

Thiên tử này lại thưa với Đế Thích : "Bực đại sĩ trong đời vì chúng sanh nên chẳng tham luyến thân mình mà tu vô lượng khổ hạnh để làm lợi ích cho chúng sanh. Hạng người như vậy thấy rõ những lỗi lầm trong dòng sanh tử, dầu của báu đầy cả mặt đất, đại sĩ này cũng chẳng tham muốn như thấy mũi dãi. Bực đại sĩ này rời bỏ của cải, vợ con, đầu mắt, tủy não, tay chơn, da thịt, nhà cửa, voi, ngựa, xe cộ, tột tót, cũng chẳng mong cầu sanh lên cõi trời, chỉ mong muốn làm cho tất cả chúng sanh được an vui. Như chỗ tôi hiểu bực đại sĩ như vậy lòng thanh tịnh không ô nhiễm, đã dứt hết phiền não chỉ muốn cầu quả Vô thượng Bồ Đề.

Thích Đề Hoàn Nhơn bảo rằng : "Theo như lời ông nói thời người ấy vì nhiếp thủ tất cả chúng sanh trong đời. Nay Đại Tiên ! Nếu trong đời này có Phật dứt trừ được tất cả rắn độc phiền não của chư Thiên, loài người và A tu la. Nếu các chúng sanh ở trong bóng mát của Phật thời tất cả những độc phiền não đều tiêu diệt. Nay Đại Tiên ! Bực Đại sĩ này nếu trong đời vị lai sẽ thành Phật, thời chúng ta sẽ được dứt trừ vô lượng phiền não. Việc này thiệt là khó tin, vì vô lượng chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ Đề, bị chút ít duyên liền thôi thất Bồ Đề tâm, như bóng trăng trong nước, nước động thời trăng động. Lại như họa tượng, khó thành mà dễ hư. Cũng vậy, tâm Bồ Đề khó phát mà dễ thôi thất.

Này Đại Tiên ! Như có nhiều người mặc giáp cầm gậy muốn đi dẹp giặc, lúc ra đến chiến trận lòng sợ sệt thời bèn chạy lui. Cũng vậy vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ Đề tự trang nghiêm bền chắc, lúc thấy lỗi sanh tử lòng sợ sệt, bèn thôi thất. Này Đại Tiên ! Ta từng thấy vô lượng chúng sanh sau khi phát tâm Bồ Đề đều bị thôi chuyển. Vì thế nên nay dầu thấy người này tu khổ hạnh tịch tịnh không phiền não nhưng ta chưa tin được. Nay ta sẽ thử đến xem người này thiệt có thể gánh vác nổi Vô thượng Bồ Đề chăng ? Này Đại Tiên ! Như xe có hai bánh thời có công dụng chở chuyên, như chim có hai cánh mới có thể bay đi. Người tu khổ hạnh này, dầu thấy là giữ gìn giới cấm, nhưng chưa biết có trí sâu chăng ? Nếu có trí sâu thời có thể gánh nổi Vô thượng Bồ Đề. Này Đại Tiên ! Như cá mẹ đẻ ra bầy cá con, nhưng số cá được lớn khôn rất ít. Như cây Am la nhiều bông mà ít trái. Chúng sanh phát tâm Bồ Đề đông vô lượng nhưng ít người được thành tựu. Này Đại Tiên ! Ông nên cùng ta đồng qua thử đó. Như vàng ròng sau khi thử đủ ba cách mới biết là vàng thiệt, là đốt đập và mài. Nay chúng ta cũng thử người tu khổ hạnh này.

Lúc đó Thích Đế Hoàn Nhơn tự biến thân mình làm quỷ La Sát dung mạo đáng sợ, bay xuống núi Tuyết đến gần người tu khổ hạnh, cất tiếng thanh nhã tuyên nói nửa bài kệ của Phật quá khứ :

**Các hạnh vô thường  
Là pháp sanh diệt.**

Quý La Sát nói nửa kệ xong liếc mắt tìm ngó bốn phía. Người tu khổ hạnh nghe hai câu kệ ấy lòng rất vui mừng, như người khách buôn ban đêm đến đường hiểm lạc mất đồng bạn, kinh sợ tìm kiếm bỗng gặp được đồng bạn, lòng rất vui mừng. Cũng như người bệnh lâu chưa gặp được lương y, về sau bỗng gặp được. Như người trôi nổi ngoài biển khơi bỗng gặp được thuyền bè. Như người quá khát gặp được nước mát trong. Như người bị oán địch rượt mà chạy thoát được. Như người bị trôi nhốt đã lâu bỗng đặng thả. Cũng như nhà nông trời nắng hạn mà gặp mưa. Như người đi xa trở về đến nhà, cả nhà đều vui mừng.

Này Thiện nam tử ! Lúc nghe được nửa bài kệ ấy, lòng người khổ hạnh vui mừng cũng như vậy. Liền đứng dậy lấy tay đỡ tóc lên ngó tìm bốn phía nói rằng : "Chẳng biết ai vừa nói hai câu kệ ?" Ngó mãi không thấy người nào khác chỉ thấy quý La Sát bèn nói rằng : "Ai khai môn giải thoát như vậy ? Ai có thể thuật lời của Phật như vậy ? Ai có thể ở trong giấc ngủ sanh tử mà có thể riêng được giác ngộ xướng lên lời đó vậy ? Ai có thể ở chốn này đem đạo vị vô thượng chỉ dạy cho chúng sanh đang đói khát trong vòng sanh tử ? Ai có thể làm thuyền lớn cứu vớt vô lượng chúng sanh đang nổi chìm trong

biển sanh tử ? Những chúng sanh này thường mang bệnh nặng phiền não, ai có thể làm lương y nói hai câu kệ ấy khai ngộ tâm của tôi. Như mặt trăng nửa như hoa sen hé nở.

Người khổ hạnh lúc đó không thấy có ai khác chỉ thấy quỉ La Sát nghĩ rằng có lẽ quỉ này nói hai câu kệ ấy chẳng ? Rồi lại nghĩ rằng quỉ này hình dung hung dữ đáng sợ, phàm người đặng nghe những câu kệ ấy thời tất cả sự sợ sệt xấu xa liền tiêu trừ, đâu có lẽ người hình mạo xấu xa này mà có thể nói lời kệ ấy. Như trong lửa mọc được hoa sen. Trong ánh nắng mặt trời chẳng sanh được nước mát. Rồi lại tự trách : Ta thật là vô trí hoặc quỉ này đặng gặp chư Phật quá khứ, nên được nghe nửa bài kệ ấy, nay ta nên hỏi ý nghĩa của lời ấy". Suy nghĩ xong liền đến trước quỉ La Sát nói rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Đại Sĩ ! Ngài ở đâu mà học được nửa bài kệ của Phật quá khứ như vậy".

Quỉ La Sát liền đáp rằng : "Này Bà La Môn ! Ông chẳng nên hỏi ta về việc ấy. Vì ta đã nhiều ngày không được ăn đói khát khổ não tâm ý mê loạn. Ta tìm cầu khắp nơi vẫn chẳng được thức ăn. Vì thế nên ta nói những lời như vậy".

Người khổ hạnh lại nói với quỉ La Sát : "Nếu Đại Sĩ có thể vì tôi nói trọn bài kệ, tôi sẽ trọn đời làm đệ tử ngài. Kệ của Đại sĩ vừa nói lời chẳng đủ, nghĩa chẳng trọn, sao Đại sĩ chẳng nói cho trọn ? Luận về tài thí thời có cạn hết, còn pháp thí thời

chẳng thể cùng tận, nhiều sự lợi ích. Tôi nghe nửa bài kệ ấy sanh lòng kinh nghi. Trông mong Ngài vì tôi mà nói cho trọn, tôi sẽ trọn đời làm đệ tử Ngài".

Quý La Sát nói : "Ông tham thái quá chỉ biết tự thương thân mình mà chẳng nghĩ đến người. Ta đương đói khổ thiết không thể nói đặng".

Người khổ hạnh hỏi : "Thức ăn của Ngài là vật gì ?".

Quý nói : "Ông đừng hỏi, nếu ta nói ra thời mọi người phải kinh sợ".

Người khổ hạnh nói : "Giữa đây chỉ có mình tôi không có người nào khác. Tôi không sợ, Ngài cứ nói".

Quý nói : "Tôi chỉ ăn thịt người tươi nóng, chỉ uống máu nóng của người. Vì ta phước mỏng nên chỉ ăn những thứ đó. Ta tìm khắp các nơi mà chẳng đặng. Trong đời dầu có người đông nhiều, nhưng mỗi người đều có phước đức, lại được chư Thiên Thần thủ hộ, ta không đủ sức bắt ăn được".

Người khổ hạnh nói : "Ngài cứ nói đủ bài kệ ấy, tôi nghe kệ rồi sẽ đem thân này dâng cho Ngài dùng. Thưa Đại sĩ nếu lúc tôi chết thân này sẽ không dùng vào việc gì được, sẽ bị cọp, sói, chim hiêu, kên kên ăn mổ, không được một mảy phước đức. Nay tôi vì cầu vô thượng Bồ Đề xả thí thân vô thường chẳng bền này, để đổi lấy thân thường trụ bền chắc".

Quý nói : "Ai tin được lời của ông, chỉ vì có tám chữ mà thí bỏ thân đáng mến đáng tiếc".

Người khổ hạnh nói : "Như có người đem đồ sành vỡ thí cho người khác mà đặng đồ bằng sắt bảo. Cũng vậy, tôi xả thí thân vô thường này để đặng thân kim cương. Ngài nói ai tin được lời tôi ?

Các vị Đại Phạm Thiên Vương, Thích Đề Hoàn Nhơn và Tứ Thiên Vương có thể chứng minh lời tôi. Lại có các vị Bồ Tát tu hành Đại thừa đủ Lục độ, lợi ích vô lượng chúng sanh, có thiên nhãn cũng chứng biết được lời của tôi, Thập phương chư Phật cũng chứng biết cho tôi vì tám chữ mà xả thí thân mạng".

Quý nói : "Nếu ông có thể xả thí thân mạng như vậy, thời nên lóng nghe kỹ tôi sẽ vì ông nói nửa bài kệ sau".

Người khổ hạnh nghe quý hứa nói vui mừng hơn hở, liền cởi tám da nai đang mặc trên thân trải tòa rồi mời quý : "Bạch Hòa Thượng, xin thỉnh Ngài lên tòa này".

Quý ngồi xong, người khổ hạnh quì dài, vòng tay thưa rằng : "Mong Hòa Thượng vì tôi mà nói nửa bài kệ còn lại cho được đầy đủ".

Quý La Sát liền tuyên rằng :

Sanh diệt diệt rồi

Tịch diệt là vui.

Quý La Sát nói hai câu kệ rồi bảo rằng : "Này đại Bồ Tát nay ông đã nghe đủ cả nghĩa bài kệ, lòng mong muốn của ông đã đầy đủ, nếu ông muốn lợi ích chúng sanh giờ đây nên thí thân cho ta".

Người khổ hạnh suy nghĩ kỹ những nghĩa trong bài kệ rồi biên chép lên trên đá, trên vách, trên cây, bên đường đi. Tự cột áo xiêm sớ sau khi chết thân thể lỏa lồ rồi leo lên cây cao.

Thọ thần bảo người khổ hạnh : "Lành thay ! Lành thay ! Nay ông muốn làm việc gì ?".

Người khổ hạnh đáp : "Tôi muốn thí xả thân này để trả giá bài kệ".

Thọ thần nói : "Bài kệ như vậy có những lợi ích gì ?".

Người khổ hạnh đáp : "Những câu kệ ấy là lời thuyết pháp của Phật ba đời, trong ấy chỉ dạy đạo pháp chơn không. Tôi vì pháp này muốn lợi ích tất cả chúng sanh mà thí xả thân này, chẳng phải vì lợi danh, chẳng cầu Chuyển Luân Thánh Vương, Tứ Thiên Vương, Thích Đề Hoàn Nhơn, Đại Phạm Thiên Vương, chẳng cầu quả vui của người, của trời".

Lúc sắp sửa xả thân, người khổ hạnh nói rằng : "Nguyện cho tất cả người tham lam bòn sẻn đều thấy tôi xả thân. Những người bố thí chút ít sanh lòng cống cao cũng đặng thấy tôi vì một bài kệ mà xả thân mạng".



Nói xong, người khổ hạnh buông mình từ trên cây rơi xuống. Lúc thân chưa tới đất. Trong hư không vang ra các thứ tiếng thâu đến cõi trời Sắc Cứu Cánh. Quỷ La Sát hườn lại hình Thiên Đế hứng lấy thân người khổ hạnh để nhẹ nhàng xuống đất.

Bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhơn, Đại Phạm Thiên Vương cùng chư Thiên đánh lễ người khổ hạnh mà khen rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Thiệt là Bồ Tát có thể lợi ích nhiều cho vô lượng chúng sanh, muốn thấp đuốc pháp lên giữa đêm tối vô minh. Vì tôi mến tiếc pháp lớn của Như Lai nên có nhiều nỗi gài. Ngưỡng mong Ngài cho tôi sám hối tội lỗi. Thuở vị lai Ngài quyết định thành Vô thượng Chánh giác. Khi được thành Phật, mong Ngài tế độ chúng tôi".

Nói xong, Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên đánh lễ người khổ hạnh, cáo từ, bỗng nhiên ẩn mất.

Này Thiện nam tử ! Người khổ hạnh thuở xưa chính là tiền thân của ta. Ngày trước vì nửa bài kệ ấy mà ta xả thí thân mạng. Do có đó ta đặng vượt bực thành Phật trước Di Lặc mười hai kiếp.

Này Thiện nam tử ! Ta đặng vô lượng công đức như vậy đều do cúng dường chánh pháp của Như Lai

Nay ông phát tâm Vô thượng Bồ Đề, thời ông cũng đã vượt hơn vô lượng vô biên hằng hà sa Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Bát Niết Bàn tu hành Thánh hạnh".

